

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

1 - 12 - 2020

Phật lịch 2564

TẠP CHÍ

SỐ 357

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

ISSN 2734-9128

Ý NGHĨA
ĐÍCH THỰC
của sự sống

PHẬT GIÁO VIỆT NAM
với việc phòng và chống
căn bệnh thế kỷ HIV

CÁI ĐẸP
TỰ TÂM





THE MOST FAVOURITE VIETNAMESE BRAND NAME 2020



BỘ SƯU TẬP NẾN QUÀ TẶNG 2020

LAN TỎA CẢM XÚC, HẠNH PHÚC MỖI NGÀY

"Spread it around, happy for hours"



NPP : CÔNG TY NẾN NGUYỄN QUANG TRUNG

Đc : 20 Đường Số 4, Đường Phan Văn Trị, Phường 5, Q.Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 85715 / Fax : 028 2253 4200

www.quangminhcandle.vn





ZEN ART

TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT PHẬT GIÁO ZEN ART

Nghệ thuật đích thực bắt nguồn từ trái tim

Số 126 Đường 11 Phường Tam Bình - Thủ Đức - TPHCM - Điện Thoại 0909319882



Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập **Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập
TT kiêm Tổng Thư ký **Thích Minh Nhân**
Tòa soạn

Phó Tổng Biên tập **Thích Minh Hiền**

Trị sự Tòa soạn **Thích Minh Ân**

Biên tập **Thích Phước Nghiêm**
Lê Văn Đô

Mỹ thuật & Thiết kế **Anna Huỳnh**
Thanh Hà

Liên hệ Quảng cáo **Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành **Thích Minh Thuần**
Liên hệ **0886 424 842**



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38484 335 - 0938305930
Email: toasoanvhpg@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM



SỐNG LÀNH MẠNH, BAO DUNG VÀ TỈNH THỨC:

- | | |
|----|--|
| 09 | Ý nghĩa đích thực của sự sống (TT. Thích Phước Đạt) |
| 14 | Giáo hội Phật giáo Việt Nam với công tác phòng và chống HIV/AIDS (Bùi Hữu Dực) |
| 18 | Giữ gìn tâm thiện, sống đời bao dung là giải pháp hữu hiệu ngăn ngừa căn bệnh thế kỷ (ĐĐ. Thích Trí Huệ) |
| 22 | Sống lành mạnh, khoan dung theo tư tưởng Phật giáo (Trần Vũ) |
| 25 | Phương pháp Phật giáo giúp người nhiễm HIV/AIDS chuyển hóa tiêu cực (An Nhiên Sakya) |

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI:

- | | |
|----|---|
| 29 | Hòa thượng Trần Nhiếp và hạnh Từ bi với nhân dân vùng sâu (TT. Thích Minh Tiến) |
| 32 | Tổ Ấn Tông Phong (Trần Quê Hương) |
| 34 | Để có hạnh phúc đích thực (ĐĐ. Thích Trung Định) |
| 38 | Ni trưởng Tịnh Nguyên: Người đi gieo hạt bồ đề (Thích Nữ Chơn Định) |



TRONG SỐ NÀY

Kinh Biểu



PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG:

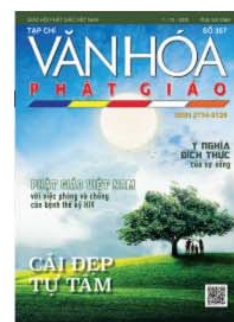
- | | |
|----|---|
| 44 | Tổ đình Hội Khánh: Bình yên một ngôi chùa... (Trần Quỳnh Như) |
| 49 | Sử dụng Internet đúng đắn để thúc đẩy văn hóa đọc (Nguyễn Quốc Vương) |
| 54 | Ban mai Đà Lạt (Trần Vọng Đức) |
| 58 | Cái đẹp từ Tâm... (Nguyễn An) |

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ:

- | | |
|----|---|
| 63 | Khái quát về biểu tượng Phật giáo (TT. Thích Nhật Từ) |
| 71 | Tác phẩm Từ tốt đến vĩ đại và tinh hoa "Lãnh đạo cấp độ 5" (Tạ Hoàng Giang) |
| 76 | Giá trị nội dung tác phẩm Thiền tông Bản Hạnh của Thiền sư Chân Nguyên (Thích Nữ Phước Bảo) |
| 84 | Sư Khương Tăng Hội và lời tựa kinh An Ban Thủ Ý (Kim Lan) |
| 88 | Nhu cầu về một hệ thống cơ sở lý luận của Khuynh hướng nhập thế của Phật giáo (Nguyễn Chiến Trường) |

GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CỦA CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Hòa Khánh - Chùa Liên Hoa, TP.HCM
 Chùa Bửu Khánh - TX Ngọc Tâm, Chùa Thanh Lương, Kiên Giang
 Chùa Sắc Tứ Long An, Tiền Giang



Thiết kế bìa: Thanh Hà



“Những dòng thác chảy trên đời
Này Ajita, được ngăn chặn là nhờ chánh niệm.
Ta tuyên bố sự chế ngự những bậc lưu
Do tuệ, chúng bị chặn đứng”.



Tiểu Bộ Kinh - Kinh Tập (Sutta Nipata) số 1035. |



THƯ TÒA SOẠN



Kính thưa quý độc giả!

Ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số 357 phát hành ngày 01/12/2020 với chủ đề: **“Sống lành mạnh, bao dung và tỉnh thức”**, mang thông điệp tinh thức cảnh báo về sự hủy hoại nghiêm trọng thể chất và tinh thần của con người do căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS gây ra, nhân **Ngày thế giới phòng, chống bệnh AIDS (World AIDS Day)** đây là ngày Lễ Quốc tế được cử hành vào ngày 1 tháng 12 hàng năm, nhằm nâng cao nhận thức về nạn dịch AIDS do việc lây nhiễm HIV đồng thời để tưởng nhớ các nạn nhân đã chết vì HIV/AIDS. Hướng tới “Tháng hành động Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS năm 2020” có chủ đề trọng tâm là “30 năm ứng phó và cơ hội chấm dứt đại dịch AIDS tại Việt Nam!”.

HIV/AIDS không chỉ đơn thuần là một căn bệnh, nó còn là một vấn nạn nhức nhối, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống kinh tế nước nhà và nền tảng đạo đức xã hội. Trước mối nguy hại đó, các quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã có những nỗ lực tích cực và hiệu quả nhằm ngăn chặn và đẩy lùi “đại dịch” này với quyết tâm thực hiện mục tiêu quan trọng mà Việt Nam đã cam kết đó là kết thúc dịch AIDS vào năm 2030.

Trong suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm văn hiến, Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc Việt Nam giữ vững và hoàn thành tốt vai trò **“Hộ quốc an dân”**. Phương châm Nhập thế và tinh thần Từ Bi hướng thiện của Đạo Phật luông rạng ngời những giá trị Nhân văn cao đẹp và triết lý “Nhân - Quả” sâu sắc góp phần định hình cho Phật tử và cộng đồng ý thức xây dựng, tu dưỡng cho mình lối sống lành mạnh, tỉnh thức, biết kiềm chế dục vọng tầm thường, không tạo nghiệp ác, hành trì việc thiện lành, xa lánh tệ nạn... Cùng với cộng đồng có thái độ bao dung, thấu hiểu, đồng cảm, sẽ chia với những bệnh nhân không may mắc phải căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS.

Ban Biên tập Tạp chí VHPG trân trọng giới thiệu đến quý độc giả số báo 357 với các bài viết về khảo cứu, nghiên cứu Phật học nói chung và văn hóa Phật giáo nói riêng có giá trị học thuật cao và mang tính thời đại sâu sắc như: *“Khái quát về biểu tượng Phật giáo”*, *“Nhu cầu về một hệ thống cơ sở lý luận khuyến hướng nhập thế của Phật giáo”*, *“Giá trị nội dung tác phẩm Thiền Tông Bản Hạnh”*, *“Tổ Đình Hội Khánh”* ...

HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG



Đại Giới đàn Huệ Hưng
Bà Rịa-Vũng Tàu



Khóa Tập huấn Văn phòng điện tử
của BTS GHPGVN TP. HCM



Lễ Tốt nghiệp
lớp Cao – Trung
cấp giảng sư
Khóa IX và khai
giảng Khóa XI



Tổng Lãnh sự quán Thái Lan gặp gỡ
Ban Biên tập Tạp chí VHPG

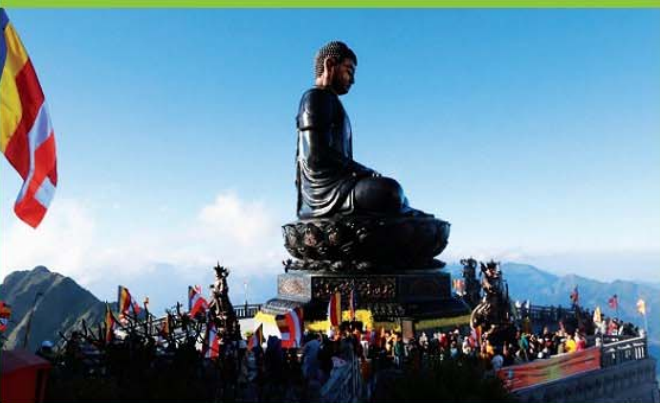
HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG



Hội thảo Khoa học “Phật giáo với việc đảm bảo an sinh xã hội cho người dân trong thời kỳ phát triển và hội nhập quốc tế”



Trung ương Giáo hội rà soát tiến độ hoàn thiện Văn phòng hành chánh điện tử GHPGVN



Đại lễ cầu quốc thái dân an trên đỉnh Fansipan



Hội thảo kỷ niệm 30 năm thành lập Phân viện Nghiên cứu Phật học



Nguồn: Youmatter.world

SỐNG LÀNH MẠNH

BAODUNG & TỈNH THỨC



Ý NGHĨA THỰC CỦA SỰ SỐNG



TT. Thích Phước Đạt*

Đặt vấn đề: Không phải ngẫu nhiên, hằng năm, 1/12 là Ngày thế giới phòng chống bệnh AIDS, nhằm nâng cao nhận thức về nạn dịch AIDS do việc lây nhiễm HIV và tưởng nhớ các nạn nhân đã chết vì HIV/AIDS. Để có ngày quốc tế này, công đầu phải kể đến James W. Bunn và Thomas Netter, hai viên chức thông tin đại chúng cho “Chương trình toàn cầu về bệnh AIDS” của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tại Geneve (Thụy Sĩ), nghĩ ra lần đầu vào tháng 8/1987. Bunn và Netter nêu ý kiến của họ cho Dr. Jonathan Mann, Giám đốc Chương trình toàn cầu về bệnh AIDS (nay gọi là Chương trình chung của Liên Hiệp Quốc về HIV/AIDS). Dr. Mann thích sáng kiến này, đã chấp thuận khuyến nghị về việc tổ chức “Ngày thế giới phòng chống bệnh AIDS” đầu tiên vào ngày 1/12/1988.



GIÁO LÝ TỪ BI VÀ TRÍ TUỆ GIÚP XÂY DỰNG Ý NGHĨA CUỘC SỐNG

Từ đó đến nay, Việt Nam đã tích cực tham gia và hưởng ứng phòng và chống AIDS, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, ứng phó với HIV thông qua các hoạt động tư vấn chính sách và trợ giúp kỹ thuật, nhằm xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý, đáp ứng tích cực với các vấn đề liên quan đến HIV, dựa trên bằng chứng và cách tiếp cận về quyền con người.

Phật giáo Việt Nam tồn tại và hoạt động trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, từ trong cội rễ nền tảng thực nghiệm tâm linh, nhận thức rất rõ giá trị đích thực vẫn là quyền được sinh ra, duy trì sự sống và sống thiện lành để mưu cầu hạnh phúc. Và giáo lý nuôi dưỡng từ bi và khai mở trí tuệ của đạo Phật vẫn là cơ sở

để mọi người kết nối yêu thương, chung sống với nhau, cùng nhau đối diện các vấn đề đang xảy ra. Trên hết, mọi người phải cùng nhau vượt qua các chướng duyên như: thiên tai, dịch bệnh mà không bao giờ có thái độ phân biệt đối xử hay tránh né những người không may mắc phải. Đó là thái độ sống của cộng đồng người Việt nói chung và Phật giáo nói riêng.

Thế theo nguyên lý Duyên khởi, xã hội càng ngày càng phát triển, con người càng đối diện nhiều vấn đề phát sinh. Nhiều giá trị khác nhau được con người thiết lập, bao gồm giá trị vật chất lẫn tinh thần. Con người phải đối diện những vấn đề nan giải của cuộc sống vốn thường xuyên thay đổi, đôi khi dẫn đến lầm tưởng và hệ lụy, nhất là không phân biệt được giá trị thật hay ảo. Vấn đề đặt ra làm thế nào

để nhận biết ý nghĩa đích thực của sự sống, để hướng đến một đời sống hạnh phúc, an lạc thật sự.

Phật pháp đến với chúng ta như nguồn năng lượng triết lý sự sống, cung cấp những chân giá trị để hướng dẫn con người có một cuộc sống tốt đẹp và hiền thiện. Bất cứ ai hướng tâm theo Phật sẽ có nhiều cơ duyên hơn để suy ngẫm về những chân giá trị đó, thể hiện chúng trong cuộc sống hàng ngày của mình.

Có thể nói, càng thể nghiệm, chúng ta lại càng nhận ra các giá trị đích thực từ cuộc sống đem lại vẫn là ý nghĩa của sự sống. Hẳn nhiên, mỗi cá nhân hiện hữu học Phật và hành trì lời Phật dạy đều có thể nhận ra những giá trị chân thật trong việc thiết lập một đời sống hạnh phúc của chính mình.

Sự sống là biển cả không bờ, sống chết là bọt sóng nhấp nhô lên xuống.

SỰ SỐNG LÀ NHÂN MẠNG TỐI THƯỢNG CỦA CON NGƯỜI

Cuộc sống hiện hữu vốn màu nhiệm vô cùng. Con người luôn khát vọng được sống trường thọ, có nhu cầu thăng tiến trí tuệ và thọ hưởng thành quả những gì họ đã tạo dựng. Thế nên, các cá nhân hiện hữu, phần đông có thái độ lo âu, sợ hãi khi tự nhận thức cái chết đến gần. Đối với những người khi bị bệnh nặng như ung thư hay nhiễm HIV lại càng có tâm lý hoang mang, tự ti, sợ người khác xa lánh. Đó là tâm lý tự nhiên của con người. Người có học đạo thì phải nhận thức Phật pháp dạy mọi người: nhân mạng là trên hết. Vấn đề sinh và tử chỉ là bóng mây thoáng qua trên bầu trời, là đợt sóng nhấp nhô trên biển cả. Chết không phải là sự yên nghỉ cuối cùng mà là sự chuẩn bị một cuộc sống mới. Vì vậy, bất kỳ ai hiện hữu trên đời đều nên có thái độ tỉnh thức về sự sống và khi phải đối diện với cái chết. Chết không phải là mất hay hết tất cả.

Đóng góp lớn nhất của Phật giáo là truyền cảm hứng về sự sống bất diệt cho những người đang nhiễm bệnh, dù bệnh gì đi nữa. HIV/AIDS thực chất chỉ là bệnh thông thường trong cuộc hành trình sinh - lão - bệnh - tử của một đời người. Vấn đề là thái độ sống tích cực, lạc quan khi nhận ra nguyên lý sự sống trong mối tương quan giữa người và người. Không ai



có thể sống một mình, con người sống và tồn tại trong mối quan hệ hữu cơ mà Phật đã dạy. Vì vậy, mọi người yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau để vượt qua khó khăn, bệnh tật. Đó là cách phòng chống HIV/AIDS hiệu quả nhất do Phật giáo mang lại.

Do đó, người hiểu đạo chỉ nên quan tâm làm sao cho mỗi cuộc đời phải là một bước tiến dài trên con đường tiến bộ tâm linh, hướng tới giác ngộ và giải thoát. Kinh Phật dạy: *"Hữu sinh hữu tử hữu luân hồi, vô sinh vô tử vô khứ lai"* là vậy. Và như thế, cõi sống mới và thân phận mới có tốt đẹp hay xấu hơn so với hiện tại, hoàn toàn tùy thuộc vào những gì chúng ta suy nghĩ, nói năng và làm bây giờ, ở đây và hằng ngày, ngay tại cuộc sống này. Hành động của chúng ta càng có ý thức thì tác động càng mạnh đến tương lai. Hành động đó nếu kèm theo tâm vô lượng từ - bi - hỷ - xả thì tác động của nó trong phạm vi không gian và thời gian sẽ là vô lượng.

Thế nên, khi đối diện bệnh tật, thay vì nghĩ về bệnh tật, hãy theo dõi hơi thở, cần nghĩ về cái tâm vô lượng đó với những lời lẽ đầy cảm hứng mà Kinh Từ bi diễn đạt: *"Mong sao tâm tôi mãi mãi, trong vắt như ngọc pha lê, quang đăng như bầu trời không mây, thanh tịnh như hư không không bụi, rộng lớn mênh mang như biển cả không bờ, vững vàng không chuyển như núi đá bất động..."*.

Trong ý niệm đó, chúng ta cầu mong cho hằng ngày ta nghĩ gì, nói gì và làm gì từ việc nhỏ đến việc lớn đều không tách rời cái tâm vô lượng đó, ở đời này và các đời sau nữa, trên con đường dài của tiến bộ tâm linh. Mỗi lần nghĩ tới cái tâm vô lượng ấy, ta cảm thấy lòng mình trong sáng, thanh thản và bình lặng hơn. Mọi lo âu và bức xúc về sống chết sẽ được giải tỏa. Thay vào đó là thái độ sống an nhiên tự tại, dành toàn bộ thời gian để tự hoàn thiện bản thân, hướng nghĩ tích cực đóng góp cho gia đình và xã hội.

Chính trong tinh thần xem sự sống - chết là tiến trình chuyển hóa thân phận, chuyển hóa cái sắc thân ngũ uẩn thành pháp thân mà Tuệ Trung Thượng Sĩ - thiền sư, nhà Phật học đời Trần - đã phát biểu: *"Cự hải hà phương nhất điểm âu?"*. Nghĩa là biển lớn thì can gì một bọt sóng nhỏ. Sự sống là biển cả không bờ, sống chết là bọt sóng nhấp nhô lên xuống. Vua Trần Thánh Tông là

SỐNG LÀNH MẠNH BAO DUNG & TỈNH THỨC

người hiểu đạo, từng thống lãnh ba quân chống quân Nguyên - Mông, ngày đêm đối diện sống - chết mà lòng tự hát ca trong thơ của mình: “*Sinh như trước sam, tử như thoát khổ*”.

Chúng ta, những người học đạo, cũng nên có thái độ ung dung tự tại như vậy đối với sống - chết, để có thể an trú vào đời sống hiện tại, có nếp sống tốt đẹp và hạnh phúc; sau khi chết đi, tái sinh vào cõi thiện lành, an lạc.

SỰ SỐNG LÀ HÀNH TRÌNH QUÁN NIỆM TỈNH GIÁC VỚI CHÍNH MÌNH

Sống trong thế kỷ XXI, với sự thành tựu khoa học công nghệ thông tin và số hóa toàn cầu, con người một mặt càng có nhu cầu thọ hưởng vật chất, các phương tiện phục vụ đời sống tiện nghi; một mặt càng có thái độ sống muốn chiếm hữu, sở hữu của cải, khẳng định cái ta, của ta và tự ngã của ta. Vì vậy khi đối diện bệnh tật hoặc cho rằng tự thân sắp chết, con người càng hoang mang và tự ti đánh mất chính mình. Vì vậy, đạo Phật khuyên ta phải thường xuyên chánh niệm tỉnh giác từ trong ý nghĩ cho đến hành vi biểu hiện, ứng xử trong cuộc sống.

Quán niệm là tâm luôn hiện khởi ý niệm thiện lành, không có bất thiện mà phải nghĩ chân chánh, không hại cho mình và người khác. Tỉnh giác là tỉnh táo, theo dõi mọi ý nghĩ, mọi niệm, đảm bảo tất cả đều chân chánh, không để bất cứ niệm ác nào xen vào. Chúng ta thường xuyên tỉnh táo đề phòng khi mất thấy sắc, tai nghe mùi hương, lưỡi liếm vị... Khi sáu giác quan tiếp xúc với sáu trần, nếu có ác niệm nào khởi



lên lập tức phải tìm ra nguyên nhân để đoạn trừ, không cho tâm tham - sân - si khởi lên. Phật dạy: “*Với tâm không bị khuấy đục, biết được lợi ích của người hay biết được lợi ích cả hai, sẽ chứng ngộ các pháp thượng nhân, tri kiến thù thánh, xứng đáng các bậc Thánh*” (Tăng Chi I).

Rõ ràng, tỉnh giác là chìa khóa vàng của lối sống có hiệu năng, tích cực và cho ta ý thức trách nhiệm về thái độ, hành vi ứng xử với đời trong các mối quan hệ hữu cơ của con người và cuộc sống. Nó giúp ta nhận ra giá trị bản chất của đời sống với cái tâm trong sáng, khởi đầu bằng sự chánh niệm tỉnh giác. Từ đây, tự thân mỗi người sẽ có đời sống hiền thiện, xa rời đời sống bất thiện.

Giáo lý nhà Phật phân biệt thiện ác theo ba loại: Thứ nhất là thiện ở hành động của thân, tức không sát sinh mà còn phóng sinh, trân trọng sự sống muôn loài; không lấy của không cho mà còn bố thí, giúp người khác bằng của cải vật chất (tài thí), bằng đạo lý (pháp

thí), lấy sức mạnh che chở kẻ yếu (vô úy thí) hay bằng cách chia sẻ niềm vui với người khác (tùy hỷ thí); không tà dâm, tà hạnh mà sống thủy chung trong đạo lý tình yêu. Thứ hai là thiện ở lời nói. Cụ thể là nói lời chân thật, không nói dối; nói lời dễ nghe, không thô ác; nói lời đoàn kết, không chia rẽ; nói lời hữu ích, có lợi, không nói lời vô nghĩa. Thứ ba là thiện trong ý nghĩ. Cụ thể là không tham lam, không giận dữ, không si mê. Kinh Phật thường gọi là không tham, không sân, không si. Đây là ba điều thiện gốc, căn bản, vì từ đó khởi sinh mọi lời nói và việc làm thiện, nền tảng của nếp sống đạo đức hiền thiện.

Vậy là từ sự chánh niệm tỉnh giác, chúng ta đi đến sự tu tập thân tâm. Khi tâm điều phục, hộ trì và đặt đúng hướng, nhất định ai cũng được an trú trong sự bình an nội tại. Tự thân bước ra khỏi vòng tâm lý bệnh tật, nỗi đau giày vò. Trên hết là sự bình yên nội tâm, có thể tự tin tiếp tục sống với đời, với người.

Con người hiện
đại dường như
không có thời
gian cho việc lắng
nghe tiếng nói
nội tâm và suy
nghịệm đời sống
chính mình.

SỰ SỐNG LÀ TIẾNG NÓI NỘI TÂM CỦA YÊU THƯƠNG VÀ HIỂU BIẾT

Ý niệm quán niệm tinh giác là hành trình sống bình yên, hạnh phúc bây giờ và tại đây. Ở đó, mọi người được lắng nghe tiếng nói chân thật của con người thật, của cái ta thật trong lòng mình. Đây chính là bản chất đích thực của con người. Tiếng nói đó ngày càng rõ, do sự tinh giác của chúng ta ngày càng có chiều sâu, nhờ dần dần dẹp yên tiếng gào thét dục vọng của cái ta giả, con người giả vốn từng thao túng và chi phối mình. Cần phải nhận thức, sinh là giả, bệnh tật là giả, già chết cũng là giả. Yêu thương và hiểu biết mới là tiếng nói của nội tâm, tiếng nói mà ai hiện hữu ở cõi đời này đều mong cầu. Ý thức về sinh - lão - bệnh - tử và cùng mọi người yêu thương mình sẽ chia sẻ vượt qua chính là tiếng nói nội tâm đích thực trong lòng.

Thế Tôn năm 80 tuổi đã đối diện với bệnh tử. Ngài đã cất tiếng nói nội tâm bằng lời đi huấn cho A Nan và chúng Tăng sau cùng. Với

nội tâm của cõi lòng thanh tịnh hoàn toàn, Ngài cảm nhận một trạng thái thư thái và hỷ lạc tuyệt vời. Lúc bấy giờ, năng lượng vận động tự do toàn thân, đem lại cho tự thân và chúng ta một sức mạnh, một sức sống mới.

Trần Thái Tông là vị vua đầu tiên đời Trần từng ngồi một mình lắng nghe tiếng nói nội tâm của mình mà quyết định trở thành thiền sư, truyền dạy kinh nghiệm tu hành qua tác phẩm Khóa hư lục “tâm tịch nhi tri, thị danh chân Phật” (lòng lặng mà biết, đó là Phật thật). Hóa ra, tiếng nói nội tâm chính là tiếng nói Phật tâm, xuất phát từ cõi lòng.

Còn thiền sư Kiều Trí Huyền lại mô tả tiếng nói nội tâm thật kỳ diệu và cụ thể:

*“Ngọc lý bi thanh diễn diệu âm
Cả trung mãn mục thị thiền tâm
Hà sa cảnh thị Bồ đề cách
Nghĩ hương Bồ đề cách vạn tâm”.*
(Trong viên ngọc phát ra âm thanh huyền bí, kỳ diệu,
Ở đó, khắp nơi là tâm thiền,
Tất cả cảnh giới đều là cảnh giới
giác ngộ (Bồ đề),
Ấy thế mà lại đi tìm Bồ đề cách
xa hàng vạn dặm).

Ngọc ở đây là nội tâm, âm thanh kỳ diệu, huyền bí là sự im lặng. Thiền tâm là tâm giác ngộ. Cảnh Bồ đề là cảnh giác ngộ. Giác ngộ và giải thoát đều ở trong thế giới thực tại này cả, đâu cần đi tìm cách xa hàng vạn dặm?

Con người hiện đại dường như không có thời gian cho việc lắng nghe tiếng nói nội tâm và suy nghịệm đời sống chính mình. Xung quanh ta có quá nhiều tiếng nói, âm thanh, ngôn ngữ khác

nhau buộc con người phải nghe, để giải trình quan điểm của mình về một đời sống đầy biến động và thay đổi qua tư duy khái niệm hữu ngã. Thật ra, ngôn ngữ và tư duy khái niệm được xem như là công cụ để trao đổi, nhưng vướng mắc, chấp nhận chúng thì lại là hàng rào ngăn cách không cho chúng ta thực nghiệm nội tâm theo chiều sâu.

Trần Nhân Tông từng nói: *“Ai trói buộc mà đi tìm cầu, giải thoát”*, cũng thế, bệnh tử đâu có trói buộc mình mà khổ sở khốc than. Cần có thái độ sống thiện lành, không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không dùng chất say thì nguy cơ bệnh tật, tai họa giảm thiểu biết chừng nào. Sự sống chính là sự an trú vào tâm tĩnh lặng trong một thế giới bình an nội tại. Đây là giá trị đích thực của sự sống khi chúng ta thực thi lắng nghe tiếng nói nội tâm trong sự mưu cầu hạnh phúc, an lạc.

Tóm lại, trên đây là giá trị đích thực của sự sống đã được Đức Phật Thích Ca và các bậc Thiền sư và cả những con người đã tu tập minh chứng, giải trình khi họ đối diện vấn đề sinh - lão - bệnh - tử. Nhân Ngày thế giới phòng chống AIDS (1/12), hy vọng những ai chẳng may nhiễm bệnh hoặc người khỏe mạnh đều có thể lãnh hội những giá trị đích thực của sự sống mà Thế Tôn đã tuyên thuyết. Tin chắc rằng, mọi người sẽ có một đời sống hiện tại lạc trú, thậm chí cánh cửa vô sinh bất tử sẽ mở ra ngay trong cõi đời này.

* TT.TS Thích Phước Đạt - Ủy viên HĐTS, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương GHPGVN.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM với việc phòng chống căn bệnh thế kỷ

HIV/AIDS

Bùi Hữu Dược*

NHẬN DIỆN VÀ PHÒNG CHỐNG CĂN BỆNH THẾ KỶ

Căn bệnh HIV là một “thảm họa” với nhân loại ở nhiều phương diện từ ốm đau, mất sức lao động, tốn kém tiền của, nguy cơ lây nhiễm bệnh trong cộng đồng, nguyên nhân làm băng hoại các giá trị đạo đức văn hóa, tới chết người hàng loạt,... Hậu quả của căn bệnh này khó có thể nói hết. Đối với sức khỏe và sự sống của con người căn bệnh HIV ở người được Tổ chức Y tế thế giới (WHO) xem là “đại dịch”. Ở Việt Nam Tính đến hết ngày 30/9/2019, cả nước có 215.661 người nhiễm HIV được các tỉnh báo cáo

...thông qua các hoạt động từ xã hội tới cá nhân, mục đích để mỗi người hiểu được căn bệnh và tác hại của căn bệnh; cơ chế lây truyền bệnh; ý thức tự bảo vệ cho mình và người thân phòng và tránh căn bệnh; thái độ và ứng xử đối với người bị bệnh.

hiện đang còn sống và 103.616 người nhiễm HIV đã tử vong. Tuy nhiên, trong số 215.661 người hiện đang báo cáo nhiễm HIV được phát hiện, có khoảng 10% người nhiễm HIV trùng lặp hoặc đã tử vong nhưng chưa được ghi nhận¹. Trong số hơn 215 nghìn người nhiễm HIV hiện còn sống tại Việt Nam, đa số trong độ tuổi 16 đến dưới 40, chủ yếu là nam giới và đang tiếp tục tăng.

HIV/AIDS hiện là vấn đề đặt ra đối với sức khỏe cộng đồng, là một trong những nguyên nhân gây gánh nặng bệnh tật ở Việt Nam. Mỗi năm vẫn có 10.000 người nhiễm HIV mới và 2.000-3.000 người tử vong do HIV/AIDS, gây tác động rất lớn về sức khỏe, kinh tế - xã hội². HIV lây truyền có thể từ nhiều nguyên nhân, chủ yếu qua quan hệ tình dục không an toàn, qua truyền máu từ nguồn đã bị nhiễm bệnh, qua dùng chung kim tiêm với người nhiễm bệnh (tuy nhiên muỗi đốt không làm lây HIV), từ mẹ sang con trong khi mang thai, khi sinh (lây chuyển chu sinh), hoặc khi cho con bú...

Việc phòng và chống HIV là chương trình được cả thế giới quan tâm và thực hiện đồng bộ quyết liệt nhằm bảo vệ sức khỏe,

hạnh phúc con người và phát triển xã hội lành mạnh, thông qua các hoạt động từ xã hội tới cá nhân, mục đích để mỗi người hiểu được căn bệnh và tác hại của căn bệnh; cơ chế lây truyền bệnh; ý thức tự bảo vệ cho mình và người thân phòng và tránh căn bệnh; thái độ và ứng xử đối với người bị bệnh. Phòng căn bệnh HIV hiện nay là chương trình hành động rộng khắp và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì sức khỏe và hạnh phúc con người vì một xã hội an toàn lành mạnh.

Nhiều hoạt động phòng và chống HIV mang tính quốc gia và quốc tế đang diễn ra ngày một chất lượng, hiệu quả. Hoạt động quan trọng nhất với mỗi cá nhân và cộng đồng sử dụng và truyền máu an toàn, sử dụng kim tiêm an toàn, quan hệ tình dục an toàn, sống và ứng xử hiểu biết đúng mức với người lây nhiễm HIV/AIDS,... là thiết thực và hiệu quả quan trọng để kiểm soát sự lây lan của căn bệnh này.

Bằng rất nhiều nỗ lực, hiện nay, dịch HIV/AIDS ở Việt Nam có chiều hướng giảm, giảm tốc độ tăng so với các năm trước đây do thực hiện các biện pháp can thiệp có hiệu quả, nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ bùng nổ, bởi vì nó đã và đang

từng bước lan từ nhóm có hành vi nguy cơ cao ra các cộng đồng dân cư khác, nhiều tỉnh, thành phố có 100% số xã, phường, thị trấn có người nhiễm HIV/AIDS.

Đảng và Nhà nước đã chỉ đạo HIV/AIDS không chỉ là vấn đề y tế mà còn là vấn đề xã hội, đòi hỏi cả hệ thống chính trị và toàn dân, các cấp, các ngành, các tôn giáo cùng tham gia vào công cuộc phòng, chống HIV/AIDS. Trong lịch sử, chưa có loại dịch bệnh nào mà khiến cho Đảng, Nhà nước và Chính phủ phải dành sự quan tâm đặc biệt như HIV/AIDS; và cũng chưa có dịch bệnh nào mà Đảng, Nhà nước và Chính phủ phải ban hành các văn bản có tính pháp lý cao nhất để thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện như HIV/AIDS. Trong tất cả các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đều thể hiện sự trao quyền để các cơ quan Nhà nước, MTTQ, các tổ chức, cá nhân và các tôn giáo tham gia.

HOẠT ĐỘNG THIẾT THỰC CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM GIÚP NGĂN NGỪA CĂN BỆNH THẾ KỶ

Thực hiện hạnh “từ bi” thương người như thể thương thân, với phương châm “nhập thế” hoạt động của Phật giáo không ngoài

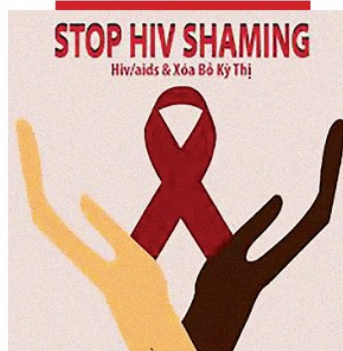
... tình thương yêu chúng sinh của Phật giáo đã hòa quyện với tình thương yêu của người Việt kết tinh thành những giá trị văn hóa, đạo lý cao đẹp luôn tương trợ giúp đỡ nhau khi khó khăn hoạn nạn: “lá lành đùm lá rách”, “tối lửa tắt đèn có nhau”,...

cứu khổ độ sinh cho thế gian. Phật giáo Việt Nam với truyền thống trên hai ngàn năm gần bó, thăng trầm cùng lịch sử dân tộc, đạo đức từ bi, tình thương yêu chúng sinh của Phật giáo đã hòa quyện với tình thương yêu của người Việt kết tinh thành những giá trị văn hóa, đạo lý cao đẹp luôn tương trợ giúp đỡ nhau khi khó khăn hoạn nạn: “lá lành đùm lá rách”, “tối lửa tắt đèn có nhau”,... người Việt luôn quan tâm giúp đỡ người khó khăn, ốm đau bệnh tật.

Trước đại dịch HIV/AIDS, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thể hiện truyền thống cao đẹp đó với những người gặp hoàn cảnh éo le qua nhiều hoạt động ủng hộ các chương trình của Chính phủ, Bộ Y tế đối với phòng chống HIV/AIDS từ vận động cứu trợ giúp đỡ về vật chất tới động viên an ủi về tinh thần người bị nhiễm bệnh tới giáo dục lối sống tốt đẹp chung thủy trong xã hội,...

Từ năm 2006, khi Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phối hợp với Quỹ Nhi đồng Liên Hợp quốc và tổ chức Bắc Âu tổ chức Hội nghị đại biểu các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam tham gia phòng

chống HIV/AIDS vào tháng 11 năm 2006 tại Cố đô Huế với chủ đề “*Phát huy vai trò của các tôn giáo trong phòng, chống HIV và AIDS*”. Hội nghị có ý nghĩa quan trọng trong việc khuyến khích lợi thể, nêu cao vai trò của các tôn giáo ở Việt Nam nói chung, Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói riêng



hưởng ứng, tham gia phòng, chống HIV/AIDS. Tại Hội nghị này đã thống nhất thông qua Bản cam kết chung của các tôn giáo tham gia phòng, chống “Căn bệnh thế kỷ” HIV/AIDS ở Việt Nam.

Ngay sau Hội nghị, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đưa vào chương trình hành động trong công tác Phật sự hàng năm của Giáo hội nhằm phát huy thế mạnh của Phật

giáo, thực hiện phương châm “*Phục vụ chúng sinh là thiết thực cùng đường chư Phật*” đồng thời thể hiện tinh thần “*Phật pháp bất ly thế gian Pháp*” mọi hoạt động của Phật giáo đều vì hạnh phúc của thế gian. Từ cam kết với Chính phủ và các tôn giáo cả nước, Chúc sắc, tín đồ Phật giáo Việt Nam xem phòng chống HIV/AIDS là một nhiệm vụ cao đẹp vì hạnh phúc con người vì an lành xã hội, mỗi người con Phật chung tay tích cực tham gia phòng, chống HIV/AIDS qua năm nội dung cụ thể, đó là:

1. Tăng cường củng cố nền tảng đạo đức gia đình Việt Nam, phát huy những giá trị tích cực của Phật giáo, xây dựng đời sống văn hoá lành mạnh, giữ gìn và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc góp phần ngăn chặn sự lây lan của HIV/AIDS.

2. Tích cực tham gia công tác truyền thông, giáo dục phòng, chống HIV/AIDS dưới nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với pháp luật, đặc điểm giáo lý và điều kiện cụ thể của Phật giáo. Từng bước lồng ghép chương trình giáo dục phòng, chống HIV/AIDS vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng Phật học.



Nguồn: Vaa.gov.vn

3. Phát triển các mô hình và mở rộng hoạt động tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ về thể chất và tinh thần đối với những người bị nhiễm HIV và bệnh AIDS.

4. Giáo dục tình yêu thương, tinh thần đoàn kết và chia sẻ trách nhiệm của cộng đồng đối với những người bị nhiễm. Giám kỹ thị và phân biệt đối xử với những người bị nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS dưới mọi hình thức.

5. Mở rộng hợp tác giữa các tôn giáo trong nỗ lực phòng, chống HIV/AIDS để đạt được mục tiêu tiếp cận toàn diện về phòng ngừa, điều trị và chăm sóc hỗ trợ cho trẻ em và người nhiễm HIV/AIDS tại cộng đồng.

Với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội”, Giáo Hội Phật giáo Việt Nam qua chương trình hành động cụ

thể, đã động viên Tăng, Ni, Phật tử cả nước tích cực thực hiện các hoạt động Phật giáo phụng sự xã hội, tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do MTTQ Việt Nam phát động, đặc biệt là các hoạt động từ thiện nhân đạo, thực hiện giáo lý từ bi, cứu khổ của Đạo Phật, phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái, thương người như thể thương thân của dân tộc Việt Nam. Trong nhiều năm qua, Giáo Hội Phật giáo Việt Nam đã tổng kết đánh giá, khen thưởng nhiều tấm gương điển hình của tập thể, cá nhân thực hiện tốt chương trình phòng chống căn bệnh thể kỷ HIV/AIDS. Nhiều địa phương như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng, Bắc Giang,... có Câu lạc bộ Phật tử giúp người nhiễm HIV/AIDS, Câu lạc bộ

Nhân ái,...trở thành gương điển hình về tình yêu thương và trách nhiệm với con người vì một xã hội tốt đẹp.

Phát huy truyền thống nhân ái, khẳng định hạnh nguyện “cứu khổ độ sinh” Phật giáo Việt Nam đã đang và sẽ còn tiếp tục làm nhiều việc ích đạo, lợi đời hơn nữa vì hạnh phúc chúng sinh, vì xã hội an lành và vì phát triển đất nước vững mạnh, giàu đẹp.

Chú thích:

* TS. Bùi Hữu Dược: Giảng viên cao cấp HV CTQG HCM.

1. Cục phòng chống HIV/AIDS ngày 4/12/2019.

2. Nhân tháng hành động Quốc gia Phòng chống HIV/AIDS (10/11 - 10/12/2019), VOV Giao thông có cuộc trao đổi với PGS.TS Nguyễn Hoàng Long - Cục trưởng Cục Phòng chống HIV/AIDS, Bộ Y tế.

Giữ gìn tâm thiện, sống đời bao dung



LÀ GIẢI PHÁP HỮU HIỆU NGẪN NGỪA CẤP BỆNH THẾ KỶ

— ĐĐ. Thích Trí Huệ*

Tóm tắt vấn đề: Ngày 01/12 hằng năm là ngày thế giới phòng chống dịch bệnh HIV/AIDS (World AIDS Day)⁽¹⁾, vì đại dịch HIV/AIDS là nỗi ám ảnh của nhân loại cuối thế kỷ trước, và vẫn còn đang âm thầm lây lan, trở thành căn bệnh mang tính xã hội. Hầu hết các châu lục đều có người mắc bệnh, thiệt hại do HIV/AIDS mang lại cho xã hội khó thể đo lường nổi. Để góp phần vào công cuộc phòng chống đại dịch HIV/AIDS hiệu quả, mọi người, nhất là Phật tử nên xây dựng cuộc sống lành mạnh, không tham gia vào tệ nạn xã hội, sống chung thủy, siêng năng hành trì tu tập và có cách nhìn bao dung rộng lượng hơn đối với người lây nhiễm, luôn giúp đỡ chữa trị⁽²⁾, động viên họ hòa nhập vào đời sống cộng đồng và nâng cao ý thức việc lây lan nguồn bệnh với người xung quanh. Làm được như vậy là công đức vô cùng lớn lao, tự mình an lạc hạnh phúc và góp phần tích cực vào việc bình ổn xã hội và cứu khổ chúng sinh.

HIV/AIDS - CĂN BỆNH THẾ KỶ NGUY HIỂM

HIV là loại virus gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người. HIV có thể lây truyền qua quan hệ nam nữ, qua đường máu hoặc truyền từ mẹ sang con trong thời kỳ mang thai, sinh đẻ và cho con bú. AIDS là giai đoạn cuối của quá trình nhiễm HIV gây tổn thương hệ thống miễn dịch của cơ thể, làm cho cơ thể không còn khả năng chống lại các tác nhân gây bệnh và dẫn đến chết người.

HIV/AIDS được phát hiện đầu tiên tại Mỹ năm 1981, đến năm 1985 đã xuất hiện ở hầu hết các quốc gia. Mỗi ngày trôi qua trên thế giới ước tính có 13.500 trường hợp lây nhiễm mới⁽³⁾. Theo báo cáo của Tổ Chức Y tế Thế Giới ngày 6/7/2020. Số người mắc bệnh HIV/AIDS trên toàn thế giới cuối năm 2019 ước tính 38 triệu người. Số người tử vong 690.000 người. Và đầu năm 2020 có thêm 1,7 triệu người nhiễm mới⁽⁴⁾. Riêng ở Việt Nam ta, từ ca nhiễm HIV đầu tiên được



phát hiện vào năm 1990, đại dịch HIV/AIDS đang ngày càng lan rộng. Tính đến hết ngày 31/10/2019, toàn Việt Nam có 211.981 người nhiễm HIV/AIDS, số người đã tử vong 108.555 người.

Là thầy thuốc Y học cổ truyền nhiều năm trị bệnh miễn phí cho bà con nghèo, tôi không ngạc nhiên khi những năm gần đây, có rất nhiều người bị nhiễm HIV/AIDS đến khám điều trị bệnh cơ hội khác. Điều ngạc nhiên là hầu hết đều thuộc giới trẻ, họ rất ngượng ngùng sợ mọi người biết thông tin mình nhiễm bệnh, nên họ chịu đựng âm thầm. Theo thống kê của Bộ y tế thì trong ba con đường lây bệnh chính, con đường lây lan trong quan hệ nam nữ chiếm 70 - 80%, còn lây qua đường máu và mẹ sang con chỉ chiếm 20 - 30%.

Có rất nhiều câu chuyện thương tâm, khi người chồng hoặc vợ đi ra ngoài quan hệ nam nữ rồi nhiễm bệnh không hay biết, vô tình truyền nguồn bệnh sang vợ hoặc chồng mình, rồi mẹ lại truyền

sang con. Hoặc các bạn trẻ tiêm chích ma túy, dùng chung kim tiêm, cứ như thế HIV/AIDS âm thầm lây lan trong xã hội.⁽⁵⁾...

THEO LỜI PHẬT DẠY, HÀNH TRÌ TÂM THIỀN

Trước thực trạng ấy, xây dựng lối sống lành mạnh, học - tu theo lời Phật dạy và giúp mọi người biết đến giáo pháp của đức Phật sớm hơn, chọn cho mình một đời sống không tham gia vào tệ nạn xã hội cũng như sống chung thủy một vợ một chồng là giải pháp thiết thực nhất để tránh xa căn bệnh quái ác này.

Đức Phật dạy trong kinh Tứ Diệu Đế⁽⁶⁾, nguyên nhân tất cả các đau khổ là do ta chiều theo lòng dục, thỏa mãn cảm thọ lạc, rồi khát khao muốn có nữa nên sanh tâm tham đắm. Dần dà, dục xâm chiếm tất cả các hành vi ta không còn kiểm soát được nữa, trở nên nô lệ của dục.

Trong kinh “Nhiều Cảm Thọ”⁽⁷⁾ Phật dạy: “Này



Số người mắc bệnh
HIV/AIDS trên toàn thế giới cuối
năm 2019 ước tính 38 triệu người.
Số người tử vong 690.000 người.
Và đầu năm 2020 có thêm 1,7
triệu người nhiễm mới...

Ananda, có năm dục trường dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn, các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn. Đây Ananda, như vậy là năm dục trường dưỡng. Đây Ananda, duyên năm dục trường dưỡng này khởi lên lạc và hỷ, như vậy gọi là dục lạc". Chính dục này nếu chúng ta không đề phòng, không tiết chế hưởng cảm thọ lạc trong đối tượng tiếp xúc hằng ngày sẽ dẫn đến nguy hại cho chính bản thân và gia đình.

Chính tôi đã chứng kiến hai cháu nhỏ xanh xao, mồ côi cha mẹ ở Cà Mau, phải sống với bà nội già. Hỏi ra mới biết cha của hai cháu trước đây có lần đi công tác ở Cần Thơ, vui chơi với bạn bè lơi kéo, anh qua đêm với một cô gái xa lạ, và sau đó về vài năm anh đổ bệnh, xét nghiệm mới biết anh đã nhiễm HIV và chuyển sang giai đoạn AIDS. Tệ hơn nữa là anh đã lây cho vợ mình. Giờ đây hai người đã mất, để lại hai con thơ bé bỏng, chỉ vì một phút ham vui.

Trong Kinh Potaliya, Thế Tôn đã nói dục được ví như tài vật vay mượn, khổ nhiều, não nhiều, tai họa ở đây càng nhiều hơn. Nên một người có trí tuệ, có chánh tri kiến là luôn sống với đời sống thiểu dục,

tiết chế và kiểm soát hành vi, cũng như đề phòng tâm ác⁽⁸⁾, đề phòng ma dục. Người có quý y Tam Bảo và hành trì Năm giới, Tám giới Phật chế thường xuyên, chẳng những ngăn ngừa được sự tác hại của dục, của cái ác, mà còn hưởng đời sống an lạc, mọi người kính trọng và thành công trong cuộc sống.

Phật dạy trong kinh Potaliya: "Đây Gia chủ, tám pháp này đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc Thánh. Thế nào là tám? Y cứ không sát sanh, sát sanh cần phải từ bỏ. Y cứ không lấy của không cho, lấy của không cho cần phải từ bỏ. Y cứ lời chân thật, nói láo cần phải từ bỏ. Y cứ không nói hai lưỡi, nói hai lưỡi cần phải từ bỏ. Y cứ không tham dục, tham dục cần phải từ bỏ. Y cứ không hủy báng sân hận, hủy báng sân hận cần phải từ bỏ. Y cứ không phân não, phân não cần phải từ bỏ. Y cứ không quá mạn, quá mạn cần phải từ bỏ. Đây Gia chủ, tám pháp này được nói một cách vắn tắt, không được giải thích rộng rãi, đưa đến sự đoạn tận các tục sự trong giới luật bậc Thánh".⁽⁹⁾ Vì có hành trì năm giới và phòng hộ các tâm ác, nên không thọ quả báo ác, tức nghiệp ác, nên con người có được đời sống an vui. Từ trong kinh Phật, những lời khai thị, những lời phân tích của Thế Tôn, cho ta thấy rằng, tuy dục mang đến niềm vui trước mắt, nhưng thọ khổ dài lâu. Vì những niềm vui đó xuất phát từ tâm tham đắm dục lạc, tạo ra nhiều ác nghiệp.

Tức làm ác quả báo sẽ khổ đau, làm thiện đưa đến quả báo an vui. Nên khi ở trong cuộc sống, nhất là người cư sỹ tại gia, đối diện trước nhiều cảnh trần, hấp dẫn, nếu không sáng suốt lập trường rõ ràng, sẽ dễ dàng bị những điều hấp dẫn trong cuộc sống mê hoặc, rồi dẫn đến tạo nghiệp ác lúc nào không biết.

SỐNG BAO DUNG VỊ THA

Khi tương tác với xã hội xung quanh, người Phật tử luôn thể hiện sự bao dung. Nhất là với những người nghèo khổ, tật nguyền, đau bệnh, hay những người lầm lỗi biết hướng thiện quay đầu, ăn năn sửa lỗi. Những người con Phật được thừa hưởng lòng từ bi, bao dung với muôn loài, sẵn sàng ra tay giúp đỡ mọi người khi lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều này được minh chứng rất nhiều thông qua công việc từ thiện xã hội, cũng như thái độ sống của những người con Phật thông qua văn hóa ứng xử.

Trong Kinh Jivaka, Phật dạy: *“Cao thượng thay, an trú lòng từ! ... Ở đây, này Jivaka, Tỳ-kheo sống dựa vào một làng nào hay một thị trấn nào. Vị ấy biến mãn một phương với tâm có lòng bi... với tâm có lòng hỷ... với tâm có lòng xả và an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy, biến mãn với tâm có lòng xả, quảng đại, vô biên, không hạn, không sân và an trú”.*⁽¹⁰⁾



Nguồn: Everydayhealth.com

Huân tập và an trú trong lòng từ bi, tâm sân hận sẽ theo đó mà mòn dần, nếu giữ tâm từ an trú phút giây nào thì phút giây đó sẽ được bình yên, và năng lượng của lòng từ sẽ chiếu cảm thế giới xung quanh, sẽ được bình an theo.

Xã hội ngày nay đang phải đối mặt với đại dịch HIV/AIDS, khiến cho gia đình và xã hội chất chồng gánh nặng. Bản thân người bệnh phải đối diện với biết bao thị phi, bao đau khổ vì bệnh tật. Thấy được sự khổ đau đó, chúng ta càng quý trọng đời sống lành mạnh, lánh xa các tệ nạn xã hội, nương tựa Kinh Phật tu hành, thanh tịnh tam nghiệp, đầy lòng bao dung vị tha với tất cả mọi người, như là một giải pháp bền vững cho bản thân mình và cho những người xung quanh. Tránh xa các nghiệp ác, thực hành các việc thiện thường xuyên sẽ dẫn đến đời sống trong sạch, lành mạnh.

Ghi chú:

- * ĐD.TS Lương y, Thích Trí Huệ - UVTT Ban Hoàng pháp TƯ.
- (1) Liên Hiệp Quốc đã chấp thuận và đồng ý với khuyến nghị về việc tổ chức “Ngày thế giới phòng chống bệnh AIDS” đầu tiên vào ngày 1 tháng 12 năm 1988.
 - (2) Hiện nay bệnh HIV/AIDS chưa có thuốc đặc trị, nhưng có nhiều thuốc hỗ trợ làm chậm quá trình phát triển bệnh, kéo dài tuổi thọ cho bệnh nhân.
 - (3) Theo tài liệu biên soạn của Hải Anh, Đại Dịch HIV/AIDS Và Cách Phòng Chống, nxb Lao Động, Hà Nội - 2008.
 - (4) Báo cáo của tổ chức y tế thế giới về đại dịch HIV/AIDS trên trang Website: WORLD HEALTH ORGANIZATION, đăng ngày 6/7/2020.
 - (5) Tim đọc truyện ngắn: Đồng Tiền Dính Máu - tác giả, Trần Minh Á - NXB Tổng Hợp, 2008.
 - (6) Là bài Kinh đầu tiên sau khi thành đạo, Ngài dạy cho 5 anh em ông Kiều Trần Như ở vườn Nai - Sarnath, xứ Isipatana, gần Benares. Bài Kinh này còn có tên “Kinh Chuyển Pháp Luân” hay “Kinh Thủ Chuyển”, nói về bốn sự thật cao thượng (Ariya Sacca).
 - (7) Được trích dẫn trong Kinh Trung Bộ (*Majjhima Nikaya*) số 59, Kinh Nhiều Cảm Thọ (*Bahuvedaniya sutta*).
 - (8) Theo A Tỳ Đàm (Abhidhamma), tâm ác (Akusala) là tâm liên quan đến Tham (Lobha) - Sân (Dosa) - Si (Moha).
 - (9) Được trích dẫn trong Kinh Trung Bộ (*Majjhima Nikaya*) số 54, Kinh Potaliya (*Potaliya sutta*).
 - (10) Được trích dẫn trong Kinh Trung Bộ (*Majjhima Nikaya*) số 55, Kinh Jivaka (*Jivaka sutta*).

Tài liệu tham khảo:

1. Hải Anh, Đại Dịch HIV/AIDS Và Cách Phòng Chống, nxb Lao Động, Hà Nội - 2008.
2. Website: World Health Organization (Viết tắt là: WHO).
3. Nhiều nhà y học, Cẩm Nan Hướng Dẫn Sử Dụng Thuốc Điều Trị HIV/AIDS, nxb Thanh Niên, 2016.
4. Website: Hello Doctor - Mang sức khỏe đến cuộc sống.
5. Nhiều tác giả, Hãy Đương Đầu Với HIV/AIDS - NXB Lao Động, 2006.
6. Trần Minh Á, Đồng Tiền Dính Máu, nxb Tổng Hợp, 2008.
7. Kinh Trung Bộ (*Majjhima Nikaya*), HT. Thích Minh Châu dịch, nxb Tôn Giáo, 2019.
8. Kinh Tiểu Bộ (*Khuddhaka Nikaya*), HT. Thích Minh Châu dịch, nxb Tôn Giáo, 2019.
9. Website: Bộ Y Tế.



LÀNH MẠNH, KHOAN DUNG

Trần Vũ

THEO TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO

Tóm tắt vấn đề: Phật giáo xây dựng hệ thống đạo đức trên cơ sở hệ thống giáo lý, đó là mối quan hệ giữa giới, định, tuệ để đưa đến giải thoát. Trong đó, giới có vai trò làm nền tảng cho việc giải thoát. Đạo đức Phật giáo bao gồm các giới cùng các chuẩn mực và các phạm trù có liên quan chặt chẽ với nhau để tạo nên mẫu người đạo đức biết Từ - Bi - Hỷ - Xả, vô ngã, vị tha. Và khi con người biết tuân thủ giới luật thì sẽ có đời sống an vui...

TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO VỀ SỐNG KHOAN DUNG

Phật giáo chủ trương đem tình yêu thương đến với mọi người. Từ - Bi là phạm trù thuộc tứ vô lượng tâm, bao gồm: Từ - Bi - Hỷ - Xả. Tâm từ là tình thương bao la, không giới hạn; đem lại hạnh phúc cho mọi người, mọi loài, cứu khổ, cứu nạn cho chúng sinh mà quên đi những lợi ích của bản thân. Tâm bi là thương xót vô lượng, vô biên nhưng không bi lụy, vì thế trở thành động lực cho việc cứu khổ, cứu nạn. Đây cũng là đức tính giúp cho con người sống cao thượng hơn, gần gũi hơn. Tâm hỷ là sống vui vẻ, bất kể thất bại, nghịch cảnh, vui với thành công của người khác là vô lượng vô biên. Tâm xả là đem hết sức mình để cứu người, giúp người không mong bù đắp, là tinh thần hy sinh vì tha nhân. Tâm từ và tâm bi là tiền đề, khởi đầu cho tâm hỷ, tâm xả.

Sự rung động, lòng trắc ẩn, cao thượng hướng về nỗi đau của người khác sẽ định hướng cho con người trong lý trí, hành động, sẵn sàng quên mình vì mọi người. Xây dựng tứ vô lượng tâm, Phật giáo muốn nhấn mạnh vào cái tâm của con người, đó là đạo đức, lòng người, trí tuệ. Cái tâm của con người nằm trong mối quan hệ biện chứng với xã hội. Do đó, khi nói đến đạo đức của Phật giáo, người ta thường nói đến Từ - Bi - Hỷ - Xả, vô ngã, vị tha, cho nên tứ vô lượng tâm vừa là cái thiện hoàn chỉnh, vừa là lòng khoan dung rộng lớn của Phật giáo.

Phật giáo luôn lấy Từ và Bi song hành cùng Trí tuệ, như thể đôi cánh của một con chim. Trí tuệ là nhận ra chân lý cuộc đời, làm cho tâm tự tại, giải thoát khỏi trói buộc, ám ảnh và kiến chấp sai lầm. Nếu không lấy tâm Từ và tâm Bi làm đầu thì thật khó hy vọng đạt đến

Trí tuệ. Cũng thế, Trí tuệ và Từ bi luôn luôn có sự tương quan. Phải có lòng vị tha, sự khoan dung và hiểu biết cảm thông thì mới thực hành được tâm Từ bi, mới đạt đến sự giải thoát trong tâm hồn.

Từ và Bi là năng lượng bên trong chúng ta có khả năng giúp ta vượt thoát sợ hãi và căm ghét, giúp chữa lành tâm hồn đã bị thương tật. Những lời dạy của Đức Phật về điều phục sân hận bằng tình thương, rũ bỏ oán thù là liều thuốc giải độc hữu hiệu cho tâm sân, hận, thù oán... khởi lên trong mỗi chúng ta.

Sự tha thứ cho người khác chính là tạo phúc cho chính mình. Tha thứ cho người khác thể hiện cảnh giới của một người có tu dưỡng, cũng như biển lớn có thể dung nạp trăm sông nghìn suối. Tha thứ cho người khác không khó, cái khó chính là buông bỏ nhân tâm thù hận, buông bỏ cái tôi trong lòng mình. Dù cho trước mặt có là danh sơn, thắng địa, mỹ diệu tốt cùng thì đối với một người mà trong lòng luôn chất chứa những sai lầm của người khác thì cũng như nơi điều tàn u tối. Còn nếu như có thể chỉ nhớ đến ưu điểm, nhớ đến điều tốt đẹp của người khác, khi đó ta sẽ thấy rằng, đâu đâu cảnh cũng vui mừng, hoa thơm, chim hót, vạn vật xinh tươi.

TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO VỀ LỐI SỐNG LÀNH MẠNH

Khi đạt được chánh đẳng chánh giác, Đức Phật đã thuyết giảng sự thật về khổ, nguyên nhân của khổ, trạng thái sau khi diệt khổ và con đường dẫn đến diệt khổ trong “Tứ Diệu Đế”. Sau đó, Đức Phật giảng giải rằng trong cuộc đời mỗi



con người, khổ xuất hiện dưới rất nhiều dạng, như: sinh, lão, bệnh, tử... Và bệnh tật là một trong những cái khổ mà con người phải đối mặt trong cuộc đời. Theo đạo Phật, các loại bệnh là hậu quả của lối sống không lành mạnh, chia làm hai dạng tâm bệnh và thân bệnh, với 32 dạng bệnh về thân và 48 dạng bệnh về tâm.

Theo đạo Phật, cơ thể con người chứa đầy vật bất tịnh như: đờm, mật, máu, hủ, cầu uế.... Những loại thân bệnh gây ra bởi sự mất cân bằng trong bài tiết của mật, đờm, hơi thở,... là hậu quả của lối sống không lành mạnh. Còn tâm bệnh bộc phát khi một người trở thành nô lệ của những ý định xấu xa, những điều cố hữu có trong tâm trí dưới dạng các yếu tố tâm lý trái đạo đức, gồm: tham lam, ác ý và ngu dốt. Đó là những gốc rễ sai trái, tạo động lực bộc phát cho ham

muốn dục vọng. Khi những ham muốn này không được thỏa mãn, con người sẽ chịu đau khổ của các loại thân bệnh và tâm bệnh. Hậu quả là người ấy không chỉ gây hại cho bản thân mà còn những thành viên khác trong xã hội.

Ví như căn bệnh HIV/AIDS, những ai đam mê dục vọng vô độ là một trong những người có nguy cơ cao nhất bị lây nhiễm căn bệnh này. Con người chìm đắm vào các mối quan hệ nhục dục vô độ để thỏa mãn ham muốn dục vọng cá nhân. Người nhiễm bệnh này không những bản thân phải chịu khổ mà còn lây bệnh cho bất kỳ ai phôi nhiễm với mình. Bằng cách kiềm chế bản thân không có các hành vi tình dục sai trái, không dính dáng đến các chất gây nghiện như lời dạy của Đức Phật, con người có thể phòng ngừa những căn bệnh thuộc loại này.



*lối sống lành mạnh, khoan dung
chính là chìa khóa mở ra cánh cửa tươi
sáng cho cuộc đời vô ngã, vô ưu.*

Để đối trị với những loại bệnh hủ lậu, Đức Phật hướng dẫn mọi người một lối sống giúp khỏe mạnh và bình an. Đức Phật còn thấy rõ hầu hết con người chịu nhiều nỗi thống khổ là do tâm luôn bị ô nhiễm, vẩn đục. Do vậy, Đức Phật luôn nhấn mạnh vào việc chữa trị tâm bệnh chứ không phải là thân bệnh. Vì theo Ngài, tâm trí con người có ảnh hưởng to lớn và sâu sắc tới tình trạng của cơ thể. Nếu ta dung túng những ý nghĩ dẫn tới hành động xấu xa và những suy nghĩ thiếu lành mạnh, tâm thức có thể gây họa lớn, thậm chí có thể sát sinh, nhưng tâm thức cũng có khả năng chữa lành thân bệnh.

Khi tập trung vào những ý nghĩ đúng đắn cùng với sự thông hiểu sâu sắc, tâm thức có thể tạo ra những hiệu ứng tích cực khó tin. Tâm thức không chỉ gây ra bệnh, mà còn có thể chữa lành bệnh. Trên thực tế, tâm thức vừa là bạn vừa là kẻ thù. Khi bị dẫn sai đường, nó có thể gây họa cho ta như một kẻ thù đáng sợ. Khi được dẫn dắt đúng đắn, tâm trí cho ta bao lợi ích như một người bạn tốt vậy.

Đức Phật luôn yêu cầu mọi chúng sinh cần phải tịnh hóa dòng tâm thức; Người đã kê đơn thuốc ngay thẳng dành cho những chúng sinh nào có mong ước khao khát diệt được hết mọi nỗi khổ đau phiền não. Chỉ cần thực hành chánh niệm tỉnh thức một cách đúng đắn là đủ giúp ta chữa cả hai loại thân bệnh và tâm bệnh; có thể nhổ bật gốc rễ những rối loạn gây ra từ nguồn gốc của tham lam, sân hận và vô minh, là những nguyên nhân sâu xa dẫn đến ham muốn dục vọng, ham muốn thành tựu và ham muốn được tự hoại diệt. Diệt trừ tận gốc rễ những ham muốn này, xóa bỏ hẳn khỏi tâm thức không những giúp ta tịnh hóa thân tâm mà còn mang đến sự giải thoát, khuây khỏa và bình an trong cuộc đời.

Để đạt đến giác ngộ và giải thoát, Phật giáo cho rằng điều đầu tiên phải giữ giới. Trong giới luật Phật giáo, ngũ giới có thể coi như là những chuẩn mực cơ bản của đạo đức, bên cạnh đó còn có thập thiện, giới luật của tỷ kheo, tỷ kheo ni... Ngũ giới có vị trí hết

sức quan trọng, nó được coi như là nấc thang ban đầu cho những ai tìm hiểu Phật giáo, bao gồm: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

Theo Phật giáo, đạo đức được thể hiện rõ nhất trong việc giữ giới. Việc giữ gìn giới luật trước hết nhằm phát huy bản tính thiện, diệt trừ tham, sân, si, là phương tiện giúp cho con người vượt qua u mê, mê khổ, luân hồi đem lại cho bản thân con người sự trong sạch, giải thoát. Thực hiện ngũ giới thực sự có ý nghĩa đối với mỗi con người, toàn xã hội. Đối với con người, ngũ giới giúp hoàn thiện trong tư tưởng, hành vi, nhân cách theo nhân sinh quan Phật giáo. Những giá trị mà ngũ giới đặt ra, một mặt ngăn ngừa mầm mống nguy hại đến tư cách đạo đức con người, mặt khác có tác dụng khích lệ những hành động tốt đẹp, tránh xa cái ác, hướng đến chân, thiện, mỹ. Đối với xã hội, ngũ giới có ý nghĩa thiết thực trong việc xác lập trật tự an ninh, bảo đảm nếp sống tiến bộ, lành mạnh, văn minh. Và đây còn là nền tảng luân lý đạo đức xã hội.

Tóm lại, lối sống lành mạnh, khoan dung chính là chìa khóa mở ra cánh cửa tươi sáng cho cuộc đời vô ngã, vô ưu. Con người muốn làm được điều đó phải luôn tu nhân tích đức, tránh xa lỗi lầm, đừng nghĩ rằng ác nhỏ mà làm, đừng vì lành nhỏ mà bỏ qua. Bởi trọn đời làm lành, e còn chưa đủ; một buổi làm dữ, dữ đã có dư. Thực hành hạnh Từ - Bi - Hỷ - Xả, giữ nghiêm ngũ giới để mang lại cuộc sống hạnh phúc cho bản thân và cộng đồng.

Phương Pháp Phật Giáo Giúp người nhiễm HIV/AIDS



chuyển hóa tiêu cực

An Nhiên Sakya

ĐẶT VẤN ĐỀ

HIV/AIDS gây suy giảm miễn dịch ở người và có khả năng dẫn đến hội chứng suy giảm miễn dịch ở người mắc phải, tạo điều kiện cho những bệnh cơ hội và ung thư phát triển mạnh, đe dọa đến mạng sống người nhiễm (WHO 1982 và UNAIDS 2019). Theo số liệu thống kê của Liên Hợp Quốc về HIV/AIDS năm 2018, toàn thế giới có khoảng 37,9 triệu người hiện đang nhiễm HIV Cục Phòng chống HIV/AIDS (2017). Trong khi đó, tại Việt Nam, tính đến tháng 12/2018, số người nhiễm HIV/AIDS còn sống là 210.450 trường hợp Nguyễn Hữu Chí (1996). “Thế giới phát hiện bệnh nhân nhiễm HIV đầu tiên vào năm 1959. 31 năm sau, vào tháng 12/1990, Việt Nam cũng ghi nhận ca HIV đầu tiên, là một phụ nữ 30 tuổi”.

Theo John Blandford, Giám đốc Chương trình HIV và lao của Trung tâm Phòng chống và kiểm soát dịch bệnh Mỹ (CDC) tại Việt Nam khẳng định: “Việc điều trị



sớm và tuân thủ phác đồ điều trị sẽ giúp tải lượng virus HIV trong máu xuống dưới ngưỡng (dưới 200 bản sao virus/ml máu). Khi đó người nhiễm không có khả năng lây truyền virus HIV qua đường tình dục và cũng cho phép họ sinh con mà không lo lây nhiễm HIV sang con”.

Người nhiễm HIV/AIDS thường có những nỗi đau thể xác, có những nỗi khổ tinh thần khiến

thân thể suy nhược, tiêu tụy và phát sinh bệnh tật. Những khổ đau tinh thần cùng tâm bệnh, nếu không được hóa giải và chuyển đổi sẽ khiến con người đau khổ triền miên, cả hiện tại lẫn tương lai. Người nhiễm HIV/AIDS vẫn có thể sống hàng chục năm lạc quan, yêu đời. Chỉ cần người thân, người thương không miệt thị, khinh khi, xa lánh kẻ bệnh tật thì họ vẫn có thể cống hiến khả năng có thể cho đời sống gia đình,

*“Khi ăn chúng ta phải tâm niệm thức ăn như thuốc uống.
Đừng ăn nhiều quá hay ít quá đều không tốt cho sức khỏe”.*

xã hội. Ngoài ra, nếu người nhiễm HIV/AIDS biết phát huy nguồn năng lượng tỉnh thức, trong sáng và hòa hợp vốn có trong từng ý nghĩ, lời nói và hành động, chắc chắn họ sẽ sống vui, sống khỏe, sống hạnh phúc mỗi ngày. Vì vậy, ứng dụng lòng bao dung của Phật giáo đối với người nhiễm HIV/AIDS là điều cần thiết, giúp họ vượt qua đau khổ triền miên về việc kỳ thị và nỗi đau bệnh tật.

NHỮNG ẢNH HƯỞNG TÂM LÝ NGHIỆM TRỌNG

Người nhiễm HIV/AIDS trải qua những trạng thái tâm lý thay đổi liên tục, từ bàng hoàng, phủ nhận, giận dữ, lo lắng, sợ hãi, trầm uất, cô đơn đến trạng thái chấp nhận tình trạng bệnh tật. Người nhiễm HIV/AIDS khi nhận được kết quả xét nghiệm HIV dương tính thì phản ứng đầu tiên của họ thường là trạng thái bàng hoàng và phủ nhận, không tin rằng mình đã nhiễm HIV. Họ thường tức giận với người lây nhiễm HIV cho mình hoặc khi có cảm giác bị xa lánh, chối bỏ. Người nhiễm HIV/AIDS biểu hiện cảm xúc tức giận đó qua các hành vi đi đi lại lại hoặc im lặng bất thường, tránh nhìn mọi người, tự hành hạ mình. Trong trạng thái cảm xúc này, một số người dễ nảy sinh ý nghĩ “trả thù đời” bằng cách cố tình truyền HIV cho người khác.

Người nhiễm HIV/AIDS hay lo sợ vì nghĩ rằng cái chết của mình đã được báo trước, lo sợ bị mất việc làm; lo sợ có thể khiến gia

đình, người thân bị lây nhiễm; lo sợ không có thuốc điều trị hoặc không đủ tiền mua thuốc; lo sợ mọi người biết tình trạng nhiễm HIV rồi xa lánh, kỳ thị và phân biệt đối xử với mình. Cho nên, họ dễ rơi vào trạng thái trầm uất và tuyệt vọng.

ỨNG DỤNG TRIẾT LÝ PHẬT GIÁO ĐỂ SỐNG BAO DUNG VỚI NGƯỜI NHIỄM HIV/AIDS

Thứ nhất, là phương pháp dinh dưỡng. HIV tấn công và phá hủy hệ thống miễn dịch, khiến cơ thể khó chống lại sự nhiễm trùng. Một chế độ ăn uống lành mạnh cũng giúp tăng cường hệ thống miễn dịch và giúp cho người nhiễm HIV khỏe mạnh. Bồ tát Long Thọ có viết: *“Khi ăn chúng ta phải tâm niệm thức ăn như thuốc uống. Đừng ăn nhiều quá hay ít quá đều không tốt cho sức khỏe”*. Do đó, cả Đông lẫn Tây đều công nhận chất dinh dưỡng trong thức ăn đóng vai trò quan trọng tạo đời sống khỏe mạnh. Theo Phật giáo, để có thân khỏe mạnh, chúng ta nên ăn nhiều thực vật, gồm: ngũ cốc, rau, trái cây, bớt đi thịt động vật. Đối với người nhiễm HIV/AIDS, việc bổ sung dinh dưỡng là điều rất cần thiết nhằm tăng cường hệ thống miễn dịch và giúp cho người nhiễm HIV khỏe mạnh.

Thứ hai, là phương pháp tu dưỡng tinh thần. Người nhiễm HIV/AIDS thường gặp các phiền não, đau khổ, thất vọng, chán chường,

bất an, trống rỗng là vì có khuynh hướng hướng ngoại, phân biệt đối xử bất bình đẳng từ phía gia đình, xã hội... Vì thế cần phải đẩy lui những phiền não, loại bỏ trạng thái bất an ra ngoài để thăng hoa niềm an vui, thanh thân hạnh phúc trở về với chân ngã, là những cái nằm bên trong con người chứ không ở đâu khác. Vì vậy việc thực hành phương pháp dừng lại (chỉ), nhìn sâu (quán) vào trong thân tâm mình một cách tĩnh lặng sẽ giúp cho chính mình thăng hoa được trạng thái yên bình, lánh xa những ý tưởng có hại cho sức khỏe thể chất và tinh thần.

Người nhiễm HIV/AIDS biểu hiện cảm xúc tức giận qua các hành vi đi đi lại lại hoặc im lặng một cách bất thường, tránh nhìn mọi người, tự hành hạ mình. Do đó, thực hành hạnh kham nhẫn giúp phát triển đức tính khiêm cung, nhã nhặn, khơi mở lòng bao dung, tập tha thứ cho người để chuyển hóa căn bệnh oán hận bản thân, giúp cho đời sống tinh thần được ổn định. Người nhiễm HIV/AIDS cũng có biểu hiện lo âu và sợ hãi, vì vậy rất cần tập lắng nghe để hiểu, cảm thông...; tập lắng nghe không phán xét, không phê bình, không lên án; tập lắng nghe âm thanh huyền diệu của hơi thở thiên nhiên cũng như hơi thở và nhịp đập con tim của chính mình; lắng nghe các tế bào trong cơ thể lưu chuyển liên tục trong vòng sinh diệt và chuyển hóa... để loại bỏ trạng thái bế tắc bởi lo âu và sợ hãi.



Trời có ngày mưa gió, người có phúc có họa, trong đời người ngoài chuyện sinh - tử thì sức khỏe là điều đáng quý nhất. Người nhiễm HIV/AIDS chỉ cần duy trì và phát triển chữ “Hòa” trong mọi khía cạnh cuộc sống thì ước nguyện thiết yếu trong đời sẽ thành hiện thực. Trong cơ thể chúng ta, nếu khí huyết lưu thông thuận hòa, ta sẽ có cơ thể khỏe mạnh. Trong tâm thức, nếu mọi tư duy và cảm xúc đều dung thông, hòa thuận, không có xung đột nội tại, ta sẽ có đời sống tinh thần vô cùng thanh thản, nhẹ nhàng. Trong gia đình, nếu cha mẹ, vợ chồng, anh chị em, con cháu sống thuận hòa, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau thì đó là gia đình tràn đầy hạnh phúc yên vui. Còn với xã hội dù lớn hay nhỏ, nếu lãnh đạo các bộ phận biết dừng lại trước những cơn thịnh nộ, ngồi xuống bao dung, xã hội sẽ càng văn minh, phát triển bền vững.

Dựa trên những nền tảng đó, cho thấy lời Đức Thích Ca Mâu Ni

chỉ dạy cách đây hơn 2.500 năm, vẫn luôn là chân lý sống vô cùng sinh động, mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho nếp sống văn hóa, văn minh nhân loại qua mọi thời đại. Đặc biệt, giúp những người nhiễm HIV/AIDS vượt qua được nỗi khổ đau về căn bệnh thể chất, tinh thần bằng lòng bao dung và trí tuệ.

Tóm lại, người nhiễm HIV/AIDS thường có những biểu hiện tâm lý bất thường. Vì vậy, một số phương pháp của Phật giáo có thể giúp người nhiễm HIV/AIDS ý thức về các tiêu cực hay những trạng thái tinh thần không lành mạnh như: giận dữ, buồn rầu, trầm cảm, lo lắng và để biết cách chuyển hóa các tiêu cực này cũng như cách nâng cao những tích cực bằng chính nỗ lực của người nhiễm HIV/AIDS.

Tài liệu tham khảo:

- Thích Hạnh Bình (2010), Đức Phật và những vấn đề thời đại, Nxb. Phương Đông.

- Nguyễn Hữu Chí (1996), *Nhiễm HIV/AIDS*, Nxb TP HCM, tr. 5-22; 29-207.
- Thích Thiện Hoa (1992), *Phật học Phổ thông* (3 tập), Thành hội Phật giáo TP HCM ấn hành.
- Cục Phòng chống HIV/AIDS (2017), *“Báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS năm 2017 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2018”*.
- Nishi Katsuzo (tái bản 2019), *Những phương thức phục hồi sức khỏe theo tự nhiên* (TS. Trương Thị Thảo dịch), Nxb Lao động.
- Nguyễn Thanh Khuyển dịch (tái bản 2020), *Phòng chống Ung thư*, Nxb. Trẻ.
- Nguyễn Minh (2007), *Những tâm tình cô đơn*, Nxb Tôn giáo.
- UNAIDS (2019), *“Latest global and regional statistics on the status of the AIDS epidemic”*.

Nguồn:

- https://www.unaids.org/en/resources/documents/2019/UNAIDS_FactSheet.
- <https://vietnamnet.vn/vn/suc-khoe/cac-loai-benh/nguoi-nhiem-hiv-dau-tien-tai-viet-nam-la-ai-470205.html>.
- <https://www.truongsinhhocds.com/site/vi/news/Khoa-hoc-Kham-Pha/vi-nhan-thang-ca-the-gioi-nhung-phai-chet-vi-benh-ban-nen-suy-nghi-ve-cach-song-cua-minh-3094.html>.

PHẬT GIÁO

& THỜI ĐẠI



Nguồn: Amazon.com

HÒA THƯỢNG TRẦN NHIẾP

VỚI

NHÂN DÂN VÙNG SÂU

TT Thích Minh Tiến*



CHÙA THANH GIA, HAY CÒN GỌI LÀ CHÙA ĐƯỜNG XUÔNG MỚI, (DUONG LEY SİRIVANSA) TỌA LẠC TẠI ẤP HÒA THANH, XÃ ĐỊNH HÒA, HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG LÀ MỘT NGÔI CHÙA NỔI TIẾNG, ĐƯỢC NHIỀU NGƯỜI BIẾT ĐẾN.

Chùa Thanh Gia, hay còn gọi là chùa Đường Xuông Mới, (Duong Ley SiRiVanSa) tọa lạc tại ấp Hòa Thanh, xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang là một ngôi chùa nổi tiếng, được nhiều người biết đến.

Chùa Thanh Gia được thành lập vào khoảng năm 1910 bởi cụ ông Kom Chhun và bà con trong bốn sóc, trên nền đất hơn 2ha. Trải qua 110 năm, chịu tác động của biến cố thời cuộc, ngôi chùa nhiều lần bị tàn phá và nhiều lần được phục dựng lại.

Cũng như nhiều ngôi chùa Khmer khác ở vùng ĐBSCL, chùa Thanh Gia được người dân địa

phương xem là điểm sinh hoạt tôn giáo, văn hóa cộng đồng. Trong một khuôn viên rộng lớn, chùa được bao bọc bởi những hàng cổ thụ như cây sao, cây dầu. Đất lành thì chim đậu, trên những ngọn cây cao vút xung quanh chùa, hàng trăm đàn cò từ khắp nơi cũng bay về đây cư trú. Chúng làm tổ, sinh sản và xem chùa là nơi trú ngụ an toàn.

Chùa Thanh Gia trải qua nhiều đời trụ trì. Có vị sớm hoàn tục, có vị viên tịch do tuổi cao, và cũng có vị đã hy sinh anh dũng để bảo vệ cho đạo pháp, dân tộc. Là vị trụ trì đời thứ 13 hiện tại của chùa Thanh Gia, nhiều năm qua, Hòa thượng Trần Nhiếp luôn được bà con Phật tử tôn kính.



Hễ ở đâu nói chưa có cầu là sư tới hỗ trợ xây cầu,
ai nghèo khó, thiếu thốn thì giúp họ dựng nhà để an
cư lạc nghiệp.

Năm nay, Hòa thượng đã 91 tuổi đời, 51 tuổi hạ. Ngài hiện là Thành viên Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, là bậc chân tu khả kính của sư sãi, đồng bào Khmer trong tỉnh nói riêng, của Phật giáo tỉnh Kiên Giang nói chung.

Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Định Hòa (Gò Quao), nơi tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm 33,28% dân số toàn huyện, với 6 dân tộc anh em cùng sinh sống: Kinh, Khmer, Hoa, Chăm, Tày, Mường, Hòa thượng Trần Nhiếp luôn thấu hiểu nỗi khó khăn, nhọc nhằn của bà con. Đây là vùng đất trũng phèn nên năng suất cây lúa, hoa màu rất thấp, người dân Định Hòa dẫu cần mẫn làm ăn nhưng cái đói, cái nghèo vẫn đeo bám.

Nơi chốn thiền môn, Hòa thượng Trần Nhiếp đau đáu dõi theo cái khổ của dân nghèo. 15 công đất thuộc tài

sản của nhà chùa, Hòa thượng vận động các sư sãi làm lụng, mong sao cho năng suất lúa cao nhất, làm ra hạt gạo dẻo thơm nhất, góp phần cứu trợ bà con.

Nói đến Hòa thượng Trần Nhiếp, người dân nơi đây thường nghĩ về hình ảnh một vị sư già, gầy gù, ngồi trên chiếc xe ôm rong ruổi đến những phum, sóc xa xôi để khảo sát và trực tiếp xây những cây cầu kiên cố, tạo thuận lợi cho việc giao thông qua lại. Hễ ở đâu nói chưa có cầu là sư tới hỗ trợ xây cầu, ai nghèo khó, thiếu thốn thì giúp họ dựng nhà để an cư lạc nghiệp. Ai ốm đau, bệnh tật không có tiền đi bệnh viện thì Ngài giới thiệu với Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo tỉnh Kiên Giang để được khám miễn phí.



Bắt đầu xây dựng cây cầu đầu tiên vào năm 1972, Hòa thượng nhận thấy lợi ích to lớn của những cây cầu bê tông kiên cố ở nơi kênh rạch chằng chịt đặc trưng của vùng đất miền Tây. Những cây cầu có thể góp phần thúc đẩy kinh tế cho cả một vùng dân cư. Hòa thượng ngày đêm tìm hiểu thêm về kỹ thuật xây cầu sao cho đảm bảo về kỹ thuật, thẩm mỹ, sức bền. Sau đó, Hòa thượng cho thiết kế một góc chùa thành nhà xưởng và sư sãi trong chùa dần trở thành những người thợ tay nghề cao.

Hàng chục năm qua, Hòa thượng Trần Nhiếp đã vận động, quyên góp xây dựng hơn hai trăm cây cầu bê tông và nhiều tuyến đường giao thông nông thôn bằng xi măng, đồng thời quyên góp xây hơn 500 căn nhà đại đoàn kết, nhà tình thương giúp hộ nghèo, gia đình khó khăn về nhà ở...

Ngoài ra, sư còn vận động khoan giếng nước ngọt cho bà con sử dụng, hỗ trợ người tật nguyền, giúp đỡ đồng bào dân tộc Khmer phát huy bản sắc văn hóa dân tộc... Với những đóng góp cho

công tác xã hội, năm 2008, Hòa thượng Trần Nhiếp vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và năm 2014 được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì về những việc làm, nghĩa cử cao đẹp, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng ở địa phương, trong đó, có quá trình phát triển của xã Nông thôn mới Định Hòa.

* TT. Thích Minh Tiến - Ủy viên HĐTS, Phó Ban Văn hóa TW GHPGVN - Phó BTS GHPGVN tỉnh Kiên Giang.

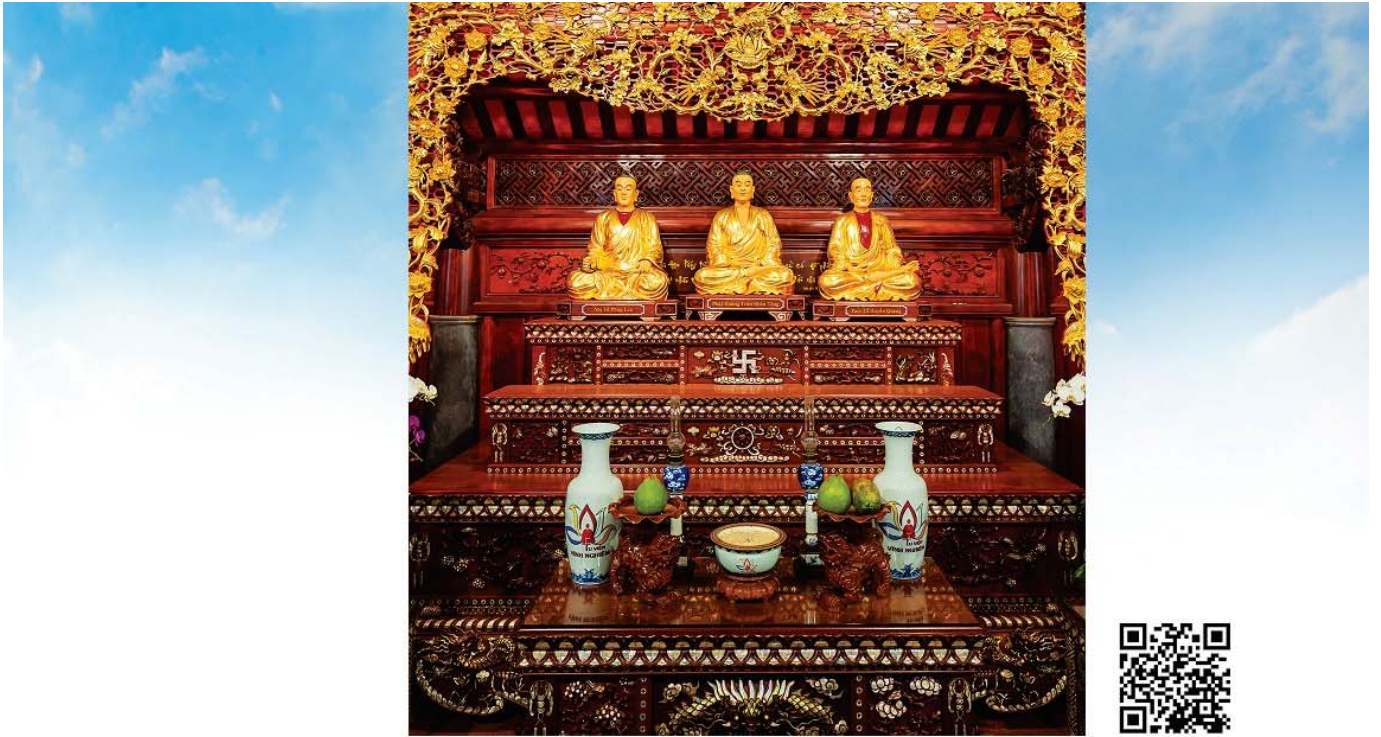
TỔ ẤN TÔNG PHONG

Trần Quê Hương

** Thân tặng Thượng toạ Giác Dũng, Trụ trì Tu viện nhân ngày lễ khánh thành và hỷ nhật Tôn sư (ngày 20/10/ Canh Tý - 2020)*

THÀNH tâm thành ý hân hoan
KÍNH tôn thường trụ đạo tràng Như lai
CHÚC Phật pháp được hồng khai
MỪNG nay trần thế đào mai sáng bùng
ĐẠI ân đại đức thượng tăng
LỄ tạ Tam bảo cung dâng sử vàng
KHÁNH hỷ công đức huy hoàng
THÀNH vô lượng báu rờ ràng trang nghiêm
TU trì Kinh Luật nhiệm huyền
VIỆN hồng Định Tuệ thắng duyên thể trần
VĨNH lưu trường cửu thiên chân
NGHIÊM tịnh hăng hữ pháp luân hộ đời
PHƯỜNG xã yên vui người người
HIỆP tâm hiệp trí đất trời thanh lương
THÀNH ta bà... hiền cát tường
QUẬN huyện bá tánh an khương phụng thời
MƯỜI mười sung túc xinh tươi
HAI ba năm sáu chín mười... phong quang
THÀNH xưa chiếu diệu sen vàng
PHỔ xưa Phật hiện thiên quang ánh trời
HỒ mộng tĩnh lặng tuyệt vời
CHÍ thiêng bằng bạc ngời ngời cao thanh





MINH minh diệu trạm hương lành
VÀ như bát tậ thiên sanh hồng truyền
LỄ bái mười phương thánh hiền
HUY nhật Tổ phụ cung tuyên suối nguồn
KỶ giỗ ân đức khai sơn
HOA Nam hoa Bắc bốn phương xa gần
THƯỢNG đẳng hiệu đạo pháp thân
KHAI tâm khai trí hoá thân phong trần
SON hà nhân nghĩa truyền nhân
THÍCH Mẫu Ni...thích bảo thân độ đời
TÂM từ thị hoá cao ngời
GIÁC tha suối mạch hưng thời xưa sau
VIÊN minh mặc định tâm giao
TỊCH chiếu không sắc muôn màu huyền không
TRÒN gìn trùng ấn tông phong
BÓN khổ đế chuyển muôn dòng ba la
MƯỜI mười phổ hoá ma ha
BẢY giác chi xuất nhập toà thiền gia
NĂM dài thắng tậ Lăng già
CÔNG đức thù thắng kinh qua muôn nhà
HẠNH phẩm vi diệu thắng hoa
VIÊN chúng lai khứ son hà mười phương
MÃN Bồ đề nguyện Kim cương
PHẬT mẫu thơm ngát chơn thường long lanh
PHÁP thân ứng hiện căn lành
TRƯỜNG LƯU sanh tử hoá thành Đạo sư.
 Ấn Ma Ni bát Di thư
 Bát sanh bất diệt Đại từ Đại bi
Tâm thiêng khai ngộ ấn trì
Giác Dũng thù toạ lưu ly hương thiền.

Tu viện Vĩnh Nghiêm Q.12, 20/10 Canh Tý - 2020

ĐỂ CÓ



HẠNH PHÚC ĐÍCH THỰC...

ĐĐ. Thích Trung Định*



Nguồn: Internet

HẠNH PHÚC TRONG CHÁNH NIỆM

Hạnh phúc luôn hiện diện trong đời sống chúng ta qua từng phút, từng giây, nhưng vì bận rộn thường nhật nên đôi khi ta không cảm nhận được và rồi để nó tuột khỏi tầm tay. Sức khỏe, tiền tài, vật chất... có thể đem lại hạnh phúc tức thời nếu ai sở hữu được. Tuy nhiên, chúng ta không đợi đến khi có những thứ đó mới có hạnh phúc, mà hạnh phúc có mặt ngay trong giây phút hiện tại, bây giờ và tại đây.

Mọi người đều mong muốn hạnh phúc, nhưng hầu hết lại đang tìm kiếm hạnh phúc không đúng nơi, đúng chốn. Chúng ta nghĩ hạnh phúc là số tiền kiếm được, là địa vị ta phấn đấu. Tuy nhiên, hạnh phúc lại là một thứ khác biệt hẳn, vượt lên trên những điều mà thế giới này mang tới. Hạnh phúc là cách nghĩ có thể thay đổi cách ta tiếp cận cuộc sống hàng ngày. Thông thường, chúng ta cứ sống theo thói quen tự nhiên, và lãng quên những gì mình có. Tâm chúng ta luôn mơ ước ở tương lai



Hãy đặt tất cả gánh nặng xuống
và trải lòng ra để đón nhận hạnh
phúc đang đến với mình

và truy tìm về quá khứ. Tương lai là cái chưa diễn ra và không hiện thực. Cứ thế, chúng ta truy tìm hoài mà vẫn không được, thành ra dẫn đến khổ đau.

Quá khứ là những gì đã qua, chúng có thể là những chuyện vui hoặc buồn và con người lại thường đắm chìm trong hoài niệm. Có khi, những thứ hoài niệm ấy như chất xúc tác, là thức ăn của tâm thức làm cho chúng ta say đắm về nó, ngủ vùi trong nó để ôm lấy khổ đau. Truy tìm về quá khứ hay ước vọng tương lai đều không mang lại hạnh phúc mà chỉ có ôm nỗi sầu khổ. Do đó, Đức Phật dạy trong kinh Nhất Dạ Hiền Giả rằng: *“Quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng, quá khứ thì đã qua, tương lai lại chưa đến, chỉ có nhân (pháp - bản kinh 131 trong Trung Bộ kinh ghi chữ này là pháp - BTV) hiện tại, tuệ quán chính là đây”*.

Khi tâm và thân trở thành một, ta mới cảm nhận được hạnh phúc thực sự. Thông thường, chúng ta cứ để cho tâm một nơi thân một

ngã. Tâm luôn lia thân đi đó đây để tìm kiếm hạnh phúc. Do vậy, tâm bất tại yên¹, lòng bồi rối lại càng bồi rối thêm. Khi mà tâm không truy tìm quá khứ, không ước vọng tương lai, chỉ an trú trong giây phút hiện tại, đó là lúc hạnh phúc có mặt. Vì vậy, người nào làm chủ được tâm, người đó sẽ có hạnh phúc. Kinh nói: “Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện” (Kinh Di Giáo - BTV) hay “điều phục tâm an trú chơn tâm, trụ tâm nơi chỗ vô trụ” đó mới là an trụ tâm vững chãi.

LÀM SAO ĐỂ CÓ HẠNH PHÚC ĐÍCH THỰC

Một người đã trải qua rèn luyện tâm trí vẫn cảm thấy hạnh phúc khi tâm tư thực sự lắng đọng. Hãy để cho tâm hồn thư thái, nhẹ nhàng để cảm nhận hết tất cả mọi sự vật, sự việc đang diễn ra xung quanh. Hãy đặt tất cả gánh nặng xuống và trải lòng ra để đón nhận hạnh phúc đang đến với mình. Hãy bình tâm cảm thụ về nó một cách sâu sắc khi đó ta mới cảm nhận được hết ý nghĩa tuyệt vời mà nhân duyên ban tặng.

Nhiều người cho rằng, hạnh phúc chính là sự thỏa mãn giác quan. Những khoái lạc giác quan có thể tạo cảm giác vui sướng trong một khoảnh khắc, nhưng nó không phải là nguồn của hạnh phúc đích thực. Thậm chí có thể gây đau khổ khi chúng thay đổi không thuận theo ý mình. Điều này bao gồm cả các mối quan hệ, thường đầy những thăng trầm bởi tính chất vô thường của chúng. Nếu hạnh phúc chỉ dựa vào cảm xúc từ các giác quan thì vô hình trung, chúng ta đã bị nô lệ và lệ thuộc. Thành ra hạnh phúc đích thực không phải đến từ cảm thụ giác quan.

Hạnh phúc thực sự không phải là một cảm giác tạm thời của niềm vui, nó là một quan điểm sống, một lý tưởng sống. Người hạnh phúc tập trung vào những gì họ đang có trong khi những người không hài lòng tập trung vào những gì còn thiếu. Việc thỏa mãn cảm xúc giác quan là vô cùng tận, thành thử truy tìm hạnh phúc đích thực bằng con đường này sẽ không bao giờ có được.

“Mọi thứ đều ở trong chúng ta. Sự thật ở trong chúng ta. Hạnh phúc cũng ở trong chúng ta. Bình an và hạnh phúc không thể được tìm thấy trong bất cứ điều gì bên ngoài, nó chỉ có thể được tìm thấy bên trong”



Mưu cầu hạnh phúc là điều chính đáng của con người. Tuy nhiên hiểu rõ về hạnh phúc là gì thì nhiều người còn chưa biết. Trong khi hạnh phúc có mặt ngay tại đây, nó là những thứ mà chúng ta có trong từng giây phút. Ví dụ chúng ta “Còn đi được là hạnh phúc”, “Còn ngủ được là hạnh phúc”, “Còn ăn được là hạnh phúc”, “Còn cười được là hạnh phúc” và “Còn nói được là hạnh phúc». Như vậy, hạnh phúc không phải tìm kiếm đâu xa mà cảm nhận ngay trong cuộc sống của mình. Hãy bằng lòng với những gì mình có. Cho nên cô đức đã dạy: *“Tri túc tâm thường lạc, vô cầu phẩm tự cao”*.

Sogyal Rinpoche cho rằng: “Mọi thứ đều ở trong chúng ta. Sự thật ở trong chúng ta. Hạnh phúc cũng ở trong chúng ta. Bình an và hạnh phúc không thể được tìm thấy trong

bất cứ điều gì bên ngoài, nó chỉ có thể được tìm thấy bên trong”. Quả thật bên trong con người của chúng ta có những thứ rất màu nhiệm mà chúng ta chưa khám phá ra hết.

Trong thiền quán niệm thường dạy chúng ta chú tâm quán sát để nhiếp phục thân tâm. Khi chúng ta chú tâm vào những bộ phận của cơ thể, quan tâm, để ý đến nó thì có thể trị liệu được. Khi một bộ phận nào trong cơ thể bị trục trặc thì nó sẽ báo động. Chúng ta phải lắng nghe để điều trị. Nếu ta bỏ quên, các bộ phận bị trục trặc sẽ dẫn đến nguy hiểm, sinh bệnh mà nhất là tâm bệnh. Nếu vết thương tâm để lâu ngày sẽ dẫn đến những nội kết khổ đau. Muốn vậy, chúng ta cần loại bỏ suy nghĩ, hành động và lời nói tiêu cực. Tất cả những gì gây ra đau khổ cho bản thân và người khác cũng cần loại bỏ. Áp dụng suy

nghĩ tích cực, đi đôi với hành động và lời nói. Tất cả những gì tạo ra hạnh phúc cho bản thân và người khác cần nỗ lực thực hiện. Kết nối lại với bản chất nội tại của mình - nguồn của hạnh phúc, bình an bên trong, từ bi và trí tuệ - thông qua việc thực hành thiền định.

Tóm lại, để có hạnh phúc đích thực chúng ta cần định nghĩa lại hạnh phúc là gì. Khi định nghĩa đúng về bản chất, ý nghĩa thực sự của hạnh phúc, chúng ta thiết lập hạnh phúc cho chính mình ngay bây giờ và tại đây. Mấu chốt của hạnh phúc đích thực đó là khi thân và tâm trở thành một. Nếu thân một nơi tâm một ngã, ta sẽ không có hạnh phúc đích thực. Thành ra, mọi người cần phải rèn luyện thân tâm. Khi điều phục được tâm an trú trong chánh niệm, ta mới có được hạnh phúc ngay lập tức mà không cần tìm kiếm xa xôi.

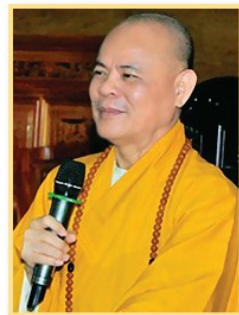
* ĐĐ.TS Thích Trung Định, Ủy viên Ban văn hóa Trung ương GHPGVN. Phó Chánh Thư ký Phân ban Hoàng pháp Hải ngoại - Ban Hoàng Pháp Trung ương - GHPGVN.

Chú thích:

1. Thiên Tu Thân, sách Đại Học có nói: Tâm bất tại yên, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn, thực nhi bất tri kỳ vị. Thử vị tu thân tại chính ki tâm (Nếu tâm trí không để vào đó, thì dầu nhìn mà chẳng thấy, dầu để tai mà chẳng nghe, dầu ăn mà chẳng biết mùi vị. Như vậy nên gọi là sửa mình cốt ở chỗ làm cho lòng (cái tâm) mình ngay thẳng).

CHÙA HÒA KHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH

Nằm giữa lòng thành phố Hồ Chí Minh, chùa Hòa Khánh tọa lạc tại số 215 đường Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh trong nét cổ kính an bình. Chùa được thành lập từ năm 1867 đến nay trải qua bao thăng trầm lịch sử. Nhiều bậc Tổ thầy đã dày công xây dựng, Trụ trì hiện nay là Hòa thượng Thích Tấn Đạt - Ủy viên Thư ký Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (HĐTS GHPGVN), Phó Trưởng ban Thường trực Ban Hoằng pháp Trung ương GHPGVN, Trưởng Phân ban đào tạo Cao - Trung cấp giảng sư Ban Hoằng pháp Trung ương GHPGVN.



Với tâm nguyện “Hoằng pháp vi gia vụ - lợi sanh vi bản hoài” Hòa thượng trụ trì đã nhiều lần cho trùng tu kiến tạo lại chùa Hòa Khánh để làm nơi tu tập, hành đạo cho chư Tăng, Phật tử và mở lớp Cao - Trung cấp giảng sư, đào tạo Tăng tài cho Giáo hội. Lớp Cao - Trung cấp giảng sư đến nay đã trải qua 11 khóa (trên 20 năm), với nhiều vị giảng sư được tốt nghiệp và hiện nay có vị thế lớn trong Giáo hội và uy tín trong cộng đồng xã hội. Ngày nay, chùa Hòa Khánh mang kiến trúc hiện đại, uy nghi hùng vĩ có đông lang, tây lang, ở giữa là ngôi Tam bảo gồm 5 tầng (tầng hầm dành để xe, tầng trệt là giảng đường, tầng 2 chánh điện, tầng 3 lớp học, tầng 4 điện Phật A Di Đà). Trước sân chùa là đài Quan Âm lộ thiên với hình ảnh Bồ Tát từ bi bao dung cứu khổ ban vui, đem an lạc đến cho mọi loài.

Ngoài ra còn nhiều Phật sự nổi bật của chùa được **Hòa thượng trụ trì và chư Tăng quan tâm tổ chức duy trì hàng tháng, Phật tử về chùa tham dự rất đông như:**

- Khóa tu Kết Duyên Phước Đức cho thân nhân & bệnh nhân Bệnh viện Ung Bướu, mỗi tháng 01 kỳ, vào ngày chủ nhật của tuần cuối cùng trong tháng, hoạt động trên 15 năm;
- Ngày 19 âm lịch mỗi tháng: 15h00 thăm và tặng quà cho bệnh nhân bệnh viện Ung Bướu; 18h30 lạy Ngũ Bách Danh (500 lạy);
- Khóa lễ tụng kinh Tịnh Độ, 18h30 tối mỗi ngày;
- Khóa lễ tụng kinh sám hối, lạy Phật, 4h30 sáng mỗi ngày;
- Khóa tu Bát Quan Trai giới, 7h30 sáng mừng 1 và ngày Rằm mỗi tháng.
- Ngày 27-28/11/2020 (nhằm ngày 13-14/10 Canh Tý), Lễ Hủy Kỳ cổ HT. thượng Từ hạ Hạnh & công bố trao Quyết định bổ nhiệm trụ trì.



Trong công cuộc Hoằng pháp độ sanh, Hòa thượng trụ trì luôn nêu cao chí nguyện dẫn thân phụng sự ngõ hầu xiển dương chân lý Phật đà rộng khắp tha nhân. Năm 2019, sự kiện trọng đại của đất nước đó là Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc, Hòa thượng dù niên cao lập trường đã dẫn đoàn xe Phật Sự Online điều hành tuyên truyền xuyên việt từ Nam ra Bắc. Sự kiện đoàn xe (10 chiếc) được trang trí Pano, cờ hiệu, điều hành và giao lưu mỗi nơi đi qua được truyền hình, livestream trực tiếp tạo nên không khí sôi nổi hân hoan cho Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước, góp phần vào sự thành công chung của Đại lễ Vesak 2019.

Chùa Hòa Khánh dưới sự trụ trì của Hòa thượng ngày càng phát dương quang đại, đem đạo vào đời làm lợi ích nhân sinh, thấp sáng ngọn đèn thiền, truyền trao chánh pháp cho bao thế hệ.

Thích Minh Thuận

Chùa Hòa Khánh, số 215 đường Phan Văn Trị, phường 11, quận Bình Thạnh. TP. Hồ Chí Minh
Trụ trì: HT. Thích Tấn Đạt - ĐT: 0902703677



Ni Trưởng Tịnh Nguyên:

NGƯỜI ĐI GIEO HẠT



BỒ ĐỀ



—Thích Nữ Chơn Định

NHÂN DUYÊN XUẤT GIA

Ni trưởng Thích Nữ Tịnh Nguyên, Ủy viên Thường trực Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng Phân ban Ni giới Trung Ương, Trụ trì chùa Phước Hải (quận 10, TP.HCM), đồng thời là Viện chủ chùa Dưỡng Chân Tuệ Uyển ở Long Thành (Đồng Nai).

Ni trưởng bén duyên với đạo Phật từ thuở ấu thơ. Vì gia đình ở cạnh một ngôi chùa làng, mới tám tuổi Ni trưởng đã được bà nội và mẹ dẫn vào chùa làm công quả, đến 11 tuổi thì xuất gia đầu Phật. Thân phụ của Người làm công chức, vốn rất nghiêm khắc nên ban đầu, ông không đồng ý cho Ni trưởng đi tu. Nhưng có lẽ do nhân duyên sâu dày với Tam Bảo, cuối cùng, ông đành nhượng bộ.



Với chí nguyện độ sanh được nung nấu từ khi còn là một chú tiểu Ni, Người đã không ngừng nỗ lực để thực hiện được tâm nguyện của mình. “*Lúc bé tôi thích đi tu lắm, ở chùa thì không sao nhưng về nhà lại ốm đau mãi nên ông chấp nhận cho tôi ở chùa. Ngày đó, người dân quê quan niệm hễ đứa trẻ bị bệnh mà gửi vào chùa sẽ được mạnh khỏe. Ông nội tôi không khuyến khích nhưng cũng không ngăn cản tôi đi tu. Vốn là nhà giáo rất giỏi chữ Nho, ông dạy tôi những bài căn bản trong sách giáo khoa thư và kinh Nhật tụng (những bài kinh sám lễ hằng ngày của Phật giáo). Thời đó, đất nước còn khó khăn, người ta quan niệm con gái không cần học nhiều và các tiểu ni cũng vậy. Chúng tôi không được học hành gì cả, chỉ đi chăn bò, chăn trâu và phục vụ trong chùa. Nhưng bản tính thích học, khi rảnh rỗi tôi lại tranh thủ học chữ Hán*”,

Ni trưởng cười chất phác khi kể về nhân duyên xuất gia của mình.

VĂN DU HỌC ĐẠO

Ở chùa làng vài năm, Người được gởi ra chùa Vân Hồ (Hà Nội) làm Sa-di-ni. Lúc này thầy (sư phụ) và thân sinh của Người đều quy tây. Tuy nhiên, ở đây các Sa di ni cũng chỉ tu tập và học gia giáo, chứ cũng không học văn hóa. Nhưng vì rất ham học, lúc nào Người cũng tâm niệm và mong muốn học hỏi cả nội điển lẫn ngoại điển. Khi nghe nói ở Huế và miền Nam có trường cho người xuất gia học đạo và học văn hóa, Người mừng rỡ và thích lắm. “*Chân trời tri thức rất rộng mở mà mình ở chùa làng lại không được học hành gì, tôi cảm thấy rất buồn. Tôi luôn mơ ước được đi học, được làm cô giáo, được mở trường học, mở bệnh viện giúp người nghèo, giúp đỡ Tăng, Ni*”, Ni trưởng tâm sự.

Khi biết được Hội Phật học Trung phần cho thành lập trường Trung học Bồ Đề đầu tiên ở Huế do Hòa thượng Thích Minh Châu (lúc đó mới là thượng tọa) làm hiệu trưởng (1951), Ni trưởng (khi ấy còn là một Sa di ni) đã rủ mấy người bạn ở Hải Phòng cùng đi. Duyên lành đưa đến, trong năm đó, Hội nghị Thống nhất Phật giáo ba miền tại chùa Từ Đàm (Huế) diễn ra, các chú sa di ấy được sư thầy Tịnh Bích dắt vào cổ đô tu tập. Tại Ni trường Diệu Đức, Người đã được tu học Nội điển dưới sự chỉ dạy của quý sư bà. Như cá gặp nước, Người rất tinh tấn trong việc tu học và nghiên cứu nội điển, hằng hái tham gia các hoạt động thiện nguyện.

CON ĐƯỜNG HOÀNG HÓA

Ở Diệu Đức một thời gian, Người tình nguyện tham gia vào làm việc tập sự trong Bệnh viện Trung ương Huế. Khi ấy, Người thấy các sơ (tu



Trải bao tuế nguyệt,
mái đầu ấy giờ đã
pha sương nhưng trái
tim vẫn tràn đầy
tình thương và sự
nhiệt huyết. Những
hạt bồ đề Người
gieo mầm năm xưa,
giờ đây đang trở
cành, xanh lá...

nữ Công giáo) hoạt động tích cực, năng động trong nhiều lĩnh vực như: y tế, giáo dục, từ thiện... Các vị linh mục và sơ hoạt động giáo dục từ rất sớm, lôi kéo được nhiều người trẻ và thành công trong các hoạt động giáo dục giới trẻ. Chính điều đó đã thôi thúc Ni trưởng quyết tâm thực hiện công tác giáo dục của mình.

Ni trưởng nhận thấy người xưa hay nghĩ rằng: Phật giáo chỉ giành cho người già. Vì vậy, dân gian thường có câu “trẻ vui nhà, già vui chùa”. Thực ra, đức tin của người già thường theo hướng tín ngưỡng, không đủ sức khỏe và sự sáng tạo trong các sinh hoạt, nghiên cứu Phật giáo. Ni trưởng không muốn Phật giáo chỉ quanh quẩn trong những tín ngưỡng đơn thuần như: cầu an, cầu siêu hay cứu tế, chuẩn bần mà phải có

trường lớp dành cho người trẻ.

Người muốn đem những giá trị cao đẹp và thiết thực của Phật giáo để truyền lại cho các thế hệ sau. Hình ảnh trường học thể pháp do Hòa thượng Thích Nhất Hạnh mở đã thấp sáng cho Người con đường chinh phục tri thức, thôi thúc ý nguyện nhập thế. Từ đó, Người quyết định đi học bên ngoài để có cơ hội thực hiện ý nguyện của mình, bằng việc vân du khắp nơi từ Nha Trang đến Sài Gòn, vừa học vừa giảng dạy ở các trường Bồ Đề.

Sau đó, Người quyết tâm thi đỗ vào Đại học Sư phạm, Đại học Văn Khoa thuộc Viện Đại học Sài Gòn, đồng thời theo học tại Đại học Vạn Hạnh. Sau khi học xong, Ni trưởng phát nguyện sẽ giúp đỡ

người trẻ, nhất là các thanh - thiếu niên. Vì nhận thấy sự năng động ở giới trẻ, Người tin rằng chính họ mới làm cho đạo Phật luôn có sinh khí và xã hội tươi mới, đẹp đẽ hơn. Nhằm thực hiện điều này, Người mong muốn các em có cơ hội học hành, hiểu biết giáo lý để sống tốt đời, đẹp đạo.

Vì thế, Ni trưởng đã tiếp nhận và từng bước xây dựng chùa Phước Hải ở đường 3 tháng 2 (quận 10, TP.HCM). Đây là địa chỉ quen thuộc với rất nhiều thế hệ thanh, thiếu niên Phật tử, các học sinh, sinh viên thành phố, đặc biệt là các bạn ở Đại học Kinh tế, Đại học Sư phạm Sài Gòn, phân viện của Học viện Hành chính Quốc gia... Được biết, chùa Phước Hải vốn là ngôi thảo am của HT. Thích Nhất Hạnh và HT. Thích Mật Tri dựng lên năm 1951, tại

đường Trần Quốc Toàn (thuộc khu Hòa Hưng, quận 3), cho chư Tăng miền Trung vào Sài Gòn học văn hóa. Đến năm 1956, được giao cho Hòa Thượng Tâm Châu cùng chư tăng miền Bắc vào tu học và sinh hoạt. Sau này, giao lại cho quý Ni sư miền Bắc như Ni sư Đàm Lan, Ni sư Đàm Lưu, Ni sư Tịnh Bích, Ni sư Tịnh Nguyên, Ni sư Diệu Minh... trông nom.

Năm 1960, khi Ni trưởng Dược Sư và Từ Nghiêm thành lập, quý ni sư lần lượt nhập học. Chùa Phước Hải được giao cho Ni Trưởng Tịnh Nguyên quản lý. Và đây là một trong những cơ sở tranh đấu của Tăng Ni, sinh viên, học sinh chống lại chế độ Ngô Đình Diệm vào năm 1963. Từ khi tiếp nhận chùa, Ni trưởng Tịnh Nguyên (lúc đó mới là Ni sư) vừa lo sửa chữa, xây dựng lại tịnh thất, vừa lo tiếp độ Ni chúng và thực hiện tâm nguyện: Đưa giáo dục Phật giáo đến với giới cư sĩ Phật tử, đặc biệt là giới trẻ. Năm 1964, để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên tỉnh xa về theo học các trường đại học ở Sài Gòn, chùa Phước Hải đã thành lập cư xá nữ sinh viên, hoạt động đến năm 1970.

Từ năm 1968 - 1970, Ni trưởng giảng dạy tại trường Trung học Thoại Ngọc Hầu ở Long Xuyên và thành lập trường Trung Tiểu học Mê Linh vào năm 1970, ngay trong khuôn viên chùa và đích thân Ni trưởng Tịnh Nguyên làm hiệu trưởng. Nhưng sau năm 1975, trường ngưng hoạt động, chính quyền địa phương trưng dụng để tiếp tục dạy học.

Trong bối cảnh Việt Nam những năm đầu mới giành được độc lập

còn nhiều khó khăn, toàn quốc tham gia vào công cuộc tái thiết. Năm 1980, nhận thấy Tổ chức Gia đình Phật tử (GDPT) là mô hình giáo dục bổ ích cho thanh, thiếu niên Phật tử, Ni trưởng Tịnh Nguyên đã cho phục hoạt hệ thống, thành lập GDPT Giác Hạnh. Đây là tổ chức giáo dục cho thanh, thiếu niên đầu tiên tại chùa Phước Hải vẫn còn sinh hoạt cho đến ngày nay.

Năm 1998, Ni trưởng Tịnh Nguyên tập trung toàn tâm, toàn lực vào việc trùng tu chùa Phước Hải thành trụ xứ cho chư ni, lần lượt xây dựng chánh điện, tổ đường, thư viện, ni phòng, gác chuông, đoàn quán GDPT Giác Hạnh. Ngoài ra, chùa còn có phòng khám và phát thuốc Đông y giúp đỡ Tăng ni, người nghèo. Đặc biệt, thư viện chùa đã thu hút rất nhiều sinh viên lui tới học tập, nghiên cứu. Khi số lượng sinh viên đến chùa ngày một đông và thường xuyên, các em đã xin Ni trưởng cho phép thành lập Hội sinh viên vào cuối năm 1998.

Ngày nay, chùa Phước Hải là nơi duy nhất có Hệ thống GDPT tại quận 10 (TP HCM), quy tụ nhiều học sinh - sinh viên tham gia sinh hoạt. Có thể nói, chùa Phước Hải phát triển như ngày hôm nay đều nhờ niềm tin kiên cố, ý chí vững chãi và sự dấn thân không biết mệt mỏi của Ni trưởng Tịnh Nguyên.

GIEO HẠT TỪ TÂM

Vào thập niên 80, Ni trưởng về Long Thành (Đồng Nai) thành lập chùa Dưỡng Chân Tuệ Uyển. Trong thời gian này, dân cư ở đây vẫn còn thưa thớt, chủ yếu là những người di cư vào làm kinh tế mới. Bấy giờ, Long Thành vẫn còn là một vùng

kinh tế mới với muôn trùng khó khăn. Ban ngày, Ni trưởng cùng các đệ tử cuốc đất, đào tranh, ban đêm thầy trò quây quần bên ngọn đèn dầu tụng kinh, niệm Phật.

Dù khó khăn đến vậy, Ni trưởng vẫn mang tâm nguyện xây dựng nơi đây thành một đạo tràng trang nghiêm để đào tạo ni chúng và cho bà con Phật tử có nơi hướng về cội nguồn tâm linh. Vì vậy, năm 1990, Người cho xây dựng ngôi Đại Hùng Bảo Điện và các dãy ni xá. Đặc biệt, quyết không để các em nhỏ chịu cảnh mù chữ, giai đoạn 1989 - 2003, Người mở lớp học Tinh thương (từ mẫu giáo đến lớp 5) với 150 em học sinh và dạy Anh văn miễn phí cho học sinh THCS trong ba tháng hè. Khi các doanh nghiệp bắt đầu hoạt động, thu hút công nhân khắp nơi đổ về, với nhu cầu gửi trẻ của tầng lớp lao động phổ thông, năm 2003, lớp học Tinh thương đổi thành trường mầm non. Lúc đầu chỉ 30 - 40 em, sau tăng dần lên, đến nay đã có khoảng 200 em. Hiện tại, trường Mầm Non Tuệ Uyển đã cru mang, nuôi dưỡng bao thế hệ trẻ thơ trong suốt 35 năm qua, với tình thương yêu vô bờ của bậc Ni trưởng khả kính.

Các con của Người giờ đây đã trải khắp Á-Âu, nhiều người có đủ học hàm học vị, nhưng khi tự về dưới mái chùa Phước Hải, vẫn quỳ bên chân Người như thuở còn thơ. Trải bao tuế nguyệt, mái đầu ấy giờ đã pha sương nhưng trái tim vẫn tràn đầy tình thương và sự nhiệt huyết. Những hạt bồ đề Người gieo mầm năm xưa, giờ đây đang trở cảnh, xanh lá, đã và đang dâng cho đời những quả ngọt hoa thơm.

* Ảnh: Đăng Huy

CHÙA LIÊN HOA, Q. BÌNH TÂN, TP. HCM



Chùa Liên Hoa do Hoà Thượng Thích Huệ Minh khai sơn vào năm 1994. Chùa tọa lạc tại 951/11 đường 38A, phường Tân Tạo, quận Bình Tân. Năm 2004, Hoà Thượng cho trùng tu lại toàn bộ không gian thờ tự, khuôn viên chùa. Sau 5 năm, công tác xây dựng hoàn thành.

Từ khi chùa được xây dựng lại khang trang, Hoà thượng tiếp Tăng độ chúng, đã có 14 vị được Hòa thượng thể phát xuất

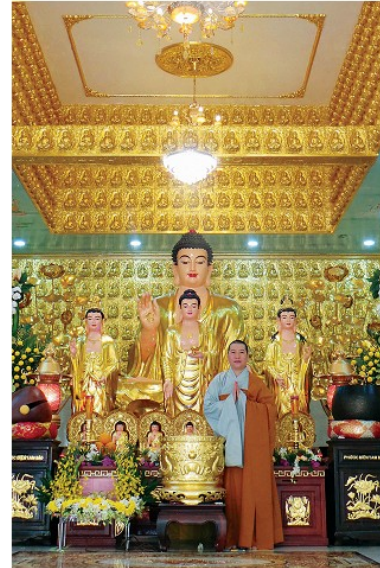
gia, tu học. Năm 2009, Hoà thượng đã thuận thể vô thường an nhiên thị tịch trong niềm kính thương vô hạn của Tăng Ni, Phật tử. Kế tục đèn thiền, Sư cô Thích Nữ Diệu Hương được Hòa thượng chỉ định tiếp nối kế thừa. Sau 3 năm lo tròn trách nhiệm của người đệ tử, năm 2012, Sư cô làm lễ nhận nhiệm vụ trụ trì, kế thừa phát huy tâm nguyện thầy tổ.

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Phật học, Sư cô tiếp tục học và tốt nghiệp Lớp Cao cấp giảng sư tại chùa Hoà Khánh, quận Bình Thạnh vào năm 2015; tốt nghiệp văn bằng 2 khoa Triết học Phật giáo - Học Viện PGVN tại TP. HCM, năm 2018. Sư Cô tiếp tục thi tuyển Khoá II hệ Thạc sĩ Phật học của Học viện PGVN tại TP. HCM. Năm 2020, Sư Cô đã hoàn thành các học trình Thạc sĩ Phật học.

Đối với Phật sự tại bốn tự, mỗi năm Sư cô mở đàn tràng pháp hội Dược Sư vào ngày Rằm tháng Giêng, khóa tu Một Ngày An Lạc được hoạt động đều đặn hằng tháng, khóa tu Bát Quan Trai được tổ chức hằng tuần. Bên cạnh đó, chương trình hoạt động từ thiện, gieo mầm chay tịnh cho các tín đồ Phật tử vào các ngày mùng 01 và 15 hằng tháng, cơm chay luôn được phục vụ rất tinh sạch. Các kỳ lễ lớn vào Rằm tháng Giêng, tháng 7, tháng 10, Phật tử tham dự lễ bái rất đông. Vào mùa hạ hằng năm, sau ngày giải chế, Sư cô cung thỉnh chư Tôn đức Tăng Ni từ các trụ xứ câu hội về chùa để thiết lễ trai tăng, kỳ nguyện Quốc thái dân an, âm siêu dương thái...

Chùa Liên Hoa ngày nay với lối kiến trúc hiện đại, không gian thoáng rộng, nhiều hoạt động Phật sự nổi bật diễn ra tại chùa được đông đảo Phật tử tham gia, tu học, hộ trì. Chùa đã góp phần cùng Giáo hội trong công tác Hoàng pháp độ sanh, xiển dương chân lý Phật đà.

Thích Tuệ Tánh



Chùa Liên Hoa, số 951/11 đường 38A,
P. Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP.HCM
Trụ trì Sư cô Thích Nữ Diệu Hương
ĐT: 0906736288





PHẬT GIÁO

VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG



TỔ ĐÌNH HỘI KHÁNH

Bình yên một ngôi chùa...

Trần Quỳnh Như

Khi đặt chân tới vùng đất Thủ (Bình Dương), khách hành hương gần xa thường được giới thiệu đến thăm Tổ đình Hội Khánh. Đây là nơi đặt trụ sở Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) tỉnh Bình Dương, là ngôi chùa bình yên nơi ghi lại nhiều dấu ấn của văn hóa, lịch sử. Sang năm 2021, chùa Hội Khánh sẽ tròn 280 năm xây dựng, trùng tu và phát triển khang trang, uy nghi như hiện nay... Chùa đã được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia ngày 7/1/1993.

LỊCH SỬ NGÔI CHÙA

Chùa tọa lạc tại số 29 đường Chùa Hội Khánh (phường Phú Cường, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương), cách TP.Hồ Chí Minh khoảng 25km về phía Nam, với tổng diện tích (khuôn viên chùa Hội Khánh) trên 2ha. Đây cũng là Trung tâm Văn hóa Phật giáo tỉnh Bình Dương.



Nói đến ngôi Tô đình Hội Khánh, (báo chí) xưa nay đã có rất nhiều bài viết về những nét nổi bật của ngôi cổ tự này. Thời gian mang lại bao đổi thay, nhưng dấu xưa tích cũ nơi đây vẫn còn lưu giữ những giá trị phong phú về mặt lịch sử, văn hóa, nghệ thuật kiến trúc, đặc biệt là những dấu tích, cổ vật hiện hữu trong ngôi chùa vẫn được bảo tồn suốt hàng trăm năm qua. Hội Khánh được các nhà nghiên cứu nhận xét là ngôi chùa tiêu biểu cho đặc điểm chung của kiến trúc chùa cổ Nam Bộ.

Những năm gần đây, chùa Hội Khánh đã đón tiếp rất nhiều tín đồ Phật giáo và khách thập phương, trong đó có không ít nhà nghiên cứu, các đoàn học sinh, sinh viên trong và ngoài tỉnh đến tìm hiểu, nghiên cứu và chiêm bái. Đặc biệt,

Tô đình Hội Khánh là công trình kiến trúc có nhiều dấu ấn lịch sử, làm đề tài nghiên cứu khoa học cho các cử nhân, thạc sĩ và nghiên cứu sinh.

Dù dành nhiều hay ít thời gian đến với Hội Khánh, chắc chắn một điều rằng, không gian tĩnh lặng với những cây cổ thụ to mát, những pho tượng cổ trong gian chánh điện, bảo tháp, tượng Phật nhập Niết bàn dài nhất nước... là những hình ảnh để lại ấn tượng sâu đậm trong tâm trí du khách đến thưởng lãm. Hiện chùa vẫn còn lưu giữ rất nhiều pho tượng cổ và các hiện vật quý giá.

Chùa Hội Khánh được xây dựng vào năm Tân Dậu (1741), do Đại Ngạn thiền sư khai sơn. Năm 1868, HT. Toàn Tánh trùng tu sau

khi giặc Pháp đốt phá. Năm 1883, HT. Chương Đắc tổ chức đúc Đại Hồng chung (đây là pháp khí đầu tiên được đúc tại Thủ Dầu Một). Năm 1885, HT. Ấn Long tổ chức khắc bản in Kinh (mộc bản) gồm kinh Di Đà, Hồng Danh, Vu Lan, Phổ Môn, Kim Cang... (các bộ mộc bản này hiện còn lưu giữ tại chùa). Về sau, các bộ Kinh được trùng khắc vào năm 1930 do HT. Từ Văn chủ trì. Năm 1908, HT. Từ Văn xây dựng lại cổng Tam quan (cổng Tam quan được xây dựng trước đó vào năm 1784).

Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các bộ tượng Phật, La Hán, hoa văn, phù điêu, hoành phi, liễn đối, bao lam... được tôn tạo. Đây là những tác phẩm có giá trị nghệ thuật do các nghệ nhân đất Thủ thực hiện. Năm 1920, kiến trúc



chùa Hội Khánh và các bộ tượng Phật, La Hán được mang triễn lãm tại TP Marseille (Pháp) do HT. Từ Văn làm chủ trì (lễ).

Năm 1923-1926, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, cụ Tú cục Phan Đình Viện và HT. Từ Văn lập Hội Danh Dự Yêu Nước tại chùa Hội Khánh. Theo các nhà nghiên cứu, chùa Hội Khánh là nơi cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc lưu trú thời gian lâu nhất so với các nơi khác và cũng là nơi duy nhất cụ thành lập Hội Danh dự Yêu nước (hiện chùa còn lưu giữ những di vật của cụ: La bàn, quyển sách địa lý phong thủy, bản cà thuốc và cặp liễn đối).

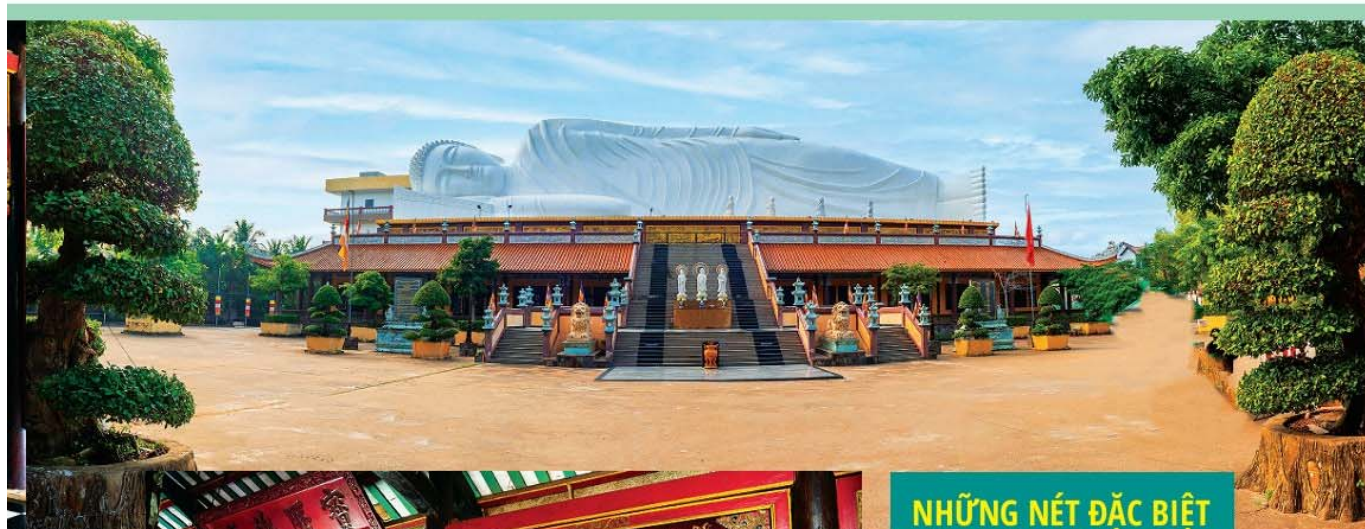
Năm 1945-1954, chùa là trụ sở Phật giáo cứu quốc Thủ Dầu Một. Nơi đây, có rất nhiều chư Tăng tham gia cách mạng, trong đó có Hòa thượng Từ Tâm, Hội viên Hội Danh dự Yêu nước, tham gia phong trào trước Nam kỳ Khởi nghĩa năm 1940 sau đó bị bắt đày ra Côn Đảo. Năm 1953, chùa là Trụ sở Giáo hội Phật giáo Cổ truyền - Lục Hòa Tăng Bình Dương.



Năm 1976, nơi đây là Văn phòng Ban liên lạc Phật giáo yêu nước. Năm 1983, chùa là Trụ sở Tỉnh Hội Phật giáo Sông Bé (Bình Dương). Năm 1990, chùa được trùng tu ngôi Chánh điện. Năm 1993, chùa được Bộ Văn hóa công nhận Di tích Lịch sử Văn hóa cấp Quốc gia. Năm 1995, chùa chính thức khai mở Trường Cơ bản Phật học (Trung cấp Phật học).

Từ khi thành lập đến nay, chùa trải qua các đời Trụ trì:

1. Đại Ngạn - Từ Tấn;
2. Minh Huệ - Chân Kính;
3. Toàn Tánh - Chánh Đắc;
4. Chương Đắc - Trí Tập;
5. Ấn Long - Thiện Quới;
6. Chơn Thịnh - Từ Văn;
7. Ấn Bửu - Thiện Quới;
8. Thị Huệ - Thiện Hương;
9. Đồng Bửu - Quảng Viên;
10. Huệ Thông - Nhật Minh.



NHỮNG NÉT ĐẶC BIỆT CỦA CHÙA HỘI KHÁNH

Chánh điện với kèo cột, vách gỗ và ba bộ cửa bức màn, còn có nhiều bộ tượng gỗ, các vị La Hán và thập điện Minh Vương dáng vẻ khác nhau được tạo bằng gỗ mít sơn son thếp vàng, bộ mộc bản in kinh. Đặc biệt có hai bức phù điêu chạm hình 18 vị La Hán và các vị Bồ tát, tạo nên một công trình điêu khắc tuyệt mỹ, có giá trị nghệ thuật cao mang đặc trưng của phong cách điêu khắc gỗ Bình Dương xưa.

“Tượng Phật nhập Niết bàn trên mái chùa dài nhất châu Á” do Tổ chức Kỷ lục châu Á xác lập. Đây là một công trình nghệ thuật độc đáo. Tượng Đức Bổn sư Thích Ca nhập Niết bàn dài 52m, cao 12m được an vị trên độ cao cách mặt đất 24m. Tượng được khánh thành vào tháng 3-2010.

KIẾN TRÚC ĐỘC ĐÁO

Kiến trúc chùa gồm 5 hạng mục chính: tiền điện, chánh điện, hậu Tổ (nơi thờ Tổ), giảng đường và Đông - Tây lang. Tiền điện, chánh điện và giảng đường được bố trí theo kiểu “sắp đôi”, “sắp đội”, nối liền nhau theo thức “trùng thềm điệp ốc”, đông và tây lang được nằm dọc với giảng đường cách nhau khoảng sân trong (Thiên tĩnh) đây là một dạng kiến trúc phổ biến đối với đình, chùa ở xứ Đàng Trong bấy giờ, trong khuôn viên chùa là 9 ngôi tháp cổ của 9 vị trụ trì đã viên tịch.

Nội thất kiến trúc, tượng, liễn đối, hoành phi, tranh, bao lam, đồ thờ tự trong chùa đều được điêu khắc, chạm trổ rất tinh vi, với những đề tài như tứ linh, cừu long, dây nho, lá lếp, hoa phù dung... Tuy đã được trùng tu nhiều lần nhưng về cơ bản đây là ngôi chùa hiếm hoi vẫn còn giữ được phần lớn kiến trúc ban đầu.

Từ năm 1988, kể từ khi Hòa thượng Thích Huệ Thông làm trụ trì, Hòa thượng đã cho trùng tu nhiều hạng mục và xây dựng mới một số công trình như: Bốn Thánh tích gồm vườn Lâm Tỳ Ni, Bồ Đề đạo



tràng, vườn Lộc Uyển và Câu Thi Na. Phía bên trái chùa là Ngôi Bảo tháp 7 tầng. Đối diện ngôi Tổ đình là công trình Đại tượng Phật nhập Niết Bàn dài 52m được Trung tâm xác lập kỷ lục công nhận vào ngày 31/5/2013: “Tượng Phật Nằm trên mái chùa dài nhất Châu Á”, tầng trệt của Đại tượng là Trường Trung cấp Phật học, thư viện, văn phòng làm việc... phía sau Đại tượng là

hội trường, giảng đường, trai đường dùng làm nơi sinh hoạt cho Tăng Ni và tổ chức các sự kiện có sức chứa mỗi tầng khoảng 2.000 người.

Ngôi cổ tự Hội Khánh là công trình kiến trúc, văn hóa nghệ thuật của vùng đất Nam Bộ nói chung và Bình Dương nói riêng. Trong suốt chiều dài lịch sử, chùa luôn bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, đạo đức

tâm linh trên tinh thần gắn bó, đồng hành cùng Đạo pháp và Dân tộc.

Hãy một lần đến với chùa Hội Khánh, bạn sẽ cảm nhận trọn vẹn nhất những gì mà ngôi chùa này đem lại. Đó là cảm giác thanh tịnh, bình yên, một “chốn xưa” ngay giữa thành phố Thủ Dầu Một năng động, nhộn nhịp.

* Ảnh: Đăng Huy



Nguồn: Baochinphu

Sử dụng Internet đúng đắn



ĐỂ THÚC ĐẨY VĂN HÓA ĐỌC

Nguyễn Quốc Vương

CÓ INTERNET CHƯA HẸN TỰ ĐỘNG CÓ VĂN MINH

Khi tư vấn cho những phụ huynh có con không thích đọc sách, tôi hầu như đều tìm được một mẫu số chung ở họ. Đó là trong gia đình, không gian, thời gian và năng lượng dành cho việc đọc sách rất nhỏ hoặc không có. Trong khi, thời gian, không gian dành cho internet và các thiết bị kỹ thuật số lại rất lớn. Ví dụ: trẻ không có phòng đọc, giá sách riêng nhưng lại được dùng điện thoại, iPad thường xuyên, xem tivi có khi mấy tiếng mỗi ngày.

Trong nhà, chỗ trang trọng, dễ nhìn - tức là không gian tốt nhất, được dành cho chiếc tivi.

Nếu như ở Nhật Bản, tivi màu trở thành đồ gia dụng phổ biến trong các gia đình vào những năm 60-70 của thế kỷ trước thì ở Việt Nam, tivi đã trở thành đồ dùng không thể thiếu ở các gia đình trong khoảng hai thập kỷ trở lại đây.

Nhìn ra vĩ mô, ta sẽ thấy internet và mạng xã hội đang ngày càng phổ biến ở Việt Nam. Chỉ cần vài năm nhìn lại, ta sẽ có cảm giác bất ngờ đến sững sờ.

Tôi sinh ra ở một ngôi làng nhỏ nằm bên bờ sông Thương, cách thị xã Bắc Giang (nay là TP Bắc Giang) chưa đầy 20km. Tuy nhiên phải học hết trung học cơ sở (khoảng năm 1996),

gia đình tôi mới được dùng điện và đến khoảng năm 1999 là lần đầu tiên tôi nhìn thấy máy vi tính ở trường trung học phổ thông mình học.

Đến khi tốt nghiệp đại học và trở thành giảng viên năm 2004, lần đầu tiên tôi được chạm tay vào một chiếc điện thoại di động cũ mua lại từ một người đồng nghiệp. Đến thời điểm đó, cả xã tôi vẫn không có ai dùng internet, thậm chí còn không ai biết internet là gì.

Còn hiện tại thì sao? Internet đã trở nên phổ cập ở trong xã, thanh niên hầu hết sử dụng điện thoại di động và rất nhiều người dùng điện thoại thông minh có thể truy cập mạng 24/24. Thậm chí trong nhiều lần về quê, các cậu, các chú ruột tôi tuổi không còn trẻ nữa còn bảo “A! cậu (chú) có theo dõi cháu livestream về đọc sách đấy nhá!”. Một việc mà trước đó khoảng mười năm, ta không thể nào hình dung được!

Tuy nhiên, chúng ta đừng ảo tưởng và tự đánh lừa mình rằng cứ có internet là tự động có văn minh. Rất nhiều người dùng internet chỉ đọc và xem những thứ vô thưởng vô phạt, thậm chí “nhảm nhí”, “độc hại”. Ta cũng phải cay đắng thừa nhận rằng: trên internet, nơi người ta có thể ẩn danh khiến cảm giác trách nhiệm thấp đi, sự lan truyền của cái xấu, cái thấp kém có vẻ nhanh và rộng hơn cái hay, cái đáng suy nghĩ.

Không chỉ vậy, sự phổ cập của internet, mạng xã hội và các thiết bị kỹ thuật số như điện thoại, tivi, iPad, máy tính còn dẫn đến nhiều hệ lụy khác, trong đó có chứng nghiện game, internet,... ở trẻ em. Các nhà khoa học trên khắp thế giới bằng những nghiên cứu lâm sàng cụ thể đã cảnh báo về tác động có hại của internet và các thiết bị kỹ thuật số đối với trẻ em, nhất là trẻ dưới 6 tuổi. Đơn cử, trong cuốn sách *Cha mẹ thời đại kỹ thuật số* (Ehomebooks, 2015), tác giả Shin Yee Jin đã chứng minh bằng nghiên cứu lâm sàng rằng: internet, điện thoại có thể phá hủy nặng nề bộ não của những

chúng ta đừng ảo tưởng và tự
đánh lừa mình rằng cứ có internet
là tự động có văn minh



Nguồn: Nytimes.com

đứa trẻ và làm cho thanh thiếu niên mất đi những phản xạ, thói quen sinh hoạt, khả năng tư duy bình thường.

Việc lạm dụng internet ở trẻ em còn tất yếu dẫn đến hệ quả là trẻ bị các tật khúc xạ mắt như cận thị và mất khả năng tập trung dẫn tới học kém. Khi trong nhà có tivi, điện thoại để trẻ xem, vào internet thỏa thích không giới hạn, tất yếu hứng thú của trẻ đối với sách và đọc sách sẽ kém đi. Vì vậy, các tác giả nói trên đều khuyên nếu muốn trẻ tập trung đọc sách thì cần hạn chế thời gian trẻ sử dụng tivi, internet hoặc ít nhất phải có quy chế và phương pháp khoa học để trẻ sử dụng chúng hợp lý.

CÁCH ĐỂ BIẾN INTERNET THÀNH “TRI KỸ” CỦA VĂN HÓA ĐỌC

Nếu biết sử dụng internet một cách thông minh, chúng có thể từ “kẻ thù không đội trời chung” trở thành “tri kỷ” của sách và việc đọc sách.

Một trong những ích lợi mà internet, mạng xã hội và thiết bị kỹ thuật số đem lại cho chúng ta là tìm kiếm và đọc sách gần như miễn phí. Cho dù không phải bất cứ thứ gì cũng được số hóa và đưa lên internet nhưng kho sách, báo miễn phí và hợp pháp trên internet vẫn thật sự khổng lồ và ngày càng phong phú.

Bằng cách đọc và viết, ta có thể mở rộng thế giới của bản thân và góp phần tích cực để tạo ra nhiều thế giới khác; làm cho thế giới mà mình ở trong đó, sống trong đó trở nên tốt đẹp hơn.

Thậm chí, chúng ta có dành cả đời chăm chỉ đọc cũng không thể nào hết được. Nếu như các bạn biết thêm một, hai ngoại ngữ để có thể đọc sách ngoại văn thì thế giới tri thức ấy còn mở rộng nữa.

Đối với tiếng Việt, các bạn có thể đọc ở một số trang web cung cấp sách báo miễn phí, hợp pháp như: trang Thư viện quốc gia Việt Nam (<http://dl.nlv.gov.vn/>), các trang cho phép mua và đọc ebook như waka (<https://waka.vn/>).

Song song đó, việc mua sách ebook có bản quyền thường cũng có chi phí rẻ hơn và có khi chỉ cần nộp một khoản phí hội viên nhỏ hàng tháng hay hàng năm, bạn có thể đọc toàn bộ số sách có trong kho. Vì vậy, việc sở hữu một máy đọc sách để đọc ebook cũng là giải pháp hay, có tính kinh tế và hiệu quả cao.

Ngoài ra, bên cạnh việc đọc, các bạn đừng bao giờ quên đi thói quen tập viết. Điều đó rất có ích cho việc rèn luyện tư duy, làm phong phú tâm hồn, tạo nên những phút giây thư giãn và đóng góp giá trị cho cộng đồng.

Đừng ngại, hãy viết hằng ngày. Khẩu hiệu của câu lạc bộ những người viết bình luận sách ở Nhật Bản:

“Đọc để mở rộng thế giới, viết để tạo ra thế giới” quả rất thích hợp trong trường hợp này. Bằng cách đọc và viết, ta có thể mở rộng thế giới của bản thân và góp phần tích cực để tạo ra nhiều thế giới khác; làm cho thế giới mà mình ở trong đó, sống trong đó trở nên tốt đẹp hơn. Sức mạnh của tiếng nói, của ngôn từ rất kì diệu. Một lời nói, một bài viết của các bạn có khi thay đổi số phận một con người, trở thành niềm vui của chục người, trăm người thậm chí cả vạn người.

Ngoài ra, internet và mạng xã hội cũng là công cụ tuyệt vời để kết nối những người yêu đọc sách và tham gia phong trào khuyến đọc. Trong hoàn cảnh Việt Nam, khi đọc sách chưa trở thành sinh hoạt đời thường phổ biến của đa số người dân, khuyến đọc để xây dựng và phát triển văn hóa đọc rộng khắp trong quốc dân là vô cùng quan trọng.

KHUYẾN ĐỌC LÀ CON ĐƯỜNG CẦN THIẾT...

Khuyến đọc là một cách để tiếp nối khát vọng, ước mơ của các bậc tiền bối thiết tha với tiền đồ, tương lai, số phận dân tộc như: Nguyễn Trãi, Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Văn Vĩnh, Phan Châu Trinh... Khuyến đọc cũng chính là khuyến học theo đúng tinh thần của cụ Phan Châu Trinh nêu ra trong một bài xã thuyết (xã luận) đăng trên tờ “*Đảng Cổ tùng báo*” năm 1907, mà cụ Huỳnh Thúc Kháng nhớ được bản chữ Hán và cho dịch, đăng lại trên báo Tiếng Dân số 613, ngày 9/8/1933: “Đồng bào ta, người nước ta, ai mà ham mến tự do, tôi xin có một vật rất quý báu tặng cho đồng bào, là “Chi bằng Học”.

Từ đọc sách tới khuyến đọc cũng chính là con đường đưa đến hoàn thiện bản thân. Sẽ rất tuyệt vời nếu như bạn đặt chân lên con đường đó. Khi đó, bạn sẽ có cơ hội khám phá vẻ đẹp của thế giới, vẻ đẹp cuộc sống bình thường mà có thể trước đó bạn chưa nhận ra hoặc thấy nó quá nhàm chán. Bạn cũng có thể tìm thấy những động lực mạnh mẽ dù hiện thực đầy nghiệt ngã. Ta hãy cùng bắt tay nhau để làm điều gì đó cho phong trào đọc sách, khuyến đọc ở Việt Nam.

Đây là viễn cảnh người dân đọc sách như tiến hành một sinh hoạt đời thường, giống như hai câu thơ của phong trào “*Đông Kinh nghĩa thực*” khi xưa đã vẽ ra:



Nguồn: Architecturaldigest.com

*“Buổi đọc sách người đông như hội
Kỳ bình văn khách tới như mưa”.*

Từ sự cố gắng, nỗ lực của bản thân và kết nối, hợp tác với những người có chung sở thích, mối quan tâm đối với sách, có tinh thần cống hiến cho xã hội thông qua hoạt động khuyến đọc, các bạn có thể tiến hành những hoạt động cụ thể để khuyến đọc như: thành lập các câu lạc bộ đọc sách, mở tủ sách, thư viện gia đình hoặc nơi mình sinh sống và khuyến khích trẻ em, thanh niên, người lớn tham gia.

Hãy tiến hành vận động bắt đầu từ chính bạn bè thân thiết, người thân gia đình, họ hàng, đồng nghiệp ở cơ quan/công ty tham gia đọc sách và khuyến đọc. Một thành hai, hai thành ba, ba thành bốn... Bằng cách lan truyền dần dần, từng bước, từng bước như vậy, cộng đồng đọc sách, cộng

đồng truy cầu chân lý, tôn trọng tri thức và giá trị tinh thần sẽ không ngừng mở rộng. Đây là con đường xây dựng đất nước văn minh hòa bình và vững chắc.

“Internet lần đầu tiên xuất hiện với tư cách là một mạng lưới kết nối các máy tính với nhau năm 1989. Từ đó đến nay, Internet đã phát triển vượt bậc, thúc đẩy nhân loại đến gần nhau hơn. Bên cạnh một số tác hại tiêu cực, Internet đã mang lại rất nhiều lợi ích cho người sử dụng, trong đó có việc thúc đẩy văn hóa đọc mà bài viết đã đề cập”.

CHÙA BỬU KHÁNH, KIÊN GIANG



Nơi vùng đất Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, có ngôi chùa Bửu Khánh được thành lập từ năm 1960, Chùa sơ khai với mái lợp tôn, đơn sơ vách gỗ. Trải qua 3 đời trụ trì, năm 2007 Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Kiên Giang đã bổ nhiệm Đại đức Thích Huệ Tài – Trưởng ban Kinh tế Tài chánh GHPGVN tỉnh Kiên Giang chính thức trụ trì chùa Bửu Khánh.



Trong nhiều năm qua, dưới sự điều hành trông coi của ĐĐ. Thích Huệ Tài bằng tinh thần từ bi nhập thế, Phật tử gần xa quý mến về chùa quy y, nương tựa tu tập ngày càng đông. Trong các công tác Phật sự của chùa phải nói đến đó là đạo tràng Bát Quan Trai, đạo tràng niệm Phật được tổ chức sinh hoạt hàng tháng. Phật tử tham dự số lượng từ 80 đến 100 vị.

Để tiếp tục kế thừa phát huy tâm nguyện của chư Tổ khai sơn, chùa Bửu Khánh đã chính thức khởi công xây dựng Đại trùng tu vào đầu năm 2014, với thiết kế quy mô 1 tầng trệt 2 tầng lầu (gồm: chánh điện, nhà Tổ, giảng đường, nhà Tăng xá...). Được sự phát tâm của đông đảo Phật tử, Mạnh thường quân hộ trì, đến nay công trình xây dựng cơ bản đã hoàn thành được 80%.



Với niềm tin tuyệt đối nơi Tam Bảo, chúng con luôn trân trọng và thành kính đón nhận sự phát tâm hoan hỷ của chư Tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử gần xa.



ĐĐ. Thích Huệ Tài (Lê Tấn Khuê)
Chùa Bửu Khánh, phường Vĩnh Lạc,
TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Ngân hàng: BIDV chi nhánh Kiên Giang
STK: 75010000305580
Điện thoại: 0707666624



Ban mai ĐÀ LẠT

Trần Vọng Đức

Đà Lạt là thành phố của tình yêu cuộc sống, nơi dung dưỡng đủ đầy các cung bậc của xúc cảm yêu thương, thanh thản, mộng mơ, hoài niệm, u buồn, hờn giận, tha thứ và... buông xả. Đà Lạt luôn níu lòng lũ khách, dùng dằng, vờ vờ như vọng về cố hương.



TRÊN ĐỈNH MÙ SƯƠNG



Ban mai Đà Lạt với tôi, một viễn khách nhàn hạ, chắc hẳn có khác biệt ít nhiều so với bao khách lãng du và cũng khác so với các ban mai của chính tôi mỗi lần nhập thân vào phố núi. Với đồng bào cư dân nơi này, những ban mai có thêm một nét riêng, thường là bắt đầu của một ngày mưu sinh vội vã, đưa rau củ, hoa tươi từ nhà vườn đến các điểm tiêu thụ.

“Thành phố mù sương” là một trong nhiều tên gọi dân dã của Đà Lạt, chắc hẳn ra đời sau năm 1893, khi bác sĩ Alexandre Yersin lần đầu tiên đặt chân khám phá nơi này. Còn mây mù thì đã âm thầm hiện diện từ ngàn đời xưa...

Vài năm gần đây bỗng bùng nổ chuyện săn mây, như một trào lưu của các bạn trẻ khi đặt chân lên Đà Lạt. Nhưng săn mây không phải cứ đi là gặp. Chữ “săn” đã mang đủ hàm nghĩa của sự may rủi, gian khó. Không ít người lặn lội, đợi chờ suốt vài giờ hay vài ngày nhưng vẫn thất bại thê thảm. Thường thì vào những tháng cuối năm, thời tiết lạnh, âm u, lặng gió, cuộc săn ngắm mây trời lúc ban mai nhiều khả năng thành công.

Lên Đà Lạt lần này, tôi chọn điểm ngắm mây là đồi Đa Phú, cách trung tâm thành phố chừng mười cây số, trên đường vào Suối Vàng. Giây phút bật dậy khỏi giường trước năm giờ sáng, trong tiết trời se lạnh, với nhiều bạn trẻ có thể là thời khắc giằng co thắng thua với chính mình. Lái xe trong tình sương Đà Lạt cũng là trải nghiệm đáng nhớ. Trời vẫn còn mờ tối, đèn đường âm u soi không rõ mặt người. Tôi mở cửa kính xe, để mặc gió sớm mát lạnh thốc vào mặt và thầm trách mình đã không nhiều lần dẫn bước giang hồ phong sương.

Đường vào Suối Vàng là một trong những cung đường đẹp nhất Đà Lạt. Dốc lên, dốc xuống, uốn lượn quanh co. Thăm thẳm ngàn thông giữa điệp trùng sơn hải. Nhà cửa thưa thớt gieo tĩnh lặng. Không gian ngập tràn mùi thông thơm dịu, dùng dằng lữ khách. Tôi đi theo định vị của Google Map nên đành đậu xe gần nhất với đỉnh đồi Đa Phú, rồi từ đây tìm đường lội bộ lên. Một lối mòn vừa hai bước chân dẫn vòng lên đồi, xa gần không rõ nhưng chỉ ít là dễ đi hơn băng qua đồi hoang, dốc đứng. Đường trơn trượt do sương đêm ẩm ướt. Qua

khỏi con dốc, thấy phía trước có một đôi trai gái cũng đang lần bước. Tôi yên tâm hơn bởi có người mở đường. Đi thêm mười phút là bắt gặp đôi bạn trẻ, đang vừa đi vừa tranh thủ chụp hình cho nhau.

Trời đã sáng hẳn. Chúng tôi bước vội vã và không quên quan sát mây trời. Chậm chân thì hồng bết. Cuối cùng thì cũng mò lên được đỉnh đồi, đã có hơn một chục bạn trẻ đang xăng xái chụp hình. Một thiếu nữ cho biết, nhóm của mình lên đây lúc ba rưỡi sáng. Thật quá nể!

Chuyến săn mây ngẫu hứng của tôi có vẻ đã thành công. Bởi đang có cả một trời mây ngất ngây. Đỉnh đồi cao vượt hơn tầng mây. Rừng thông thưa xung quanh đang được trồng thêm những vật thông non ở nhiều độ tuổi, tô thêm màu xanh biếc non tơ. Mây trắng ngần giăng ngập bốn bề. Tuyệt hảo nhất là các tầng mây có độ dày mỏng khác nhau và vừa đủ cao để thấy chập chờn cảnh sắc dưới mặt đất và rừng thông.

Từ Đa Phú nhìn về hướng Đông Bắc thấy rất rõ núi Langbiang - nóc nhà của Đà Lạt với ba đỉnh Núi

Bà, Núi Ông và đồi Ra-đa. Cả ba đỉnh mang hình thù khác nhau và đều vươn cao giữa biển mây, trông uy nghi, trầm mặc. Nhìn về phía Tây là điệp trùng núi đồi với rừng thông mờ màng. Ấn tượng nhất là những hàng thông trải dài, uốn lượn trên đỉnh các rặng núi, cảm tưởng như các dải ăng-ten, hay là hàng vây trên lưng rồng, giăng lơ lửng giữa đất trời. Không ở đâu khác, chính ngàn thông đã tạo nên nét riêng cho phố núi.

Về phía Đông Nam, phố thị Đà Lạt chập chờn ẩn hiện dưới thung lũng với hai sắc màu chủ đạo. Đó là màu đỏ hồng của mái ngói, màu trắng của các mảng tường nhà và nhà lồng của trang trại trồng rau, hoa. Vài nóc nhà thờ nhô cao cùng cây thánh giá, trông cô đơn và kiêu hãnh.

Từ đồi Đa Phú, cảm nhận rất rõ vẻ đẹp của Đà Lạt mờ sương. Một Đà Lạt tĩnh khôi, mơ màng, mê hoặc và huyền bí. Thành phố chìm trong sương mây luôn mang vẻ đẹp lạ kỳ và biến đổi không lường bởi sự dịch chuyển của tầng mây trước gió, bởi ánh sáng mặt trời thay đổi từng phút giây. Cảnh sắc huyền diệu, như trò chơi biến hình của



tạo hóa. Thoát hiện và thoát ẩn tựa như chốn bồng lai, gây ngạc nhiên và nuối tiếc. Từ trên đồi cao, rất đúng theo nghĩa đen, là ở trên mây, ngắm thành phố ngàn thông yên bình, dường như lòng mình đã rũ bớt được chút bụi trần.

BAN MAI HỒ XUÂN HƯƠNG VÀ LY CÀ PHÊ SỚM

Về giữa lòng thành thị, tôi lại thấy ban mai ở hồ Xuân Hương mang vẻ đẹp độc đáo riêng biệt. Ban mai bên hồ Xuân Hương quá đổi yên bình. Tôi sải bước trong se lạnh, đôi tay xò trong túi áo khoác, đứng kiêu một kẻ lãng du. Những cơn gió mát rượi chốc chốc lại phớt nhẹ vào mặt, như một kiểu va chạm tinh nghịch, đáng yêu giữa thiên

nhiên và con người.

Vọng lên từ phía sau, có tiếng vó ngựa lóc cóc, âm vang. Tiếng động lẻ loi, đều đặn, càng làm tăng thêm vẻ u tịch. Biết rằng có cỗ xe ngựa đang rong ruổi ra bến. Người đánh xe ngồi thu mình trong bóng tối, chẳng rõ có ngủ gật hay không, buông lỏng dây cương, để mặc vó câu muôn dặm.

Ngồi bên bờ cỏ ven hồ, những ban mai, gió, nước, vó ngựa, những lao xao cõi trần vừa kịp thoảng qua. Chỉ còn lại không gian tĩnh lặng, huyền diệu. Cảm nhận rất rõ, rằng cuối cùng thì chỉ có một mình mình đối mặt với đất trời, với bóng câu kiếp người,



thăm thẳm cô đơn, bất lực. Ban mai Đà Lạt, phong cảnh hữu tình còn hòa quyện trong ly cà phê tăng sáng. Từ dốc Lê Đại Hành lên khu Hòa Bình được gọi là “dốc cà phê” bởi toàn bộ hơn hai trăm mét phố đều san sát quán cà phê, mang những cái tên gợi nhớ, như Phố Hoa, Phượng Tím, Nghệ Sĩ. Trên đường Phan Đình Phùng, có nhiều quán cà phê bình dân đậm chất Đà Lạt. Bàn ghế trong quán được kê dọc hai bên tường nhà. Khách là cư dân địa phương, khoác áo lạnh, có người mang ủng, hầu hết là đàn ông từ trung niên tới lão niên. Họ ngồi đối mặt, dòm ngó vu vơ, nhâm nhi cà phê, hút thuốc, trò chuyện rất nhỏ hoặc trầm ngâm không nói gì suốt cả cỡ uống.

Họ ngồi đối mặt, dòm ngó vu vơ, nhâm nhi cà phê,
hút thuốc, trò chuyện rất nhỏ hoặc trầm ngâm không nói
gì suốt cả cỡ uống.

Có một quán cà phê nổi tiếng mà hầu như du khách nào cũng biết, đó là cà phê Tùng ở khu Hòa Bình. Quán được mở tại đây vào năm 1960, từng là điểm hẹn của các tao nhân mặc khách như Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, Trịnh Công Sơn, Khánh Ly, Đinh Cường, Từ Công Phụng, Lê Uyên Phương và sau này có cả Nguyễn Tuân.

Có hai quán cà phê gợi nhớ về Đà Lạt xưa mà tôi thích ghé, đó là Thủy Tạ và Hoa Violet. Thủy Tạ được xây dựng đầu những năm 1930 trên một doi đất vươn ra hồ Xuân Hương. Hình dáng quán như con thuyền, màu trắng toát, nổi bật giữa màu xanh của mặt nước và cỏ cây. Quán không quá đông khách, sáng sớm lại càng vắng. Ngồi ngoài ban công hay trong phòng kính, gió lạnh cũng len được vào, hương trọn mắt mẽ và riêng tư. Bên ly cà phê nóng rất mau nguội, tầm nhìn rộng mở. Cảm giác rất rõ mình đang ở trên hồ nước, như một phần của không gian xưa, hoang sơ, êm đềm và thuần phác.

Quán cà phê ấn tượng thứ hai mà lần nào lên Đà Lạt tôi cũng đến là Hoa Violet trên đường Trần Hưng Đạo. Quán là một biệt thự nằm trong chuỗi biệt thự nối liền nhau rộng sáu hecta theo kiến trúc Pháp. Mỗi biệt thự đều mang dáng vẻ riêng, tất cả đều trầm mặc và quý phái, đậm bóng dáng của Đà Lạt cổ xưa. Những cây thông cổ thụ cao vút, kiêu hãnh và cô đơn, chen cùng sa mộc, mimosa, đỗ quyên, anh đào, dương liễu, trạng nguyên, lười cộp. Trần ngập các loại hoa với đa dạng sắc màu. Tôi rất thích loài hoa bồ công anh mọc là đà trên mặt cỏ, hoang dã mà rực sắc vàng quỳn rữ. Hoa khi tàn sẽ chuyển thành cụm trắng như bông, tung bay theo từng cơn gió, tượng trưng cho tình yêu trong sáng, thủy chung.

Hiếm nơi nào như chốn này vẫn còn đậm đầy bóng dáng không gian xưa, để không cần hoài niệm mà là sống thực với quá khứ trình nguyên đang nổi dài tới thực tại. Ban mai Đà Lạt chan chứa yên bình, thanh thoát, đến quên lãng câu hỏi muôn đời, rằng cuộc sống là gì, thế nào là đủ đầy, là hạnh phúc.



Nguồn: Internet

Nguyễn An



Cái đẹp từ TÂM LUÔN RẠNG RỠ...

Cái đẹp có dính líu gì đến lòng nhân ái? Nhiều người còn cho rằng: Người đẹp thường tính xấu, người xấu thường có lòng tốt. Họ quan niệm rằng: Ông trời có cho ai toàn diện đâu. Sức khỏe, nhan sắc, trí thông minh và tiền bạc ít đi chung với nhau. Người nhiều sắc đẹp thì sẽ giảm thứ khác như trí thông minh, tiền bạc, sức khỏe... Điều ấy có đúng chẳng?

CÀNG BUÔNG XÃ, CÀNG ĐẸP NGƯỜI NGƯỜI...

Đi đám cưới, cứ nghĩ sẽ chẳng gặp ai quen, vậy mà tình cờ gặp lại chị, người quen cũ. Chị nói chuyện thân thiện, bình dị chẳng quan cách dù trước khi về hưu là một lãnh đạo cấp sở. Nhiều nhân viên cũ đến chạm ly, chào hỏi dù chị đã về hưu mười mấy năm. Nghe chị nói, lúc này thường xuyên làm công tác xã hội. Có lẽ do thường xuyên

làm từ thiện nên chị đi đứng nhanh nhẹn so với tuổi, khuôn mặt sáng láng, phúc hậu.

Nhớ có sách viết: “Đặc thù của tướng mạo có quan hệ với sự di truyền của bố mẹ, đẹp hay xấu đều do ảnh hưởng nửa đời trước của chính mình, nghĩa là ảnh hưởng từ nghiệp lực kiếp trước; nửa đời sau của một kiếp người, chính là mình tự quyết định”.

Nhưng mà cần gì đến nửa đời sau, mới biết nghiệp lực ảnh hưởng tướng mạo, gương mặt của mình. Ngay trong bữa tiệc cũng đã nhận thấy. “Rượu vào lời ra”, ông bà ta xưa đã nói. Rượu còn là nguyên nhân dẫn đến các chuyện xấu, tội ác như đánh nhau, giết người, hiếp dâm, đốt nhà. Nhưng gần nhất là khuôn mặt xấu in: Mặt đỏ, mắt lơ lơ, mũi sưng, miệng méo, khả hơi thúi, đi đứng loạng choạng...

* * *

Lâu lắm mới gặp chị bạn. Chị trắng ra, phơn phớt và đẹp hơn dù chẳng son phấn điểm tô gì. Chị nói: Lúc này “buông thả” rồi. Vui lắm! Nhớ chị là vợ đại gia, hai đứa con đều du học Mỹ, ở nhà chỉ lo bếp núc và... giữ chồng. Nay chị nói “buông thả” xả, tự nhiên nghĩ đến, chị chắc có người tình!!!

Hỏi dò vòng quanh: Chị lúc này

cũng đi đánh tennis, ăn uống tiệc tùng, nhảy đầm... với nhiều bạn mới, à?

“Tôi làm sao mà chơi thứ đó, lúc này ở nhà đọc sách, rảnh rảnh thì đi chùa, làm từ thiện. Chồng ư, tôi không thèm ghen nữa, tới bữa tối về hay không cũng không bận tâm. Mà khi không bận tâm, không ghen tuông gì, thì ông ấy lại ngoan, nghiêm túc, mới ngộ. Chẳng biết sao!”.

Té ra từ khi thường xuyên đi chùa, đọc kinh sách, hàn huyên tâm sự với bạn đồng tu, chị đã biết sống buông xả. Tâm lành nên tướng đẹp, người thanh thoát; chuyện xấu của người chồng bê tha cũng ngẫu nhiên giảm bớt...

Nhắc chị phải dùng từ buông xả, chứ chẳng phải buông thả, chị cười hề hề: Buông nào cũng là buông mà! Tôi tin, lúc nói chuyện với người khác, chị lại

nói sai từ buông xả thành buông thả cho xem.

* * *

Hắn là bạn tôi từ thuở thanh niên. Hắn uống rượu để và hút thuốc rê nhiều lắm! Từ lượng một lít rượu để chẳng nhằm nhò gì, còn thuốc rê thì vẫn luôn tay. Vậy mà lấy vợ vài năm, là bỏ rượu, bỏ thuốc. Không hiểu vợ hắn rù rì, cấm vận ra sao mà bỏ rượu, bỏ thuốc hay thiệt! Sức mạnh tình yêu... dữ dội thiệt!

Nghe kể, một ngày của vợ bạn là đi chợ, nấu ăn cho chồng; rảnh về bấm huyết cho mẹ già và vài phụ nữ lớn tuổi neo đơn bệnh tật. Tất nhiên không lấy xu nào. Là cô giáo đã về hưu, lúc rảnh rỗi, vợ bạn dạy thêm ở nhà, lấy giá rất rẻ, giúp học sinh nghèo. Mỗi tháng chỉ 150 ngàn đồng một đứa. Tối lên chùa, một cái chùa hẻo lánh, nhỏ xíu gần nhà đọc kinh.



Nguồn: graphicpanic.com



Thời buổi chọn rộn đất đai, vợ bạn cũng bỏ vốn ra mua vài đám đất. Phước chủ may thầy hay sao mà thắng đủ. Mua rẻ bán khá, cũng kiếm được một ít lưng vốn mua sắm, dành dụm và đi làm từ thiện. Nghe chồng biểu nghỉ cho khỏe, đừng vướng rồi si mê quá, mệt, chưa kể sa vào chuyện xấu, do quá tham lam! Vậy là vợ nghe chồng, ngưng kinh doanh. Gặp người phụ nữ khác, không trọng chồng, chắc là gia đình xào xáo rồi, vì lý do đang làm ngon ăn mà chồng cản.

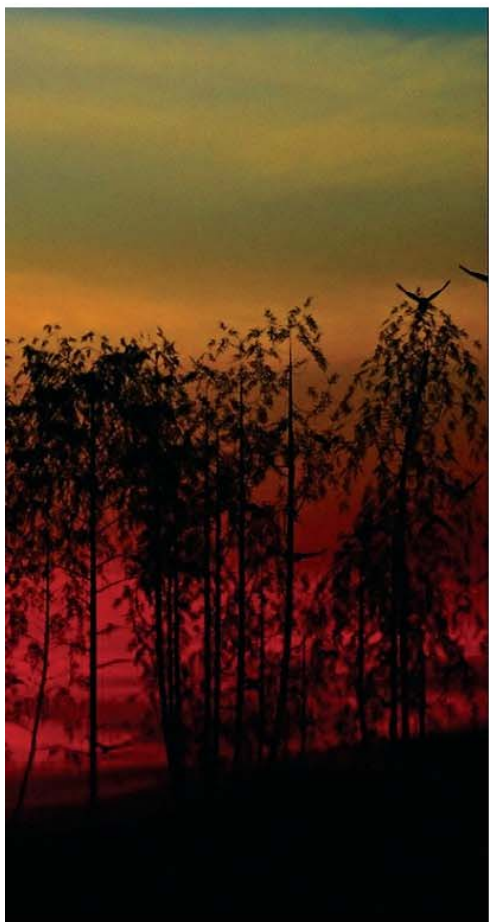
Chụp hình kỷ niệm 60 năm cuộc đời, đầy đủ gia đình, con cháu, dâu rể, vợ bạn mặc bộ áo lam ngồi giữa. Hỏi: Ai cũng mặc đồ tây, mặc đầm, mặc gì lạ vậy? Vợ bạn trả lời hiền queo: Chuẩn bị đi chùa, con đòi chụp hình chung, nên bạn vậy chụp luôn, có sao đâu!

Có chứ, có một gương mặt vợ bạn đẹp phúc hậu, thần thái thanh thoát, dù đã ở tuổi 60. Có lẽ do nếp sống đơn giản, thiện lành, lo cho chồng con, không bon chen nên nét đẹp từ tâm tỏa ra ngoài chăng?

TỪ THIỆN, NÉT ĐẸP TỪ TÂM

Bão lũ đang hoành hành ở miền Trung. Hình ảnh người chồng quỳ mọp than khóc cầu trời vì vợ mang thai bị mất tích trong lũ, cảnh đào bới khi đi tìm những người mất tích ở Thủy điện Rào Trăng 3 (Thừa Thiên - Huế), 22 người lính ở Quảng Trị... càng làm lòng người đau xót.

Với tinh thần “Máu chảy, ruột mềm” và “Một miếng khi đói, bằng một gói khi no”, nhiều nhóm từ thiện đã lên đường ra miền Trung. Nhiều đoàn đến từng nhà, trao quà tận tay để giúp người hoạn nạn. Nỗi đau



thương tang tóc của đồng bào vùng lũ đã vơi bớt khi có những tấm lòng vàng đến với họ.

Một người bạn đi từ thiện cho biết: Dù cơn bão đã đi qua, nhưng vẫn còn thấy dấu tích của nó. Nhiều nhà chưa lợp lại mái, cột điện ngã đổ, dây điện lỏng thòng dưới nước vẫn chưa được dựng dậy... Những biển quảng cáo lộ thiên trọi khung sắt, bị vụn xoáy như quần áo xoắn lại khi giặt. Nhiều nhà tóc mái đã đánh, bão cuộn cánh quạt trần lại vẹo queo...

Thật ám lòng khi thấy nhiều

Với tinh thần “Máu chảy, ruột mềm” và “Một miếng khi đói, bằng một gói khi no”, nhiều nhóm nhỏ từ thiện đã lên đường ra miền Trung. Nhiều đoàn đến từng nhà, trao quà tận tay để giúp người hoạn nạn. Nỗi đau thương tang tóc của đồng bào vùng lũ đã vơi bớt khi có những tấm lòng vàng đến với họ.

đoàn xe khắp nơi đến đây làm từ thiện. Có xã, xe chờ hàng từ thiện vào đã gặp 3, 4 đoàn đang phát quà. Nhiều đoàn đi theo sự vận động của các tổ chức từ thiện khác nhau. Bạn cùng công ty, nhóm tiểu thương ở chợ, bạn học chung trường đại học, Phật tử trong những ngôi chùa... Có quá nhiều gương mặt đẹp rạng ngời từ tâm, từ nhiều nơi nhưng đều đến một điểm chung là miền Trung ruột thịt đang oằn mình chống chọi cơn lũ dữ.

Đoàn chúng tôi giúp hơn 300 triệu đồng, cho 200 hộ, một ít quà cho hai trường học và một ngôi chùa. Số tiền 300 triệu

đồng nghe cũng khá khá với một nhóm người nhỏ, nhưng phát một hộ chỉ tròn tròn một triệu đồng, chẳng thấm đâu vào đâu. Thôi thì của ít lòng nhiều!

Đi làm từ thiện mà họ khực khặc, răng lại đau nhức, ăn uống chả muốn gì cũng chẳng thấy ngon, ngủ lại chẳng được. Đêm dài qua một cách kỳ lạ. Dầu biết, sinh, lão, bệnh, tử như lẽ thường nhưng sao vẫn chưa thoát được nỗi vẫn vương. Đi từ thiện đến với những cảnh đời khốn khó mới thấy nỗi khổ ăn ngủ, cái đau thân thể hằng ngày chẳng thấm vào đâu và tự nhiên cái đau, nỗi vẫn vương ấy lại biến mất!



PHẬT GIÁO

KHOA HỌC & TRIẾT LÝ

KHÁI QUÁT VỀ BIỂU TƯỢNG PHẬT GIÁO



Dấu bàn chân Phật
có biểu tượng pháp
luân (dharmachakra)
và tam bảo (triratna)
theo phong cách
Gandhara, thế kỷ I.

Lời Tòa soạn:
Ban biên tập xin trân
trọng trích đăng bài
tham luận của TT.TS
Thích Nhật Từ được
công bố tại Hội thảo
khoa học “Phát huy
tinh thần và biểu
tượng Phật giáo qua
sản phẩm làng nghề
truyền thống Việt
Nam”, tổ chức vào
ngày 10/11/2020 tại
Trung tâm giao lưu
văn hóa Phố Cổ (quận
Hoàn Kiếm, Thủ đô
Hà Nội)

TT. Thích Nhật Từ*



Biểu tượng Tam bảo trên tháp Sanchi. Tk 1 TTL.



Tam bảo trên tiền đồng Taxila, 185-168 TTL.



Tam bảo trên tháp Amaravati



Tam bảo trong Phật giáo Tây Tạng



1.2. Pháp luân

Biểu tượng Phật giáo (Buddhist symbolism) là phương pháp thể hiện nghệ thuật Phật giáo nhằm trình bày các phương diện triết lý Phật giáo bằng các biểu tượng. Bắt đầu từ thế kỷ thứ IV TCN, các biểu tượng Phật giáo chủ yếu là pháp luân, tam bảo, hoa sen, cây bồ đề, cái bát khất thực. Trong giai đoạn Phật giáo Đại thừa xuất hiện vào thế kỷ I TCN, các biểu tượng như chữ vạn (swastika), chày kim cương (vajra), tám cát tường (astamangala) và các biểu tượng khác lần lượt ra đời.

Đến thế kỷ thứ I, các biểu tượng nhân hình Phật giáo (Buddhist anthropomorphic symbolism) bắt đầu xuất hiện với phong cách nghệ thuật Mathura và nghệ thuật Gandhara, mang bản sắc nghệ thuật Phật giáo Ấn Độ - Hy Lạp (Indo Greco-Buddhist art).

Trong bài này, để góp phần gợi ý cho các nghệ nhân làng nghề truyền thống Việt Nam có dữ liệu tham khảo về loại hình của các biểu tượng Phật giáo, góp phần phát triển văn hóa biểu tượng của Phật giáo tại Việt Nam, tôi giới thiệu sơ lược một số biểu tượng Phật giáo phổ quát và các biểu tượng Phật giáo Đại thừa.

1. BIỂU TƯỢNG PHẬT GIÁO PHỔ QUÁT

1.1. Tam bảo (P. tri-ratna; S. ti-ratana ; C. 三寶)

Tam bảo là biểu tượng thiêng liêng, quan trọng nhất đối với cộng đồng Phật giáo gồm (i) Đức Phật, bậc trí tuệ và từ bi (ii) Chân lý Phật dạy (dharma) giải phóng khổ đau và (iii) Tăng đoàn (Sangha), tập thể chân sư hướng dẫn mọi người học Phật và tu Phật¹.

Biểu tượng Tam bảo thường được khắc họa qua các hình tượng: (i) Hoa sen trong vòng tròn, (ii) Chày kim cương (vajra), (iii) Bánh xe khánh hỷ (ananda-chakra), (iv) Chia ba (trisula) tượng trưng ba ngôi báu.

1.2. Pháp luân (S. Dharmachakra, P. Dhammacakka)

Về từ nguyên, pháp luân theo Phật giáo có nghĩa là “bánh xe pháp” (wheel of true law), còn gọi là “bánh xe chân lý” (wheel of truth). Khái niệm “pháp” (dharma) bắt nguồn từ gốc từ “dhr” (nắm giữ, duy trì), có nghĩa là “điều được thành lập” (what is established or firm) hay “luật lệ” (law). Ngài Buddhaghosa giải thích rằng “bánh xe” do Đức Phật lần được hiểu là trí tuệ hay tuệ giác (*ñāna*) gồm hai phần: Thứ nhất, trí tuệ tự chứng đắc (P. pativedha-ñāna) chân lý, thứ hai là trí tuệ tuyên thuyết chân lý (P. desanā-ñāna)².

Pháp luân là biểu tượng chỉ cho chân lý Đức Phật, hướng đến giác ngộ, giải thoát, giải phóng mọi khổ đau. Dựa vào kinh *Chuyển pháp luân* (Dhammacakkapavattana Sutta), đại đế Asoka mô phỏng bánh xe pháp gồm 24 căm.

Về sau này, pháp luân được khắc họa là bánh xe tám căm, tượng trưng “thánh đạo tám ngành” gồm (i) Tâm nhìn chân chánh, (ii) Tư duy chân chánh, (iii) Lời nói chân chánh, (iv) Hành động chân chánh, (v) Mưu sinh chân chánh, (vi) Nỗ lực chân chánh, (vii) Chánh niệm hiện tiền, (viii) Đại định nhất tâm.

1.3. Hoa sen (S. padma, C. 蓮花)

Trong Phật giáo, hoa sen tượng trưng cho sự thanh tịnh của thân thể, lời nói và tâm thức như cách hoa sen từ bùn nhơ, vươn lên khỏi mặt nước, tỏa hương sắc, đầy đủ gương, nhụy, cánh, hạt.

Trong *Kinh Tăng chi*³, Đức Phật sánh ví Ngài như hoa sen vươn lên từ bùn (paduma), trở thành bậc vô uế khỏi tham ái trong cõi đời: “Giá sử có cây bông súng hoặc hoa sen trắng, hoa sen hồng. Dù được đâm chồi và lớn lên từ nước, hoa sen vươn lên khỏi mặt nước, đứng trên mặt nước mà nước không dính vào. Cũng vậy, Như Lai đã vượt khỏi 10 trói buộc, sống vô chấp, được giải thoát, tâm của Ngài vượt khỏi mọi giới hạn”.

Với phẩm chất: “Từ bùn, sen mọc; từ nước, sen trỗi dậy; trong ánh sáng, sen nở hoa”, hoa sen, bệ sen và tòa sen trong Phật giáo đã trở thành biểu tượng về tiềm năng vươn thành hiện thực. Biểu tượng hoa sen khích lệ tinh thần vượt qua mặc cảm, tự ti để mọi chúng sanh phần đầu trở thành Phật tương lai, như câu chúc tụng: “Sen búp xin tặng người, một vị Phật tương lai”⁴.

1.4. Cây bồ đề (Bodhi tree)

Tên khoa học là “Ficus religiosa”, cây bồ đề vừa là biểu tượng Đức Phật, vừa là biểu tượng về sự giác ngộ tuyệt đối (ultimate enlightenment) của Đức Phật tại bồ đề Đạo tràng (Bodh Gaya), Bihar, Ấn Độ, vào ngày rằm tháng 4 năm 624 TCN. Về sau, lá bồ đề cũng trở thành biểu tượng giác ngộ của đạo Phật.

Trong lịch sử Phật giáo Ấn Độ, cây bồ đề Ananda (Ananda bodhi) tại chùa Kỳ Viên (Jetavana) ở Xá-vệ được xem là cây bồ đề chiết nhánh đầu tiên từ cây bồ đề gốc trong thời Đức Phật. Tín ngưỡng lễ bái, cúng nước, kinh hành xung quanh cây bồ đề có mặt từ thời Đức Phật cho đến thế kỷ XIII tại Ấn Độ và thịnh hành ở Tích Lan từ thế kỷ III TCN đến nay⁵.

1.5. Dấu bàn chân Phật (Buddhapada)

Dấu bàn chân Phật là biểu tượng Đức Phật trong Phật giáo nguyên thủy. Có hai hình thức dấu bàn chân Phật gồm dấu bàn chân Phật trên đá và dấu bàn chân Phật nhân tạo⁶. Dấu bàn chân Phật nhắc nhở cộng đồng Phật giáo về sự hăng hữ của Đức Phật trên cõi đời và con đường tỉnh thức của Ngài cần thực hiện để đạt giác ngộ, an vui. Dấu bàn chân Phật hiện có hơn 3.000 loại ở châu Á, trong đó, khoảng 300 ở Nhật Bản và 1.000 tại Tích Lan, với nhiều biến cách và chất liệu khác nhau⁷.

1.6. Lá cờ Phật giáo thế giới (World Buddhist flag)

Là biểu tượng toàn cầu của Phật giáo, lá cờ Phật giáo được thiết kế vào năm 1885 tại Colombo, Tích Lan. Ủy ban thiết kế gồm 10 nhân vật: Thượng tọa Hikkaduwe Sri Sumangala Thera (chủ tịch), Thượng tọa Migettuwatte Gunananda Thera, Don Carolis Hewavitharana (cha của Anagarika Dharmapala), Andiris Perera Dharmagunawardhana (cha vợ của Anagarika Dharmapala), Charles



1.3. Hoa sen



“Sen búp xin tặng người,
một vị Phật tương lai”



1.4. Cây bồ đề



1.5. Dấu bàn chân Phật

A. de Silva, Peter De Abrew, William De Abrew (cha của ông Peter), H. William Fernando, N. S. Fernando và Carolis Pujitha Gunawardena (thư ký)⁸. Lá cờ Phật giáo được công bố vào ngày 28/4/1885 nhân dịp đại lễ Vesak tại Dipaduttamarama, Kotahena.

Nhà báo Mỹ Colonel Henry Steel Olcott, Chủ tịch sáng lập Hội Thông thiên học (Theosophical Society), đề nghị điều chỉnh lá cờ nguyên thủy dài bằng với kích thước của cờ quốc gia, như chúng ta thấy hiện nay⁹. Năm 1889, lá cờ Phật giáo được Anagarika Dharmapala và Olcott dâng lên thiên hoàng Minh Trị (Meiji) và sau đó, dâng lên chính phủ Miến Điện¹⁰. Đến năm 1952, lá cờ Phật giáo được Hội liên hữu Phật giáo thế giới (*World Fellowship of Buddhists*) chính thức công bố là lá cờ Phật giáo quốc tế (*International Buddhist Flag*)¹¹.



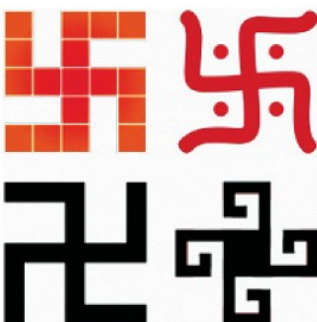
1.6. Lá cờ Phật giáo thế giới

Năm sắc màu của lá cờ Phật giáo mang tính biểu tượng bao gồm: (i) Màu xanh dương (P=S. *nīla*) tượng trưng “từ bi phổ quát” (*universal compassion*), (ii) Màu vàng (P=S. *pīta*) tượng trưng “trung đạo”, (iii) Màu đỏ (P=S. *lohita*) tượng trưng cho “phước của sự thực hành” (*blessings of practice*) gồm thành tựu (*achievement*), trí tuệ (*wisdom*), phẩm đức (*virtue*), may mắn (*fortune*) và thân phận (*dignity*), (iv) Màu trắng (P. *odāta*; S. *avadāta*) tượng trưng sự thanh tịnh của chánh pháp (*purity of dhamma*) dẫn đến giải thoát, (v) Màu cam (P. *mañjettha*; S. *mañjisthā*) tượng trưng “trí tuệ của giáo pháp Phật” (*wisdom of the Buddha’s teachings*)¹².

2. BIỂU TƯỢNG PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA

2.1. Chữ vạn (S. svástika, C. 萬字)

Tại các nước châu Á, chữ Vạn được sử dụng trang trí trên tường chùa, tranh vẽ, lá bùa và các sản phẩm mỹ thuật.



2.1. Chữ vạn

Chữ “svástika” (卐) trong Sanskrit có nghĩa là “mang lại phúc lợi” (conducive to well-being)¹³. Trong Ấn Độ giáo, chữ vạn tượng trưng “mặt trời” (surya), biểu tượng của thịnh vượng (prosperity)¹⁴. Chữ vạn ngược chiều kim đồng hồ được gọi trong Sanskrit là “sauvastika” (卐), thường được khắc ở giữa ngực Phật và lòng chân Phật trong Phật giáo Đại thừa.

Trong Phật giáo Đại thừa, chữ vạn là biểu tượng của thiêng liêng (divinity) và tâm linh (spirituality)¹⁵. Trong quá trình phát triển, chữ Vạn còn được dùng làm biểu tượng của cát tường (auspiciousness), may mắn (good fortune), thường hằng (eternity), sung túc (abundance), thịnh vượng (prosperity), số nhiều (plurality), phúc lợi (well-being) và trường thọ (long life).

2.2. Chày kim cương (S. vajra)

Trong Ấn Độ giáo, chày kim cương tượng trưng vũ khí không thể hủy diệt của thần Indra. Trong Mật tông Tây Tạng, chày kim cương đơn

(single vajra) và chày kim cương đôi (viśvavajra, double vajra) được khắc họa gắn liền với độ cứng của kim cương (hardness of diamonds), ánh sáng (lightning)¹⁶.

Chày kim cương là vật biểu tượng cho trí tuệ siêu việt không thể hủy diệt (*indestructibility of wisdom*)¹⁷. Về sau, trong Mật tông, chày kim cương khắc họa trong chuông tay, tượng trưng cho “tánh không” (*śūnyatā*). Với biểu tượng kim cương, Phật giáo Mật tông Tây Tạng còn được gọi là Kim cương thừa (Diamond Way).



2.2. Chày kim cương

2.3. Chuông và tiếng chuông

Trong các trường phái Phật giáo Đại thừa, chuông đồng và tiếng chuông tượng trưng “sự tỉnh thức”¹⁸, nhắc nhở mọi người trở về chánh niệm bây giờ và tại đây, không nhiễm đắm trần cảnh.

Theo chức năng sử dụng trong các khóa lễ Phật giáo mà có nhiều loại chuông với tên gọi khác nhau gồm linh, khánh, chuông gia trì (standing bell)¹⁹, đại hồng chung (temple bell, great bell). Linh, khánh (ritual bell) và chuông gia trì được sử dụng trong các khóa lễ và tán tụng²⁰. Đại hồng chung được gióng vào sớm khuya và chiều tối hoặc các lễ hội Phật giáo.



2.3. Chuông và tiếng chuông

2.4. Mắt Phật (eyes of the Buddha)

Con mắt Phật (eyes of Buddha) còn gọi là “mắt tuệ” (wisdom eye) thường được khắc họa sinh động tại tháp Swayambhunath và tháp Boudhanath tại Nepal. Theo Phật giáo Nepal, con mắt Phật tượng trưng cho trí tuệ siêu việt (nhất thiết trí) của Đức Phật, thấy rõ bản chất mọi sự vật như chúng đang là. “Đang khi” - điểm chấm giữa chân mây (urna) tượng trưng “sự tỉnh thức tâm linh” (spiritual awakening), còn được gọi là con mắt thứ ba của Phật (third eye of the Buddha)²¹. Lỗ mũi trong hình tượng này được khắc họa giống dấu hỏi, mà trong chữ Sanskrit và tiếng Nepal, chính là số 1²² tượng trưng cho sự hợp nhất (unity).



2.4. Mắt Phật

Mắt Phật được sử dụng nhằm đánh thức tiềm năng giác ngộ có sẵn trong mỗi người. Biểu tượng này chỉ ra rằng muốn giải phóng nỗi khổ, niềm đau, con người cần phát triển trí tuệ thông qua chân lý Phật dạy để đạt thể tính giác ngộ tuyệt đối.

2.5. Tám cát tường (S. astamangala, C. 八吉祥, T. Wyl. bkra shis rtags brgyad, E. eight auspicious symbols)

Đây là bộ tám biểu tượng may mắn trong Phật giáo Đại thừa, đặc biệt ở Phật giáo Tây Tạng, Nepal và Trung Quốc, còn gọi là “cát tường bát bảo” (吉祥八宝). Tám biểu tượng cát tường này được cộng đồng Phật giáo Đại thừa sử dụng trang trí trong điện Phật hoặc phòng khách của tư gia. Trong Phật giáo Tây Tạng, tám cát tường thường vẽ ở nền chùa hay vách tường nhằm chào đón và chúc phúc cho khách viếng chùa.

(i) Hoa sen (lotus flower) tượng trưng sự thanh tịnh (purity), xuất ly (renunciation) hay giác ngộ (enlightenment).



Hoa sen



- (ii) Nút vô tận (endless knot) còn gọi là Mandala tượng trưng sự hòa hợp vô tận của trí tuệ và từ bi (endless harmony of wisdom and compassion).
- (iii) Cặp cá vàng (golden fish) bắt nguồn từ hình thức hai sông thiêng Ganges và Yamuna của Ấn Độ, tượng trưng cho hạnh phúc (happiness) và tự do (freedom).
- (iv) Phướn chiến thắng (victory banner) tượng trưng sự chiến thắng của giáo pháp (victorious teachings) từ ý nghĩa “chiến thắng quân ma” (overcoming Mara).
- (v) Pháp luân (wheel of the dharma) tượng trưng chân lý (dharma) mà cốt lõi là trí tuệ (wisdom).
- (vi) Bình báu (treasure vase) tượng trưng báu vật và kho tàng vô tận (inexhaustible treasure and wealth).
- (vii) Bảo cái (parasol) tượng trưng sự bảo vệ (protection) và sự trung thành (royalty) với Đức Phật.
- (viii) Vỏ ốc xà cừ (conch shell) tượng trưng sự truyền bá chân lý của Đức Phật (spreading the teachings of the Buddha) khắp nơi không sợ hãi và vô ngại.

2.6. Bánh xe thời gian (S. Kalachakra)

Thời luân, còn gọi là “kim cương thời luân”, là biểu tượng về mười lực của Đức Phật. Ở phạm vi rộng hơn, thời luân còn biểu tượng cho mười phương Phật trong Phật giáo Đại thừa. Mười lực của Như Lai bao gồm²⁴:

1. Tri thị xứ phi xứ trí lực (C. 知是處非處智力, S. sthānāsthānājñāna, P. sthānāsthāna-ñāna): Biết rõ tính khả thi và tính bất khả thi trong mọi trường hợp;
2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực (C. 知三世業報智力, S. karmavipākajñāna, P. karmavipāka-ñāna): Biết rõ luật nhân quả, quả báo, tức là Nghiệp nào tạo quả nào;
3. Tri nhất thiết sở đạo trí lực (C. 知一切所道智力, S. sarvatragāminīpratipajñāna, P. sabbattha-gāminī-patipadāñāna): Biết rõ nguyên nhân nào dẫn đến con đường tái sinh nào;
4. Tri chủng chủng giới trí lực (C. 知種種界智力, S. anekadhātu-nānādhātujñāna, P. anekadhātu-nānādhātu-ñāna): Biết rõ các thể giới với những yếu tố thành lập của chúng;
5. Tri chủng chủng giải trí lực (C. 知種種解智力, S. nānādhimuktijñāna, P. nānādhimuttikatāñāna): Biết rõ cá tính của chúng sinh;
6. Tri nhất thiết chúng sinh tâm tính trí lực (C. 知一切眾生心性智力, S. indriyapārapara-jñāna, P. indriyaparopariyatta-ñāna): Biết rõ căn cơ học đạo cao thấp của mọi chúng sinh;
7. Tri chư thiên giải thoát tam-muội trí lực (C. 知諸禪解脫三昧智力, S. sarvadhyaṇa-vimoksa-...-jñāna, P. jhāna-vimokkha-...-ñāna): Biết tất cả các cách thiền định;
8. Tri túc mệnh vô lậu trí lực (C. 知宿命無漏智力, S. pūrvanivāsānasmṛti-jñāna, P. pubbenivāsānussati-ñāna): Biết rõ các tiền kiếp của chính mình;
9. Tri thiên nhãn vô ngại trí lực (C. 知天眼無礙智力, S. cyutyupapāḍajñāna, P. cutūpapāḍa-ñāna): Biết rõ sự tiêu hủy và tái xuất của chúng sinh;



2.6. Bánh xe thời gian

10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực (C. 知永斷習氣智力, S. *āsravaksayajñāna*, P. *āsavakkhaya-ñāna*): Biết các lậu hoặc (S. *āsrava*) sẽ chấm dứt như thế nào.

2.7. Các ấn tượng (S. Mudra)

Trong Phật giáo, đặc biệt là Phật giáo Đại thừa, các ấn tượng (S. *mudra*, hand gestures) là các tư thế tay được sử dụng làm biểu tượng triết lý Phật giáo trong nghệ thuật tượng hình. Bài viết sẽ giới thiệu năm ấn tượng quan trọng trong nghệ thuật hình tượng Phật giáo, gồm: ba ấn tượng ngồi và hai ấn tượng đứng phổ quát nhất trong Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền.

Ấn thiền định (S. dhyana mudra): được khắc họa trong tư thế thiền tọa, lòng bàn tay phải đặt trên lòng bàn tay trái, đặt ở vị trí đan điền. Ấn tượng này là biểu tượng của tu tập thiền định, làm chủ thân thể, cảm giác, tri giác, tâm tư, nhận thức, nhằm kết thúc toàn bộ phiền não, chuyển thức thành trí, trở thành bậc giác ngộ.

Ấn xúc địa (S. bhumisparsha mudra): được ghi nhận trong thời điểm Đức Phật giác ngộ tuyệt đối dưới cội bồ đề tại Bồ đề đạo tràng, Gaya, Bihar, Ấn Độ. Từ “*bhumisparsha*” trong tiếng Sanskrit có nghĩa là “tiếp xúc trái đất” (touching the earth). Do vậy, ấn xúc địa còn được gọi là “ấn mắt chứng kiến” (eye witness mudra). Ấn tượng này được khắc họa trong tư thế thiền tọa, năm ngón tay phải tiếp xúc đùi phải, lòng tay trái ngửa lên, đặt ngang đan điền.



Ấn chuyển pháp luân

Ấn chuyển pháp luân (S. dharmachakra mudra): được khắc họa trong tư thế thiền tọa, hai tay đặt trước ngực, ngón cái và ngón trỏ tạo thành vòng tròn, ba ngón còn lại song song hơi cong, hướng lên trên. Ấn tượng này tượng trưng “bốn chân lý thánh” và sự lăn chuyển bánh xe chân lý của Đức Phật trong đời, nhằm khép lại khổ đau, mang lại an vui và hạnh phúc cho con người.

Ấn vô úy (S. abhaya mudra): được khắc họa trong tư thế đứng, bàn tay trái ngửa ra trước, duỗi xuống đùi trái, trong khi, bàn tay phải ngửa lên trên, ngang với vị trí lỗ mũi. Trong Sanskrit, chữ “*abhaya*” có nghĩa là không sợ hãi (fearlessness). Ấn tượng vô úy tượng trưng cho niềm vui do thoát khỏi mọi lo lắng, căng thẳng, sợ hãi, bất an như kết quả của sự thực hành của bốn chân lý thánh.



Ấn vô úy

Ấn hòa bình (peace gesture): được khắc họa trong tư thế đứng, hai tay duỗi ra trước ngực, lòng bàn tay ngửa lên, tạo thành góc 90° với hai cánh tay. Ấn hòa bình này tượng trưng sự hòa bình nội tại (inner

peace) và hòa bình ngoại tại (*external peace*). Mặt trước của tháp Đại giác ngộ tại Bồ đề đạo tràng có tượng Phật đứng với ấn tướng hòa bình. Tại Thái Lan và một số nước Nam truyền, ấn tướng này rất phổ biến.

* * *

Ở Phật giáo Đại thừa, đặc biệt là Đại thừa Mật tông, các biểu tượng Phật giáo rất đa dạng, phong phú, bao gồm vài chục ấn tướng tay. Ngoài ra, Phật giáo Đại thừa còn có các biểu tượng về màu sắc và các pháp khí, Phật cụ khác.

Bài viết này cung cấp một số thông tin hữu ích, nhằm gợi ý và khích lệ nghệ nhân các làng nghề truyền thống Việt Nam hãy đầu tư vào việc sáng tác các biểu tượng nghệ thuật Phật giáo cho sản phẩm văn hóa Việt Nam, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc và văn hóa Phật giáo trong các sản phẩm nghệ thuật Việt Nam.

* Thượng tọa Thích Nhật Từ: Ủy viên HĐTS Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Phó Viện trưởng thường trực Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM - Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam.

Chú thích:

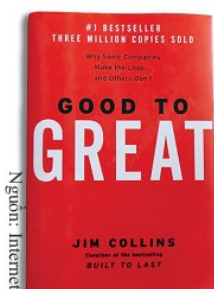
1. Thanissaro, Refuge: An Introduction to the Buddha, Dhamma, & Sangha. Third edition, revised, 2001.
2. T.B. Karunaratne (1969), The Buddhist Wheel Symbol, The Wheel Publication No. 137/138, Buddhist Publication Society, Kandy, Sri Lanka.
3. Thích Nhật Từ dịch từ bài kinh “Bāhuna suttam” trong AN 10.81 và so sánh với kinh “Dona suttam” trong AN 4.36, dựa vào bản tiếng Anh của Bhikkhu Sujato: “Suppose there was a blue water lily, or a pink or white lotus. Though it sprouted and grew in the water, it would rise up above the water and stand with no water clinging to it. In the same way, the Realized One has escaped from ten things, so that he lives unattached, liberated, his mind free of limits”.
4. Thơ của Thiền sư Thích Nhất Hạnh: <https://langmai.org/thien-duong/sen-bup-tung-canh-he/>.
5. Archaeological Survey of India, Volume 1, Four Reports Made During the Years 1862-63-64-66. Về nguồn gốc cây bồ đề, tham chiếu, Gopal, Madan (1990). K.S. Gautam (ed.). India through the ages. Publication Division, Ministry of Information and Broadcasting, Government of India. p.176.
6. Tham chiếu: Cicuzza, Claudio, A Mirror Reflecting the Entire World. The Pāli Buddhapādamangala or “Auspicious signs on the Buddha’s feet”. Critical edition with English Translation, Materials for the Study of the Tripitaka, vol. VI, Lumbini International Research Institute, Bangkok and Lumbini 2011, p.xxi; Nandana Chutiwongs, “The Buddha’s Footprints”, Ancient Ceylon 10 (1990), p.60, và Strong, John S. (2004). Relics of the Buddha (Buddhisms: A Princeton University Press Series). Princeton University Press.
7. Người có công công bố là Motoji Niwa (丹羽基二, Niwa Motoji). Tham chiếu: “Footprints of the Buddha”. Buddha Dharma Education Association Inc. 2008. Retrieved 2008-05-11.
8. The Maha Bodhi, Volumes 98-99; Volumes 1891-1991. Maha Bodhi
9. “The Origin and Meaning of the Buddhist Flag”. The Buddhist Council of Queensland. Retrieved 2 April 2015.
10. “Buddhist flag marks 125th anniversary”. Sunday Observer. 16 March 2010. Retrieved 8 November 2018.
11. Wilkinson, Phillip (2003). DK Eyewitness Books: Buddhism. Penguin P11.
12. “The Buddhist Flag”. Buddhnet. Retrieved 2 April 2015.
13. Liungman, Carl G., Symbols: Encyclopedia of Western Signs and Ideograms, HME Publishing (2004).
14. “The Swastika or WAN Symbol in Asian Art - The Heart of Buddha”. Buddhas-online.com. Retrieved 2013-11-22.
15. Tham chiếu: “swastika” (symbol) trong Encyclopædia Britannica. Britannica.com. 1935-09-15. Retrieved 2013-11-22.
16. Tham chiếu: Douglas Q. Adams (1997). Encyclopedia of Indo-European Culture. Routledge. p.112
17. Tham chiếu: Beer, Robert (1999). The Encyclopedia of Tibetan Symbols and Motifs, Shambhala, Boston, và quyền Vessantara (2001). The vajra and bell, Birmingham.
18. Tham chiếu, “The Meaning of Burning Incense and Ringing Bells in Buddhism”. Retrieved 2018-10-11.
19. Tham chiếu chung loại chuông Phật giáo và Ấn Độ giáo, hãy đọc: Kunst, Jaap (1968). Hindu-Javanese Musical Instruments (2nd ed.). The Hague: Martinus Nijhoff. pp.50-53; và Aarts, Ronald M; Ouweltjes, Okke; Bulut, Murtaza (1 January 2014). “An Electro-Acoustic Implementation of Tibetan Bowls: Acoustics and Perception”. Noise & Vibration Worldwide. 45 (1): 12-23.
20. Tham chiếu sách, Price, Percival (1983). “Introduction”. Bells & Man. Oxford University Press.
21. Tham chiếu <https://www.burmese-art.com/blog/omnipotent-of-buddha-eyes>
22. Tham chiếu <http://www.religionfacts.com/buddha-eyes>.
23. Xem chi tiết trong mục “astamangala” trong sách: (i) Beer, Robert (1999). The Encyclopedia of Tibetan Symbols and Motifs, (Hardcover). Shambhala Publications, và (ii) Beer, Robert (2003). The Handbook of Tibetan Buddhist Symbols, Shambhala Publications.
24. Trích dẫn từ <https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%ADp>.



Tác phẩm

TỪ TỐT ĐẾN VĨ ĐẠI

và tinh hoa “Lãnh đạo cấp độ 5”



Tạ Hoàng Giang*

Từ tốt đến vĩ đại (nguyên tác: *From Good to Great*) của Jim Collins là cuốn sách quản trị kinh doanh kinh điển, nằm trong số 20 tác phẩm có ảnh hưởng nhất thế giới về quản trị trong vòng 20 năm qua, theo bình chọn của Forbes.

Jim Collins là nhà văn, giảng viên và cố vấn người Mỹ. Ông từng giảng dạy tại khoa Kinh doanh thuộc Đại học Stanford, đồng thời là cộng tác viên thường xuyên của tạp chí Fortune, Business Week và Harvard Business Review. Trong công trình này, ông và các cộng sự đã đưa ra mô hình để chuyển một công ty chỉ ở mức bình thường, hay ở mức tốt thành một công ty vĩ đại. Bằng cách áp dụng các nguyên tắc kỷ luật về con người, văn hóa và hành động, một công ty có thể xây dựng và tạo sự đột phá, phá vỡ những rào cản ngăn



họ tiến đến sự vĩ đại.

NHÀ LÃNH ĐẠO KHIÊM CUNG VÀ KIÊN ĐỊNH LÀM NÊN SỰ VĨ ĐẠI

Tác giả Jim Collins và các cộng sự của ông đã thực hiện việc nghiên cứu trong nhiều năm liền giữa những công ty vĩ đại và những công ty đối trọng để tìm ra những yếu tố đó. Ông mở đầu cuốn sách bằng câu nói đầy tính thách thức: “Tốt là kẻ thù của vĩ đại. Và đó là một trong những lý do chính giải thích vì sao có rất ít điều vĩ đại. Chúng ta không có những trường học vĩ đại chính vì chúng ta đã có trường học tốt. Rất ít người sống một cuộc đời vĩ đại, vì người ta chấp nhận một cuộc sống tốt. Đa số các công ty không bao giờ trở thành vĩ đại chính là vì đa số đã trở nên khá tốt. Và đây chính là một vấn đề lớn của các công ty”.

Cuốn sách viết về kết quả nghiên cứu giữa 11 công ty đạt được mốc gọi là vĩ đại trong tổng số 1.435 doanh nghiệp xuất hiện trong danh sách Fortune 500 từ năm 1965-1995. Đội ngũ nghiên cứu đã phải khảo sát vô cùng tỉ mỉ về các yếu tố xảy ra trong các công ty từ quản

trị nhân lực, doanh thu, hiệu suất ngành, báo cáo tài chính,... để khái quát các loại dữ liệu và cho ra đời cuốn sách tuyệt vời này.

Kết luận của nhóm nghiên cứu của Collins đưa ra có lẽ đã gây ngạc nhiên cho chính họ cũng như nhiều người khác: Kết quả của sự vĩ đại không liên quan đến việc tuyển chọn các ứng viên, các giám đốc lừng danh!

Trong số các công ty đạt mức vĩ đại, tuyệt đại đa số giám đốc điều hành của họ xuất thân từ đội ngũ nhân viên bình thường. Họ thăng tiến trong thứ bậc của công ty, vốn không hề khác biệt gì so với các công ty khác trên thương trường.

Thực chất, các công ty đang thực hiện cuộc hành trình từ tốt đến vĩ đại thường dành ít sự quan tâm đối với sự thay đổi trong quản lý hay sự động viên khuyến khích nhân viên. Tại các công ty đạt mức vĩ đại, hiếm khi tồn tại những chức vụ trông có vẻ “to tát”, tính mệnh lệnh hành chính khá yếu. Công ty cũng không tổ

Tốt là kẻ thù của vĩ đại. Và đó là một trong những lý do chính giải thích vì sao có rất ít điều vĩ đại. Chúng ta không có những trường học vĩ đại chính vì chúng ta đã có trường học tốt. Rất ít người sống một cuộc đời vĩ đại, vì người ta chấp nhận một cuộc sống tốt....



Nguồn: Getty Images_iStockphoto

chức mừng kỷ niệm ngày thành lập và không lập kế hoạch tái tổ chức cơ cấu. Những vị quản lý hàng đầu các công ty này không đi nghỉ mát ở những resort nổi tiếng xa hoa mà thường thư giãn ở những ngôi nhà nghỉ ngoại ô khiêm tốn. Họ ít ngồi ở văn phòng đầy đủ tiện nghi mà thích được xuống công xưởng với công nhân trong tiếng máy, tiếng động cơ ồn ào với mùi dầu mỡ.

Tác giả Jim Collins cũng chỉ ra rằng, nguyên nhân thành công của các công ty vĩ đại thường là những điều mà mọi người ít để ý đến ngay từ ban đầu.

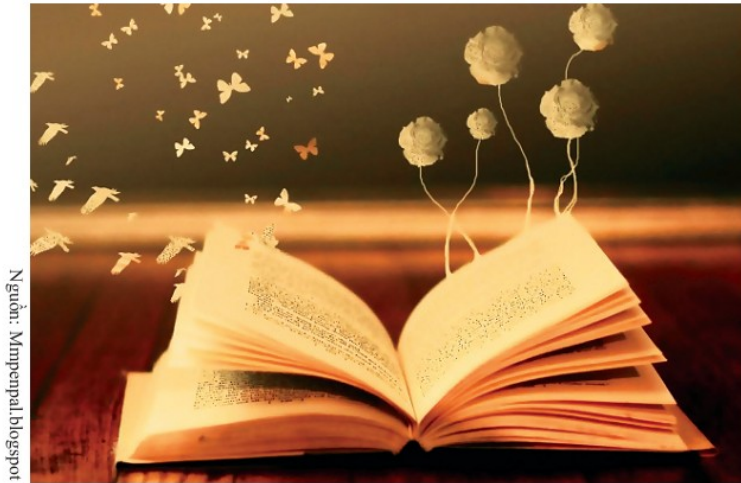
Khác với các lãnh đạo của những công ty chỉ đạt mức tốt, nhà lãnh đạo tạo ra các công ty vĩ đại thường là những người khiêm tốn. Họ có chung một tố chất là điềm đạm và trong con người họ có sự tổng hòa giữa tính khiêm tốn và ý chí kiên định. Họ bắt tay vào việc không phải bằng thành tích cá nhân mà bằng mục tiêu chung cho doanh nghiệp: tạo dựng một công ty vĩ đại.

NHÀ LÃNH ĐẠO CẤP ĐỘ 5 VƯỢT QUA NHỮNG GIỚI HẠN THÔNG THƯỜNG

Collins xếp những người lãnh đạo vĩ đại này ở cấp độ 5.

Tác giả sử dụng một hình tháp năm cấp bậc thể hiện năng lực điều hành, trong đó cấp độ 5 là cao nhất. Những nhà lãnh đạo cấp độ 5 đạt được sự kết hợp đầy nghịch lý giữa sự khiêm tốn cá nhân và nghị lực làm việc. Họ là những người tham vọng - dĩ nhiên, nhưng tham vọng trước hết là vì công ty, chứ không phải vì bản thân.

Ví dụ như: Darwin Smitt - Giám đốc hãng Kimberly-Clark. Các tác giả mô tả ông là người đàn ông có tính cách khá mềm. Tuy nhiên, ông đã trụ vững ở vị trí này suốt 20 năm và kiến tạo nhiều thay đổi ngoạn mục, biến Kimberly-Clark thành tên tuổi hàng đầu thế giới về sản xuất hàng tiêu dùng, vượt qua cả Procter & Gamble về chủng loại sản phẩm. Smitt thích đứng cạnh các nhân viên thợ sửa chữa, thợ điện của mình và cùng họ trao đổi công việc, trao đổi quan điểm,



Nguồn: Mmpenpal.blogspot

đôi khi còn bắt tay cùng làm việc với họ. Tuy nhiên, sự khiêm tốn của ông luôn đi kèm với chí hướng vạch sẵn và sự cương quyết.

Một lần, ông bị đứt lia ngón tay tại nơi làm việc. Sáng hôm sau, ông vẫn có mặt đúng giờ tại văn phòng mình. Sau khi nhậm chức Giám đốc công ty, Smitt đã phải tiếp nhận một quyết định mang tính sống còn trong lịch sử Kimberly-Clark: bán lại nhà máy liên hợp sản xuất giấy đang trong tình trạng lay lắt. Số tiền thu được từ thương vụ, ông đầu tư vào các nhãn hàng đang có tiềm năng lúc bấy giờ là Huggies và Kleenex và gặt hái thành công to lớn.

Với những nhà lãnh đạo cấp độ 5, nhu cầu cá nhân đã không còn là vấn đề quá quan trọng nữa. Những giá trị tập thể, doanh nghiệp hay xã hội mới là điều đáng đặt lên hàng đầu. Họ không coi đối thủ là kẻ thù. Họ đến với nhau như những người bạn, cạnh tranh cùng phát triển, để ngành sản xuất ngày càng vững mạnh, để khách hàng có nhiều lựa chọn

hơn và tạo nên những giá trị lớn cho cộng đồng.

Bên cạnh yếu tố lãnh đạo cấp độ 5, còn 4 yếu tố khác ảnh hưởng đến sự chuyên hóa một công ty từ tốt trở nên vĩ đại: con người đi trước công việc theo sau, kỷ luật, sự thật phũ phàng và bản đạp công nghệ.

Collins và cộng sự nhận thấy những nhà lãnh đạo các công ty đạt mức vĩ đại thường tìm đúng người để mời lên “chuyến xe khởi nghiệp” (và mời những người không phù hợp xuống xe), sau đó họ mới suy nghĩ sẽ lái chiếc xe về đâu. Thế nhưng các công ty vĩ đại không buông lỏng kỷ luật, để cho nhân sự ra vào liên tục không kiểm soát. Những doanh nghiệp này đều có nền kỷ luật “khắt khe”, nghĩa là mọi người đều biết và tuân theo những tiêu chuẩn công ty. Nếu không thể tuân theo, họ sẽ rời công ty theo một quy trình nào đó.

Bên cạnh đó, ban lãnh đạo công ty và toàn thể nhân viên đều

xứng đáng và có quyền được biết những sự thật “phũ phàng” về tình hình kinh doanh, vị thế công ty, cũng như những chính sách cứng rắn, mềm dẻo để đồng tâm hiệp lực tiến về mục tiêu chung. Trong quá trình biến đổi từ tốt đến vĩ đại, các công ty còn phải tận dụng lợi thế công nghệ để gia tăng hiệu suất làm việc, tiết kiệm chi phí và bắt kịp tiến bộ thời đại. Đó đều là những yếu tố không thể bỏ qua và rất có ích cho doanh nghiệp tham khảo.

Quá trình chuyển đổi từ tốt đến vĩ đại là một hành trình gian khổ nhưng đầy thú vị. Nó giống như việc chúng ta cầm lái một con tàu nặng nề. Ban đầu, con tàu ì ạch chuyển động, nhưng rồi cũng đến lúc con tàu rẽ sóng đi băng băng. Đây là khi những nỗ lực, cố gắng của cá nhân và tập thể đã mang lại kết quả tốt đẹp, là lúc một doanh nghiệp từ tốt đang vươn mình thành vĩ đại.

* TS Tạ Hoàng Giang (Trưởng khoa Du lịch - ĐH Phan Thiết).

TỊNH XÁ NGỌC TÂM, TP. Rạch Giá, Kiên Giang

Cách trung tâm TP. Rạch Giá không xa, tịnh xá Ngọc Tâm tọa lạc tại 234/12 đường Trần Khánh Dư, phường An Hòa. tịnh xá được thành lập vào năm 1975 do gia đình Phật tử Thiện Huệ - Ngô Văn Sến phát tâm cúng dường 7.500m² đất cho Sư cô Đăng Liên để làm nơi tu tịnh. Được một thời gian Sư cô trở về giáo đoàn giao tịnh xá lại cho Sư cô Nghĩa Liên. Sau đó có nhân duyên đi nước ngoài hoằng pháp, Sư cô Nghĩa Liên chuyển giao tịnh xá Ngọc Tâm lại cho Ni sư Nhu Liên làm trụ trì cho đến ngày nay.

Tịnh xá Ngọc Tâm thuộc hệ phái Khất sĩ với không gian thoáng rộng, phong cảnh hữu tình, Ni sư trụ trì nhiều lần cho trùng tu xây dựng tạo mỹ quan cho ngôi tịnh xá. Từ ngoài nhìn vào, công tam quan với lối kiến trúc hiện đại trang nghiêm hùng vĩ, dẫn vào bên trong là sân tịnh xá với nhiều cây xanh hoa kiểng tạo nên nét đẹp chốn cửa thiền. Ngôi Tam bảo được thiết kế trên một hồ nước rộng, sàn gỗ, mái lợp ngói mang nét cổ xưa, nhiều công trình xây dựng mang tính nghệ thuật cao như: nhà Tổ, giảng đường, Ni xá, nhà khách trên hồ Sen... Xung quanh bờ hồ là những bàn thạch hình vuông, mặt ngoài ốp gạch, dùng để chư Ni ngồi thiền, tu tịnh mỗi tối.

Ngoài những lễ trọng trong năm, tịnh xá Ngọc Tâm tổ chức thành công những Khoá An cư Kiết hạ, Khóa Kiết Đông Thất Nhật Giáo Giới dành cho chư Ni, được đặt dưới sự điều hành của BTS GHPGVN tỉnh Kiên Giang. Sự kết hợp hài hòa giữa hai truyền thống Phật giáo (hệ phái Khất sĩ và Phật giáo Bắc tông) trong cùng một môi trường tu tập đã tạo niềm tin, sự lan tỏa cho hàng Phật tử về nương tựa hộ trì. Nhiều khóa tu của chư Ni hệ phái cũng được tổ chức vào ngày 18 đến 25/01, ngày 5 đến 12/11 hằng năm.

Tịnh xá Ngọc Tâm dưới sự trụ trì của Ni sư Thích Nữ Nhu Liên ngày càng phát triển, thu hút Phật tử, khánh thập phương về chùa viếng cảnh, lễ bái ngày càng đông. Ni sư hiện là Ủy viên kiêm Thủ quỹ Ban Trị sự GHPGVN tỉnh, Phó Phân ban Ni giới BTS GHPGVN tỉnh Kiên Giang.
Thích Tuệ Tánh



Tịnh xá Ngọc Tâm, Số 234/12 đường Trần Khánh Dư, phường An Hòa, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Trụ trì Ni sư Thích Nữ Nhu Liên ĐT: 0779895465



GIÁ TRỊ NỘI DUNG TÁC PHẨM **THIỆN TÔNG BẢN HẠNH** của Thiền sư Chân Nguyên



Thích Nữ Phước Bảo*

Ra đời vào thời Trần, chữ Nôm được các Thiền sư sử dụng trong thơ ca với nhiều thể loại khác nhau. Sự xuất hiện và phát triển của chữ Nôm đã tạo nét độc đáo trong văn học và ngôn ngữ Đại Việt. Nếu như các tác phẩm nổi danh hiếm hoi còn lưu lại từ đời nhà Trần như: *Cư Trần Lạc Đạo Phú*, *Đắc Thủ Lâm Tuyền Thành Đạo Ca*, *Giáo tử phú* và *Vịnh Vân Yên Tử Phú* đã đưa chữ Nôm vào đời sống văn học thì Thiền sư Chân Nguyên với tác phẩm *Thiện Tông Bản Hạnh* đã tạo tiếng vang lớn, có vai trò quan trọng trong sự phục hưng tinh thần thiền phái Trúc Lâm sau hơn ba thế kỉ tạm lắng ở nước ta. Ngoài ra, giới

Thiền Tông Bản Hạnh là tác phẩm Quốc âm xưa nhất, là một trong những cột mốc đánh dấu sự phát triển của văn học chữ Nôm những năm cuối thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XVIII.



Nguồn: Bigthink.com

ngiên cứu ngày nay đánh giá *Thiền Tông Bản Hạnh* là tác phẩm Quốc âm xưa nhất, là một trong những cột mốc đánh dấu sự phát triển của văn học chữ Nôm những năm cuối thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XVIII.

SƠ LƯỢC VỀ THÂN THỂ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Thiền sư Chân Nguyên (1647-1726) - pháp danh Tuệ Đăng - đã có nhiều hoạt động nổi bật ở những năm cuối thế kỉ XVII và đầu thế kỉ XVIII. Ngài phát nguyện xuất gia học đạo lúc 16 tuổi. Trải qua quá trình tầm sư học đạo, Ngài đắc pháp với Thiền sư Minh Lương và được

ban pháp hiệu Chân Nguyên. Trong suốt quá trình hoằng đạo, Thiền sư đã cảm hóa rất nhiều người thuộc nhiều tầng lớp xã hội, từ vua chúa, hoàng thân quốc thích, quan lại đến nông dân.

Vua Lê Hy Tông phong Thiền sư làm Vô Thượng Công. Với uy tín và sức ảnh hưởng lớn lao cùng đạo hạnh cao thâm, Ngài tiếp tục được vua Lê Dụ Tông phong làm Tăng thống, ban pháp hiệu Chánh Giác Hòa Thượng vào năm 1722. Thiền sư Chân Nguyên còn được truyền thừa y bát Trúc Lâm, trở thành trụ trì hai ngôi chùa lớn nhất của thiền phái Trúc Lâm là Long Động và Quỳnh Lâm. Năm 80 tuổi, Thiền sư viên tịch vào sáng ngày 28/10/1726, đại chúng hóa thiêu thu xá lợi về thờ ở hai ngôi chùa trên.

Bên cạnh việc độ chúng, giáo hóa quần sanh phục vụ cho hạnh nguyện hoằng pháp lợi sanh, Thiền sư Chân Nguyên còn trước tác nhiều tác phẩm. Đó là đóng góp to lớn giúp trùng hưng Phật giáo Đại Việt cuối thế kỉ XVII - đầu thế kỉ XVIII. Mỗi tác phẩm ra đời đã phản ánh đặc điểm, bối cảnh tư tưởng xã hội đương thời, như giáo sư Hà Văn Tấn khẳng định: "*Chính tất cả những đặc điểm của lịch sử Việt Nam đó quy định những đặc điểm tư duy-tư*

“Bốn phương khói tắt lửa lang
Phong điều vũ thuận dân Khang thái bình
Được mùa hải yến hà thanh
Gia gia ngưỡng chúc thánh minh cửu trường”.



Nguồn: Pixabay.com



tướng Việt Nam” [4, tr.48].

Kể từ thế kỉ XVII, Phật giáo bắt đầu chấn hưng trở lại, các thiền phái Lâm Tế, Tào Động lần lượt truyền vào Việt Nam. Vì hiểu rõ thiền phái Trúc Lâm là kết tinh tinh hoa trí tuệ Phật giáo Đại Việt, Thiền sư Chân Nguyên đã có chí nguyện phục hưng thiền phái Trúc Lâm. Ngài trước tác, sưu tầm, hiệu đính, lưu hành các kinh điển, tác phẩm trước đó. Năm 1704-1705, đời vua Lê Hy Tông, Ngài đã biên soạn *Thiền Tông Bản Hạnh*, tạo nên làn sóng phục hưng tinh thần thiền phái Trúc Lâm sau thời gian dài gần như bị quên lãng. *Thiền Tông Bản Hạnh* là tác phẩm văn học Phật giáo sáng tác theo lối diễn ca lịch sử bằng thể thơ lục bát. Tác phẩm bàn luận sâu sắc nhiều vấn đề tôn giáo, triết học, lịch sử và văn học với 760 câu thơ, gồm năm câu ngữ lục với bốn bài kệ bằng chữ Hán trình bày lịch sử, công hạnh, hành trạng của các vị vua nhà Trần ở núi Yên Tử. Ngoài ra, Thiền sư Chân Nguyên còn thể hiện quan điểm cá nhân về cốt lõi và phương pháp tu tập Thiền.

Thiền Tông Bản Hạnh là tác phẩm văn học chữ Nôm, tác giả đưa ra quan điểm cá nhân về thiền phái Trúc Lâm cùng cốt yếu của Thiền tông ở phần đầu và cuối

tác phẩm. Với vốn ngôn ngữ phong phú, Thiền sư Chân Nguyên đã mang đến cho người đọc cái nhìn sâu sắc về sự tu tập, đặc đạo của các vị vua oanh liệt nhà Trần và thể hiện rõ một số quan điểm nổi bật trong tư tưởng Thiền sư Chân Nguyên về cốt lõi Thiền tông.

GIÁ TRỊ NỘI DUNG TÁC PHẨM

Bối cảnh chiến tranh Đàng Trong - Đàng Ngoài tạm lắng, nền chính trị và đời sống nhân dân tương đối ổn định được phản ánh trong tác phẩm *Thiền Tông Bản Hạnh*, minh chứng qua câu thơ:

“Bốn phương khói tắt lửa lang
Phong điều vũ thuận dân Khang thái bình
Được mùa hải yến hà thanh
Gia gia ngưỡng chúc thánh minh cửu trường”.

Tác phẩm đã góp công phục hưng tinh thần Thiền phái Trúc Lâm, khi kể lại công hạnh và hành trạng các vị vua nhà Trần, giúp mọi người hiểu hơn về một thiền phái của dân tộc sau ba thế kỷ tạm lắng.

Ngoài ra, với mong muốn “ôn cố tri tân”, *Thiền Tông Bản Hạnh* còn cho người đọc cái nhìn sâu



Nguồn: Infoplease.com

Đạo Tín, Hoàng Nhấn, lục Thiền Huệ Năng”.

Tác phẩm còn chứa nhiều tư tưởng Thiền học của Thiền sư Chân Nguyên vốn mang dấu ấn đặc trưng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, đặc biệt ở đoạn đầu và cuối tác phẩm. Ví như Thiền sư viết về quan điểm Phật tại Tâm:

*“Trần trần sát sát Như Lai,
Chúng sinh mỗi người mỗi có hoa sen”.*

Với thủ pháp nghệ thuật ẩn dụ, hoa sen chỉ cho Phật tính. Theo Thiền sư, Phật tính luôn hiện hữu trong mỗi người, hiển hiện ngay trong cuộc đời. Phật tính luôn luôn bình đẳng, không hề phân biệt, vì *“Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tính”*. Thế nên, Thiền sư mới viết:

*“Ai khôn chớ chạy Đông Tây
Bôn trì Nam Bắc luống công mê hồn”.*

Phật không ở phương Tây hay một cõi nào khác mà ngay trong hiện tại. Chính vì Phật tại Tâm, tư tưởng của Ngài đề cao giác tri tự tính, tự tính này vốn có sẵn, nên Ngài nói:

*“Chân như tính vốn thiên nhiên
Vô tạo vô tác căn nguyên của nhà”.*

sắc, dễ hiểu về thời Trần nổi bật là hai vị vua anh hùng Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông với các chiến công hiển hách, lưu danh sử sách. Thế hệ ấy đã lập nên hào khí Đông A bất diệt, chói ngời trang sử Việt, như nhà sử học Nguyễn Khắc Thuần viết: *“nhà Trần là một trong những cường quốc Đông Nam Á gắn liền với ba cuộc kháng chiến Mông Nguyên”* [6, tr.130].

Tác phẩm đã khái quát lịch sử Thiền tông từ khởi nguyên Phật tại thế đến các Tổ Trung Hoa và sự nối tiếp truyền đăng ngọn đèn Thiền của chư Tổ Việt Nam - dòng Thiền tiếp thu tinh hoa của Ấn Độ, Trung Hoa với nhiều tư tưởng đặc sắc. Lịch sử ấy được Thiền sư Chân Nguyên diễn bày:

*“Tây Thiên Thích Ca là thầy,
Truyền cho Ca Diếp cùng thầy A Nan
Tính được nhị thập bát viên,
Hai mươi tám Tổ Tây Thiên thừa này”.*

Hay:

*“Một cây nỏ được năm chi,
Khai hoa kết quả đều thì chứng nên
Huệ Khả, Tăng Xán tục liên,*

Chân như là tự nhiên nhưng vì vô minh che mờ mà nhận giả làm chân, chạy theo tham dục, tà kiến, tìm cầu những nơi xa xôi, như Đức Phật từng dạy: *“Sắc, này các Tỷ-kheo, đang bốc cháy; thọ đang bốc cháy; tưởng đang bốc cháy; hành đang bốc cháy; thức đang bốc cháy!”* [1, tr.132]. Ấy vậy, con người sẵn sàng làm mọi việc để thỏa mãn dục vọng, tham ái và sân si đầy rẫy. Con người làm thế vì vô minh che lấp, không thấy rõ chân tướng cuộc đời là huyền hoặc, giả tạm, vì *“Phàm sở hữu tướng do như thị vọng”* mà chạy theo. Thiền sư nói rõ:

*“Khuyến người học đạo trí khôn
Giác tri tự tính chớ còn tìm đâu”.*

Chúng ta thấy rõ, quan điểm cầu đạo giác ngộ của Ngài không phải ở việc trực nhận cảnh giới cao siêu mà phụ thuộc vào trực kiến tự tính của tự thân như vua Trần Thái Tông từng nói: *“Phù học đạo chi nhân, duy cầu kiến tính”* (Phàm người học đạo, chỉ cần thấy tính) [8, tr.87]. Điều đó cũng phù hợp với ý “phân kỹ tự thân” mà Đức Phật luôn sách tấn đệ tử hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi, tự mình làm hải đảo chính mình. Một khi ngộ ra lý ấy, nhận chân

được hư ảo thì không còn vướng mắc hay bị tham dục sai khiến, việc học đạo mới mau tiến bộ. Ngược lại hiểu lầm cái giả cho là thật, cái huyền nhận là chân hoặc bám víu tham ái ở đời thì cuộc đời tu hành cũng không khác gì nấu cát thành cơm, gãi ngứa trên giày.

Khi giác tri tự tính, bản thể Chân Như tự nhiên hiển bày, khi ngộ được cái vô sở đắc, cái bất nhị pháp môn, con người không còn bị phụ thuộc vào điều gì mà tự tại như như. Cái tự tại, an nhiên vốn sẵn có, tự nhiên, không hình tướng, không bám víu, không nằm ở văn tự, không ở vọng duyên mà Thiền sư đã chỉ ra rất rõ:

*“Thuở xưa trời đất chưa sinh,
Cha mẹ chưa có thực mình chân không
Chẳng có tướng mạo hình dung,
Tịch quang phổ chiếu viên đồng thái hư”.*

Ngoài việc kế thừa các tư tưởng này của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, Thiền sư Chân Nguyên với sự chứng ngộ của bản thân, còn thể hiện quan điểm về thật tính Chân Như mới mẻ, đặc sắc nhưng không ngoài ý nghĩa giải thoát. Đó chính là tự tính trạm viên, vốn tròn đầy, vắng lặng và bao trùm tất cả:

*“Hoa là bản tính trạm viên
Bao hàm thiên địa dưới trên cùng bằng”.*

Quan điểm của Thiền sư Chân Nguyên có sự dung hòa các pháp môn Đốn ngộ và Tiệm ngộ. Đối với pháp môn Đốn ngộ, Thiền sư đề cập đến các phương pháp thiền tông như: bông dầu (gỗ dầu), cử nhãn (đưa mắt nhìn), ấn



“Tịnh độ là lòng
trong sạch, chớ
còn ngờ hỏi đến
Tây phương, Di
Đà là tự tánh
sáng soi, mưa
phải nhọc tìm về
cực lạc”

tri (chứng minh cho là đã biết), ... Những phương pháp này đều được người thầy uyển chuyển vận dụng truyền đạt tùy theo căn cơ người học đạo.

Thiền sư luôn đề cao lối khai thị độc đáo, đặc biệt là Tứ mục tương cổ với tần suất xuất hiện trong tác phẩm đến bảy lần. Đây là do Ngài được Thiền sư Minh Lương sử dụng phương pháp này khai thị. Nhờ đó, Ngài giác tri tự tính và được truyền tâm ấn. Tứ mục tương cổ là một phương pháp mà theo Thiền sư:

*“Tam thể chư Phật Tổ sư
Tứ mục tương cổ thị cù Thiền cơ”.*
Hay:



Nguồn: Southeastasiabackpacker.com

*“Hóa Phật thọ ký vô biên
Từ mục tương cổ mật truyền tâm
tông”.*

Bốn mắt nhìn nhau là thiền cơ,
mật truyền, giống như khi Đức
Thế Tôn gơ đóa sen lên, trong
cả hội chúng chỉ có mỗi Ngài Ca
Diếp hiểu ý Đức Phật:

*“Thuở xưa hội cả Kỳ Viên
Bụt cầm một đóa hoa sen gơ bày
Ca Diếp trí tuệ khôn thay
Liễu ngộ tự tính bằng nay mỉm
cười”.*

Yếu chỉ của Thiền tông chính
là: “trực chỉ chân tâm, kiến tánh
thành Phật” và các phương pháp

khai thị này không ngoài mục đích
chỉ thẳng vào chân tâm, ấn tâm
truyền tâm. Không chỉ có phương
pháp Đốn ngộ, Thiền sư Chân
Nguyên còn kết hợp quan điểm
Thiền - Tịnh song tu: sử dụng các
lối khai thị của Thiền tông nhưng
vẫn có bóng dáng Tịnh độ tông.
Tuy nhiên, Ngài xem câu niệm
Phật là một phương tiện để giáo
hóa. Niệm danh hiệu Phật để vắng
sanh Tịnh độ chỉ là thế giới bên
ngoài người niệm Phật, thật niệm
Phật ngài muốn đề cập chính là tự
tính Di Đà. Vậy nên cuối cùng, tư
tưởng niệm Phật của Thiền sư lại
đúc kết ở câu cuối trong tác phẩm
Tịnh Độ Yếu Nghĩa:

*“Tịnh độ rõ ràng ngay trước mắt
Phút giây không nhọc đến Tây
thiên
Pháp thân đẹp quá siêu ba cõi
Hóa hiện Di Đà ngồi chín sen”*
[5, tr.176].

*“Tịnh độ rõ ràng ngay trước
mắt”* là tư tưởng Phật luôn hiện
hữu trong thực tại, theo đó con
người tìm thấy Đức Phật bên
trong sự thanh tịnh của lòng
mình. Thiền sư là người xuất thân
từ Trúc Lâm Yên Tử, là người
tiên phong trong công cuộc phục
 hưng tinh thần thiền phái Trúc
Lâm và kế thừa tư tưởng này từ
các bậc cao tăng bốn phái, như
vua Trần Thái Tông trong Niệm
Phật luận có dạy:

*“Ư niệm Phật thì chánh thân
đoan tọa, bất hành tà hạnh, thị
tức thân nghiệp đã. Khẩu tụng
chân ngôn, bất đạo tà ngữ, thị tức
khẩu nghiệp đã, ý tồn tinh tiến,
bất khởi tà niệm, thị tức ý nghiệp
đã”. (Trong lúc niệm Phật, thân
thẳng ngồi ngay, không làm việc
tà, như vậy là tắt được nghiệp
thân. Miệng tụng lời chân chính,
không nói điều xằng bậy, thế là*

*tắt được nghiệp miệng. Ý chăm
chú ở sự tinh tiến, không nảy sinh
ý nghĩ tà, thế là tắt được nghiệp
ý)* [8, tr.84-85].

Lời dạy đó đồng mục đích dẹp bỏ
những tà niệm, thay vào đó những
niệm chơn chánh. Hay quan điểm
của vua Trần Nhân Tông: *“Tịnh
độ là lòng trong sạch, chớ còn
ngờ hời đến Tây phương, Di Đà
là tự tánh sáng soi, mưa phải
nhọc tìm về cực lạc”* [8, tr.505].

Đó chính là sự kết hợp pháp môn
Tịnh Độ như cách thức tu Thiền
nhằm dừng lại các vọng tưởng.
Lý giải thêm cho tư tưởng này
qua hình tượng Chân Nguyên
Thiền sư xây dựng các tòa cửu
phẩm liên hoa, học giả Nguyễn
Duy Hình nhận xét: *“... tòa
Cửu phẩm Liên Hoa này không
phải vật chứng về sự tồn tại của
tông Tịnh Độ mà là vật chứng về
Thiền Tịnh tịnh tu”* [2, tr.668-
674]. Hai pháp môn này tương
hỗ nhau, giúp hành giả đạt kết
quả trên con đường tu tập. Ở
Thiền Tông Bản Hạnh, Thiền sư
Chân Nguyên đề cập:
*“Những người niệm Bụt Di Đà
Phật danh
Cùng về Cực Lạc hóa sinh,
Minh vàng vóc ngọc quang minh
lâu lâu
Tiêu dao khoái lạc chẳng âu,
Bất sinh bất diệt ngồi lâu Tòa Sen”.*

Khi hành giả đạt được bất sanh,
bất diệt ngồi lâu tòa sen, đồng
nghĩa đã giác tri tự tính trong
Thiền tông, chứng đạt quả vị giác
ngộ, đạt được mục đích cuối cùng
trong tu tập.

Trong công cuộc chấn hưng Phật
giáo Đàng Ngoài cuối thế kỷ
XVII - đầu thế kỷ XVIII, Thiền
sư Chân Nguyên cùng đệ tử đã



Nguồn: Thichnhatanhfoundation.org

trùng khắc và hiệu đính rất nhiều tác phẩm bị thất lạc trước đó. Việc giới thiệu sách *Thánh Đăng Ngự Lục* cũng cùng mục đích Thiền sư trước tác *Thiền Tông Bản Hạnh*. Ngài đã viết rất rõ ràng:

“Đạo truyền từ cổ chỉ tâm (kim) Thánh Đăng Ngự Lục ẩn tâm trường tồn”.

Sở dĩ Ngài khuyến khích in ấn tác phẩm này vì *Thánh Đăng Ngự Lục* viết về năm vị vua nhà Trần, và được y cứ để viết ra *Thiền Tông Bản Hạnh*. Đây là quyển sách rất quan trọng đối với người tu thiền, Thiền sư Chân Nguyên đã tán thán:

“Xem Thánh Đăng Lục giảng ra Kéo đèn Phật Tổ sáng hòa Tam thiên”.

Nghĩa là xem quyển *Thánh Đăng Lục* giảng ra đồng nghĩa với việc thấp sáng ngọn đèn trí tuệ, ngọn đèn của chư Tổ đã tìm ra, sẽ tỏa khắp cả tam thiên, đại thiên thế giới và giáo pháp, chân lý đức Phật tìm ra sẽ mãi lưu truyền. Trong lời tựa sách *Thánh Đăng Lục Giảng Giải*, Thiền sư Thanh Từ cũng đã nhấn mạnh: *“sẽ là một thiếu sót*

lớn nếu học Thiền Tông Bản Hạnh mà không biết đến tác phẩm này, vì Thánh Đăng Ngự Lục là một tác phẩm giúp người học đạo nhận ra trọng trách tu hành đúng với Thiền tông” [7, tr.1].

Tóm lại, sự ra đời của tác phẩm *Thiền Tông Bản Hạnh* có ý nghĩa rất lớn trước bối cảnh xã hội rối ren lúc bấy giờ, như những phân tích ở trên, chúng ta thấy được tác phẩm không chỉ mang giá trị lịch sử mà còn nhiều giá trị tư tưởng khác về văn hóa và triết học tôn giáo. Trước thế sự không ổn định, Thiền sư Chân Nguyên tìm đến con đường kể lại lịch sử với mong muốn học hỏi, noi gương các vị vua nhà Trần.

Khi viết về triều Trần, Thiền sư Chân Nguyên mong mỏi về một đất nước thống nhất, độc lập, hưng thịnh, nhân dân yên bình trong chánh pháp như các vua Trần đã tạo dựng trước đó. Những tư tưởng phân tích trên khẳng định Chân Nguyên Thiền sư là người có công phục hưng Thiền phái Trúc Lâm ở Đàng Ngoài, trước bối cảnh Phật giáo Trúc Lâm đang trên đà sắp

bị lãng quên. Quan niệm về Thiền của Thiền sư Chân Nguyên có nhiều sắc thái đặc biệt, mới mẻ, nhưng vẫn đậm chất Thiền tông Trúc Lâm, luôn ra sức cống hiến cho đạo pháp và xã hội.

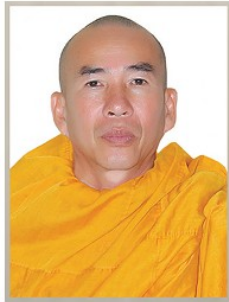
Thiền sư Chân Nguyên vừa là một Thiền sư, vừa là một nhà tư tưởng Phật giáo ở thế kỉ XVII, cũng là một thi Tăng. Và những trước tác của Ngài xứng đáng là một trong những ngọn đuốc sáng, đóng góp rất nhiều cho nền văn học Trung đại Việt Nam.

* Thích Nữ Phước Bảo: Học viên Cao học Khóa 2.

Tài liệu tham khảo:

1. Thích Minh Châu dịch (1991), *Kinh Tương Ưng*, tập 3, Nxb Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP.HCM.
2. Nguyễn Duy Hinh (1999), *Tư Tưởng Phật Giáo Việt Nam*, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.
3. Nhiều Tác Giả (1981), *Tìm hiểu Xã hội Việt Nam thời Lý - Trần*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Hà Văn Tấn (2019), *Cửa sổ Lịch sử-Văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, TP.HCM.
5. Lê Mạnh Thát (2018), *Toàn tập Chân Nguyên Tuệ Đăng*, tập 2, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
6. Nguyễn Khắc Thuần (2002), *Nước Đại Việt thời Lý Trần*, Nxb Thanh Niên, TP.HCM.
7. Thích Thanh Từ (1998), *Thiền Tông Bản Hạnh* giảng giải, Nxb TP.HCM.
8. Thích Thanh Từ (1999), *Thánh Đăng Lục giảng giải*, Nxb TP.HCM.
9. Viện Văn Học (1989), *Thơ Văn Lý-Trần*, tập 2, Quyển thượng, Nxb KHXH, Hà Nội.

CHÙA THANH LƯƠNG, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80 tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. **Đặc biệt, đạo tràng tu học** Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hằng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. **Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan...** Phật tử địa phương và các nơi về chùa đông kín.

Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số, mỗi kỳ Tạp chí phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của Phật tử nên chùa Thanh Lương đã phát tâm cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hun phước in tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.



Thích Minh Thuận



Chùa Thanh Lương, QL 80, thị trấn Hòn Đất,
huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
Trụ trì: TT. Thích Giác Tấn. Điện thoại: 0918316388
Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn



SƯ KHUÔNG TĂNG HỘI

Với lời tựa kinh An Ban Thủ Ý

Kim Lan

Bắt đầu từ thế kỷ thứ II, Phật giáo dần được truyền nhập vào Trung Hoa một cách rời rạc, không hoàn chỉnh do sự cách biệt về ngôn ngữ. Đến thế kỷ thứ III, các nhà sư mới bắt đầu tập trung dịch thuật kinh điển. Nổi bật trong số đó là Thiền sư Khuông Tăng Hội, một vị thiền sư có ảnh hưởng lớn đến cả Phật giáo nước ta và Đông Ngộ lúc bấy giờ.



Nguồn: Afamily.vn

THIỀN SƯ KHƯƠNG TĂNG HỘI VÀ BƯỚC ĐƯỜNG HÀNH ĐẠO

Sinh ra và lớn lên ở Giao Chỉ vào thế kỷ III, ông được một số nhà nghiên cứu xem là thiền sư đầu tiên còn lưu lại dấu ấn trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Trái với một số ý kiến trước đây, thiền sư Khương Tăng Hội xiển dương dòng thiền của Phật giáo Nguyên thủy chứ không phải Thiền tông của Trung Hoa[1].

Sử liệu về sư Khương Tăng Hội chỉ còn tàn mất trong hai tài liệu chính ghi nhận về hành trạng của ngài là *Cao Tăng Truyện*[2]

và *Xuất Tam Tạng Ký*[3], đều ra đời vào thời nhà Lương. Cha mẹ Khương Tăng Hội là người nước Khương Cư (Sogdiane, ngày nay thuộc Uzbekistan), di cư đến Giao Chỉ để lập nghiệp. Theo sách Cao Tăng Truyện, ông sinh ra và lớn lên ở Giao Chỉ. Sau đó xuất gia tại một ngôi chùa ở miền Bắc nước ta. Ông tu học rất tinh tấn, giỏi cả tiếng Hán và tiếng Phạn. Sách còn nói rằng ông đến Kiến Nghiệp - thủ đô nước Ngô (nay là Nam Kinh) - vào năm Xích Ô thứ mười (năm 247). Sau 33 năm ở trên đất Trung Hoa, ông mất vào năm 280, niên hiệu Thái Khương nguyên niên nhà Tấn.

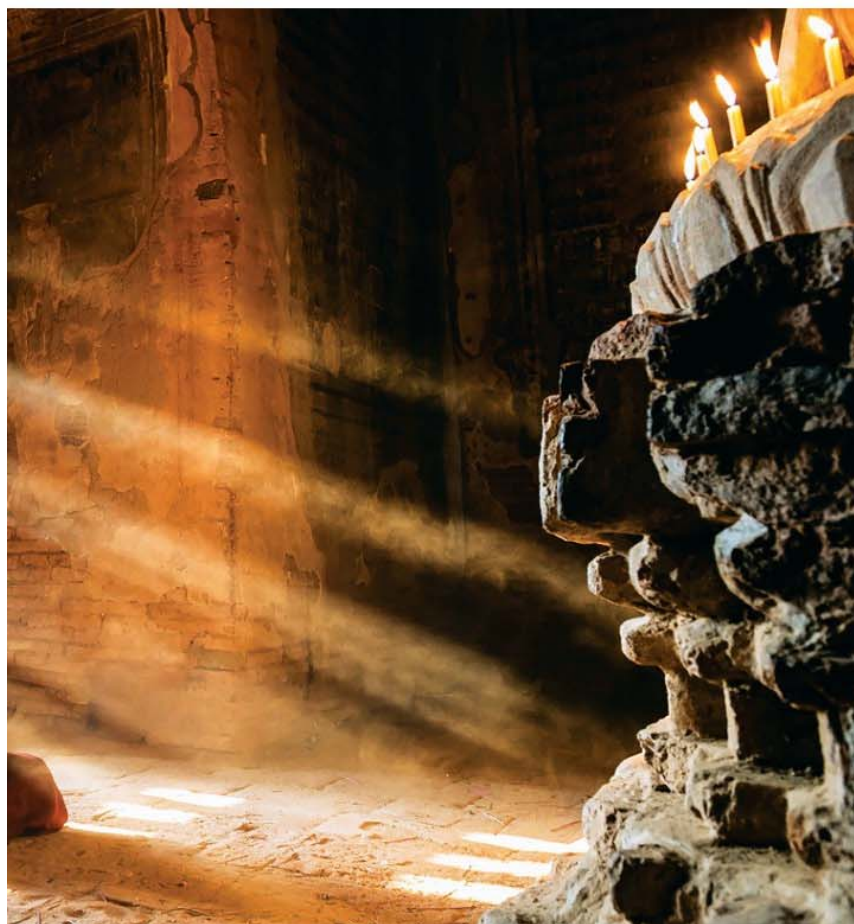
Còn theo giáo sư Nguyễn Lang, Khương Tăng Hội đã viết một số chú giải kinh Phật trong thời gian ở Giao Chỉ, trong đó có lời tựa và bản chú giải kinh An Ban Thủ Ý[4]. Bài tựa kinh cho thấy bằng chứng ông đã viết nó trước năm 229, khi còn ở Giao Chỉ. Đó là chi tiết An Thế Cao - người đã dịch kinh An Ban Thủ Ý, được ghi nhận rằng : “Có vị bỏ tát tên An Thanh, tự là Thế Cao, con đích của vua An Tức, sau khi nhường ngôi cho chú lánh qua đất này, sau bèn về kinh sư”. Kinh sư ở đây là Lạc Dương, nơi An Thế Cao đã dịch nhiều kinh vào nửa sau thế kỷ II.

Nếu bài tựa này viết sau năm 229, tức năm Tôn Quyền xưng đế, kinh sư phải là Kiến Nghiệp chứ không phải Lạc Dương. Bởi sau ngày Tôn Quyền xưng đế, Giao Chỉ thuộc về Đông Ngô, không còn theo Bắc Ngụy. Tác giả Thích Đạt Đạo còn đề xuất ý kiến cho rằng Khương Tăng Hội đã trước tác phần lời tựa kinh An Ban Thủ Ý ở Giao Chỉ trong giai đoạn 221-230.

KINH AN BAN THỦ Ý VÀ NHỮNG PHÁC HỌA VỀ SƯ KHƯƠNG TĂNG HỘI

Kinh An Ban Thủ Ý là một trong những bản kinh được viết ra và phổ biến sớm nhất của Phật giáo Á Đông. Tác giả An Thế Cao được cho đã biên dịch bộ kinh từ tiếng Phạn sang tiếng Hán trong thế kỷ II. Và sư Khương Tăng Hội chú giải, viết lời tựa cho bản kinh này nhằm hoằng pháp khắp Giao Chỉ lẫn Trung Hoa.

Lời tựa kinh An Ban Thủ Ý là một trong ba trước tác của sư Khương Tăng Hội ngày nay còn



Nguồn: Internet



được biết đến. Hai bản chú giải còn lại là Pháp Kính Kinh Chú Giải và Đạo Thọ Kinh Chú Giải đã thất lạc. Riêng bản chú giải kinh An Ban Thủ Ý cùng lời tựa được lưu lại nguyên vẹn trong bản dịch của An Thế Cao, ở bản in Đại chính của Đại tạng kinh.

An Ban là niệm hơi thở, Thủ Ý là sự nhiếp tâm, định tâm. Như vậy, An Ban Thủ Ý là dùng phương pháp niệm hơi thở để điều phục tâm và ý, đi từ sơ nhất thiền đến tứ thiền.

Sư Khương Tăng Hội viết: “An Ban[5] ấy là xe lớn của chư Phật để cứu chung sanh nổi trôi. Nó có sáu việc nhằm trị sáu tình. Tình, có trong, ngoài. Mắt, tai, mũi, miệng, thân, tâm gọi là trong. Sắc, tiếng, mùi, vị, trơn thô, tà niệm gọi là ngoài”[6].

“Thiền định thì cột ý vào hơi thở, đếm một đến mười. Đếm mười không lầm thì định ý ở đó. Tiểu định ba ngày, đại định bảy ngày, vắng không niệm khác, yên lặng như chết, ấy gọi nhất thiền”.

An Ban là niệm hơi thở, Thủ Ý là sự nhiếp tâm, định tâm.

Khi nghiên cứu bản văn, các học giả nhận thấy, đối với kinh An Ban Thủ Ý, việc chép lẫn lời chú giải vào chính văn kinh đã xảy ra từ rất sớm. Nhiều chú tạng, học giả đã nỗ lực nhằm tách chính văn ra khỏi chú giải nhưng không thành công.

Điểm thú vị trong bản chú giải này là sự pha trộn một ít cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt trong văn bản thuần Hán tự. Ví dụ câu “ngưỡng chiêm vân nhật”, có nghĩa là “ngửa trông mây trời”. Trong ngữ pháp tiếng Trung, “vân nhật” không có nghĩa là mây trời, nhưng phải hiểu theo nghĩa “mây trời” của ngữ pháp tiếng Việt. Hoặc câu “kiến sắc vạn vật”, thuần túy văn phong tiếng Việt là “thấy sắc của vạn vật”. Hoặc “thủy vũ” nghĩa là nước mưa, “tín bản nhân duyên” là “tín gốc nhân duyên”, “hành hạnh vô vi” là “làm hạnh vô vi”...

Từ cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt này, chúng ta tìm kiếm thêm trong lời tựa của sư Khương Tăng Hội sẽ phát hiện mối quan hệ thầy trò giữa sư và cư sĩ Trần Tuệ.

“Tôi sinh ra muộn màng, mới biết vác cùi, cha mẹ chết mất, ba thầy viên tịch, ngửa trông mây trời, buồn không biết hỏi ai, nghẹn lời trông quanh, lẻ ra là già. Song phước xưa chưa hết, may gặp Hàn Lâm từ Nam Dương, Bì Nghiệp từ Dĩnh Xuyên, Trần Tuệ từ Cối Kê. Ba vị hiền này tin đạo dốc lòng, giữ đức rộng thẳng, khẳng khái vươn tới, chí đạo không mỏi. Tôi theo xin hỏi, thuốc giỗ góc đúng,

nghĩa không sai khác. Trần Tuệ chú nghĩa, tôi giúp châm chước, chẳng phải chỗ thầy truyền, thì không dám tự do”.

Câu “Trần Tuệ chú nghĩa, tôi giúp châm chước”, có phải hàm ý cư sĩ Trần Tuệ viết bản chú giải, còn sư Khương Tăng Hội chỉ là người “châm chước”? Căn cứ vào nội dung hiện có của An Ban Thủ Ý Kinh chú giải ngày nay, trong quá trình lưu truyền sao chép đã bị nhuận sắc ít nhiều, ta vẫn còn phát hiện một số cấu trúc mang sắc thái ngữ pháp tiếng Việt như đã thấy. Không thể một người từ Cối Kê sang như Trần Tuệ lại viết chú giải An Ban Thủ Ý Kinh với những cấu trúc kiểu đó.

Từ đó, việc sư Khương Tăng Hội bảo “Trần Tuệ chú nghĩa, tôi giúp châm chước” biểu lộ sự khiêm tốn và lòng biết ơn đối với Trần Tuệ. Mặt khác, nó xác nhận Trần Tuệ có ảnh hưởng nhất định lên công tác chú giải của sư. Việc nhắc đến

thầy mình khi viết chú giải hay phiên dịch là nét đặc trưng trong cốt cách Khương Tăng Hội. Khi dịch Cự Tập Thí Dụ Kinh, sư đã ghi lại 14 lời bình luận của thầy với câu “Sư viết” (thầy nói).

Với vai trò là một trong những vị cao tăng thuộc giai đoạn đầu Phật giáo du nhập vào không gian văn hóa Á Đông, sư Khương Tăng Hội đã khéo léo hoằng pháp bằng lời giảng bình dị. Lời tựa và chú giải của ngài góp phần đặt nền móng vững chãi để Phật giáo Trung Hoa phát triển mạnh mẽ về sau.

Chú thích:

[1] Thiên Tông Trung Hoa được Thiên sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci ?-594) (người gốc Ấn Độ) truyền bá vào nước ta vào thế kỷ VI. Ông là môn đệ đặc pháp của Tam Tổ Tăng Xán.

[2] Cao Tăng truyện, còn gọi là Lương Cao Tăng truyện là tuyển tập truyện ghi chép sự tích về các nhà sư nổi tiếng ở Trung Quốc, từ lúc Phật giáo mới du nhập vào Trung Quốc đến đầu nhà Lương

(502-557). Bộ sách gồm 14 quyển, do Tuệ Kiêu - tăng nhân thời nhà Lương Nam - Bắc triều - biên soạn, ghi chép truyện 257 danh tăng cùng 274 nhân vật nổi tiếng từ thời Hán Vĩnh Bình (58-75) đến Lương Thiên Giám (502-519), phân thành 10 loại. Chịu ảnh hưởng của Cao tăng truyện, đời Đường có Đạo Tuyên soạn “Tục cao tăng truyện” gồm 30 quyển, đời Tống có Tân Ninh soạn “Tống cao tăng truyện” gồm 30 quyển, đời Minh có Như Tịnh soạn “Đại Minh cao tăng truyện” gồm 8 quyển. Đời sau gọi 4 bộ Cao tăng truyện này hợp xưng là Tứ triều cao tăng truyện.

[3] Tên gọi đầy đủ là Xuất Tam Tạng Ký Tập do sư Tăng Hựu (445-518) soạn vào thời nhà Lương, còn gọi là Xuất Tam Tạng Ký Mục Lục, Lương Xuất Tam Tạng Tập Ký, hoặc Tăng Hựu Lục. Nội dung ghi chép nguyên nhân, danh mục các kinh và những bản dịch kinh tạng khác nhau từ thời nhà Hậu Hán đến thời nhà Lương.

[4] Nguyễn Lang (1992), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb. Lá Bối, tr.53.

[5] An Ban là âm Hán Việt từ chữ Anapanasati nghĩa là niệm hơi thở.

[6] Thích Đạt Đạo (biên soạn) (2003), Kinh An Ban Thủ Ý Luận Giải, Học viện Phật giáo, tr.3, www.vbu.edu.vn. Các đoạn trích trong công trình đều lấy từ nguồn văn bản này.



Nhu cầu về một hệ thống cơ sở lý luận của

KHUYẾNHƯỚNG PHÁP THỂ CỦA PHẬT GIÁO

Nguyễn Chiến Trường



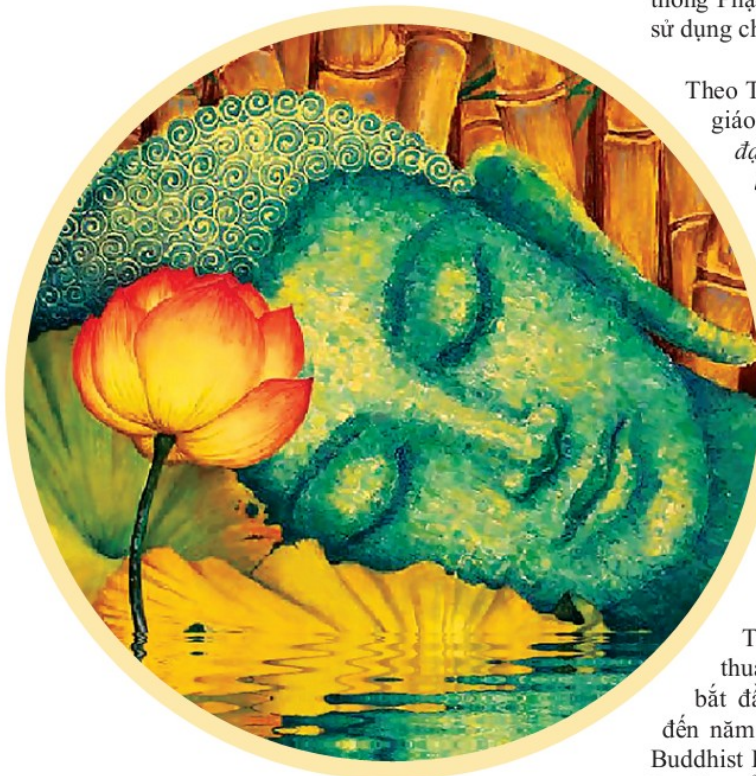
Tóm tắt vấn đề: Khuynh hướng nhập thế của Phật giáo có nghĩa là Phật giáo không tách biệt khỏi thế giới, khỏi các vấn đề xã hội, mà luôn tồn tại gắn liền với lịch sử, đồng thời biết cách vận động trong bối cảnh xã hội theo từng thời kỳ. Ở nơi đó, Phật tử phải dẫn thân vào các hoạt động xã hội trên nền tảng giáo lý Phật giáo. Vấn đề này cần được nghiên cứu nghiêm túc bằng cơ sở lý luận. Bài viết này sẽ phân tích vấn đề trên theo ba phương diện: nhu cầu thống nhất về khái niệm, nhu cầu từ thách thức thế tục hóa tôn giáo, nhu cầu từ thách thức phía giới luật Phật giáo.

“Phật giáo nhập thế” là: Đem đạo Phật đi vào cuộc đời, là thể hiện những nguyên lý đạo Phật trong sự sống,....

SỰ ĐA DẠNG VỀ KHÁI NIỆM NHẬP THẾ

Theo nhiều nhà nghiên cứu, Phật giáo nhập thế có nội hàm là tính “dẫn thân vào thế giới trần tục”, được nói nhiều trước đó cũng như tồn tại với các khái niệm khác nhau như: “Nhân gian Phật giáo”, “Đạo Phật đi vào cuộc đời” hay “Phật hóa nhân gian”. Theo tác giả Chân Minh (Minh, 2016), tư tưởng về một “Phật giáo được ứng dụng trong việc đời thường” đã xuất hiện từ năm 1935 với các tác phẩm của tác giả Nguyễn Trọng Thuật. Nhưng phải đến 1960, khi Thiền sư Thích Nhất Hạnh chính thức gọi tên xu hướng này với tên “Engaged

Nguồn: Lionsroar.com



Nguồn: Medium.com

Buddhism” thì Phật giáo nhập thế chính thức được xác lập bản thân nó trong hệ thống Phật học và được cộng đồng quốc tế sử dụng chung.

Theo Thiền sư Thích Nhất Hạnh, “Phật giáo nhập thế” có nghĩa là: “*Đem đạo Phật đi vào cuộc đời có nghĩa là thể hiện những nguyên lý đạo Phật trong sự sống, thể hiện bằng những phương thức phù hợp với thực trạng của cuộc đời để biến cải cuộc đời theo chiều hướng thiện, mỹ. Chừng nào sinh lực của đạo Phật được trông thấy dào dạt trong mọi hình thức của sự sống chừng đó ta mới có thể nói được rằng đạo Phật đang thật sự hiện hữu trong cuộc đời*”. (Nhất Hạnh, 1964, trang 51).

Từ Thiền sư Thích Nhất Hạnh, thuật ngữ “Engaged Buddhism” bắt đầu được sử dụng rộng rãi hơn, đến năm 1986 cuốn sách “The Engaged Buddhist Reader” được xuất bản bởi NXB Parallax tổng hợp những quan điểm về Phật giáo nhập thế từ các cá nhân Dalai Lama, Thích Nhất Hạnh, Shunryu Suzuki, Maha Ghosananda, Joanna Macy, Jack Kornfield, Robert Aitken, Maxine Hong Kingston, Saki Santorelli, Claude Thomas, Kenneth Kraft, Robert Thurman, Chân Không, Sulak Sivaraksa, Gary Snyder, A. T. Ariyaratne, Allan Hunt Badiner, Richard Baker, Peter Mathiessen, Annabel Laity, Patricia Marx Ellsberg, Stephen Batchelor, Bill Deval cũng mô tả một Phật giáo tương tự như thế. Một Phật giáo mà nơi đó những Phật tử

Phật giáo nhập thế (Engaged Buddhism) là một hình thức đương đại của Phật giáo, tham gia tích cực nhưng không bạo lực để giải quyết các vấn đề xã hội, kinh tế, chính trị, môi trường.

nhập thế đem cuộc đời của mình phục vụ con người thay vì chỉ phục vụ đời sống tu hành trong tự viện.

Năm 2009, trong công trình “Socially Engaged Buddhism - Dimensions of Asian Spirituality” do nhà xuất bản Đại học Hawaii ấn hành, tác giả Sallie B. King trình bày: “Phật giáo nhập thế (Engaged Buddhism) là một hình thức đương đại của Phật giáo, *tham gia tích cực nhưng không bạo lực* để giải quyết các vấn đề xã hội, kinh tế, chính trị, môi trường. Ở trạng thái tốt nhất, sự tham gia này không tách rời khỏi tinh thần của Phật giáo, mà là một biểu hiện của nó” (King, 2009, trang 1); “Nguồn gốc triết học và đạo đức của nó nằm sâu trong triết học và các giá trị Phật giáo truyền thống và được áp dụng vào các vấn đề đương đại” (King, 2009, trang 2); “Phật giáo nhập thế không phải là một phong trào xa lạ với các giá trị tinh thần của Phật giáo truyền thống. Đó là một con đường dẫn đến sự viên mãn các giá trị đó và thể hiện chúng trong hành động” (King, 2009, trang 56).

Có thể thấy, theo King, Phật giáo nhập thế vừa là một vận động vật chất hợp bản chất tinh thần của Phật giáo, vừa là hành động giúp các giá trị của Phật giáo được đạt thành, vừa là nhiệm vụ của Phật giáo nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách xã hội.

Theo Chân Như, Phật giáo nhập thế có thể được xét dưới góc độ tâm linh và lịch sử. Góc độ tâm linh cung cấp một số nguyên tắc hành trì chung, góc độ xã hội và chính trị khiến mỗi phong trào Phật giáo nhập thế có sắc thái độc đáo. Góc độ tâm linh cung cấp tiêu chuẩn cho những hoạt động cải cách xã hội của Phật tử, để phân biệt với những người cải cách xã hội và chính trị ‘không Phật tử’. (Như, 2011).

Qua các cách mô tả như thế, chúng ta có thể hình dung về “Phật giáo nhập thế” vẫn là khối mơ hồ, một định nghĩa mang tính cương lĩnh thay vì một hướng dẫn chi tiết về cách nhập thế cho những người Phật tử xuất gia lẫn tại gia để thực hành một nền “nhập thế” đúng đắn. Và sự tương quan của các khái niệm Tôn giáo học, thì “nhập thế” của Phật giáo có tương quan thế nào với “thế tục hóa tôn giáo”?

Tất cả những vấn đề này thiết nghĩ cần được làm rõ dưới góc độ Phật học bằng các công trình nghiên cứu sâu sắc hơn những liệt kê theo cách của HT. Thích Thiện Nhơn (Thiện Nhơn, 2017) hoặc HT. Thích Gia Quang (Gia Quang, 2019). Vì hơn hết, chúng ta cần nhìn rộng việc “đi vào cuộc đời” (theo chữ dùng của Thiền sư Thích Nhất Hạnh) của Phật giáo là sự tác động của Phật giáo đến vai trò con người, xét trong tương quan với xã hội bao gồm: gia đình, nghề nghiệp, thương mại, kinh tế, chính trị; cùng với những vấn đề nóng bỏng của thời đại: nhân quyền, lao động, lương bổng, quyền tư hữu, chiến tranh, hòa bình,... Mà trước đó, về phía Công giáo La Mã đã thiết lập nên một nền lý thuyết với tên gọi: “Học thuyết xã hội Công giáo”.

NHẬP THẾ TRONG KHUYN HƯỚNG THẾ TỤC HÓA VÀ NHỮNG THÁCH THỨC

Theo TS. Nguyễn Xuân Nghĩa (Xuân Nghĩa, 1996) thì thuật ngữ thế tục hóa (secularization) lần đầu tiên được sử dụng trong hoà ước Westphalia năm 1648 để chỉ việc chuyển giao các tài sản Giáo hội cho nhà nước vào thời Cải cách Tin Lành. Việc “thế tục” này được diễn ra tiếp tục vào thời cách mạng Pháp 1789-1815 và năm 1905 cũng tại

*“Thánh hóa cái phàm - tục hóa cái
thiêng” là một thách thức, một nguy cơ,
một bài toán cần giải đáp trong
Phật giáo khi nhập thế.*

Pháp khi chính phủ giải tán các dòng tu, sung công tài sản (Tấn Thành, 2014). Theo nghĩa này, “thế tục hóa” mang nghĩa “quốc hữu hóa” tài sản.

Sau đó, nội hàm “thế tục hóa” dần thay đổi qua sự phát triển của Xã hội học. Trong tác phẩm *The Sociological Imagination* (1959), Wright Mills có nhận định: “Đã có thời thế giới chứa đầy những cái thiêng - trong tư tưởng, thực hành, và thể chế. Sau thời kỳ Cải cách và Phục hưng, những lực lượng hiện đại hóa đã quét qua địa cầu và thế tục hóa, một quá trình lịch sử theo sau nó, đã nói lòng sự ngự trị của cái thiêng. Đến một lúc nào đó trong tương lai, cái thiêng sẽ biến mất hoàn toàn ngoại trừ, có lẽ, trong lĩnh vực riêng tư”.

Đến thế kỷ XX, sự ảnh hưởng của các tôn giáo và tổ chức tôn giáo lên các lĩnh vực xã hội ngày càng rộng, cũng như số lượng “tôn giáo mới” bùng nổ thì lối tiếp cận trên rõ ràng gặp khủng hoảng. Nói theo bà Danièle Hervieu Léger, Giám đốc nghiên cứu Phân ban Xã hội học tôn giáo, trường Cao học Khoa học Xã hội Pháp (EHSS): “Thế tục hóa không phải là một sự biến mất của tôn giáo khi phải đối đầu với tính duy lý: đó là một quá trình tái tổ chức thường xuyên của công việc tôn giáo trong một xã hội mà tự cơ cấu là bất lực trong việc thỏa mãn những chờ đợi vốn có trong tồn tại của xã hội” (Xuân Nghĩa, 1996, p.12).

Vì phạm trù Thánh - Thiêng trong tôn giáo còn nhiều tranh cãi, thậm chí, xuất hiện những hành động mang tính “trần thế” khoác áo thánh thiêng và ngược lại biến đời tu thiêng liêng trở nên “tục hóa”. Do đó, việc “Thánh hóa cái phàm - tục hóa cái thiêng” là một thách thức, một nguy cơ, một bài toán cần giải đáp trong Phật giáo khi nhập thế. Những thách thức từ khuynh hướng thế tục hóa, đang đặt ra cho những nhà nghiên cứu

Nguồn: Blog.mindvalley.com

Phật học một bài giải về cơ sở lý luận cho việc “nhập thế” của Phật giáo.

Tóm lại, theo quan điểm chung của nhà Phật, việc được giải thoát khỏi thế gian trần tục, không còn đứng trong vòng luân hồi là cứu cánh tối thượng, là mục đích cuối cùng mà Phật giáo hướng đến. Nhưng một thực tế đang diễn ra là vấn đề nhập thế của Phật giáo được mặc định là một tính chất tự nhiên của đạo Phật (Đình Long, 2012).

Đơn cử, HT.TS. Thích Gia Quang cho rằng: “Phật giáo chưa bao giờ tách khỏi tế bào xã hội mà thay vào đó Phật giáo có những phương thức hữu hiệu để giúp xã hội phát triển bền vững và giải quyết những vấn đề “nóng” ở cấp độ toàn cầu... Như vậy, Phật giáo cần xây dựng một số chuyên đề về công tác Phật sự đi sát với thực tế, giải quyết được vấn đề thực tiễn trong đời sống đương đại, tránh lý luận, kinh điển giáo điều. Có làm được như vậy mới phát huy được tinh thần nhập thế của Phật giáo để không hổ thẹn với lịch đại Tổ sư và các bậc tiền bối đã hy sinh cả đời mình vì đạo pháp, vì dân tộc”. (Gia Quang, 2019).

Thiết nghĩ, vấn đề nhập thế của Phật giáo nên được coi là đề tài có tính học thuật của chuyên ngành Phật học. Ở đó, những cơ sở lý luận, những khái niệm, những phương pháp luận cần được nhìn nhận và phân tích rõ ràng để đi đến các thống nhất chung trong cách hiểu về “phương thức nhập thế” của Phật giáo.

Tài liệu tham khảo:

- Duerr, M. (2010, 3 26). *An Introduction to Engaged Buddhism*. Retrieved from Public Broadcasting Service: <https://www.pbs.org/thebuddha/blog/2010/mar/26/introduction-engaged-buddhism-maia-duerr/>.
- Đình Long, L. (2012, 08 02). *Đạo Phật có nghĩa là nhập thế*. Retrieved from Giác Ngộ Online: <https://giacngo.vn/phetgiaotuoitre/2012/08/02/3EC619/>.
- Đức Hiền, Đ. (2012). Xu thế thế tục hóa trong Phật giáo ngày nay. *Tạp chí Công tác Tôn giáo*, 22.
- Gia Quang, T. (2019, 11 22). *Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại ở Việt Nam*. Được truy lục

từ Cổng thông tin Phật giáo thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam: <https://phatgiao.org.vn/phat-giao-nhap-the-va-cac-van-de-xa-hoi-duong-dai-o-viet-nam-d38168.html>.

- King, S. (2009). *Socially Engaged Buddhism - Dimensions of Asian Spirituality*. Honolulu: Hawaii Press.
- Malkin, J. (2003, 07 1). *In Engaged Buddhism, Peace Begins with You*. Retrieved from Lion's Roar Magazine: <https://www.lionsroar.com/in-engaged-buddhism-peace-begins-with-you/>.



Nguồn: Qz.com

- Minh, C. (2016, 01 12). *Thiền sư Thích Nhất Hạnh từ Nhân gian Phật giáo đến Phật giáo ứng dụng*. Retrieved from Thư viện Hoa sen: <https://thuvienhoasen.org/a24569/thien-su-thich-nhat-hanh-tu-nhan-gian-phat-giao-toi-dao-but-ung-dung>.
- Nhất Hạnh, T. (1964). *Đạo Phật đi vào cuộc đời*. Sài Gòn: NXB Lá Bối.
- Như, Q. (2011, 10 12). *Những điểm chính yếu của Phật giáo nhập thế*. Retrieved from Thư viện Hoa sen: <https://thuvienhoasen.org/a13301/nhung-diem-chinh-yeu-cua-phat-giao-nhap-the>.
- Sỹ Hùng, T. (2019, 10 7). *Thế tục hóa tôn giáo là thuộc tính đặc thù*. Retrieved from Tạp chí điện tử Văn Hiến Việt Nam: <https://vanhien.vn/news/the-tuc-hoa-ton-giao-la-thuoc-tinh-dac-thu-72318>.
- Tấn Thành, P. (2014, 08). *Hiện Tượng Tục Hóa: Quan Điểm Xã Hội Học Và Thần Học. Thời sự Thần học số 65*, pp. 151-178.
- Từ, L., & Thịnh, L. (2001). *Từ điển Nho, Phật, Đạo*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Thiện Nhơn, T. (2017). *Nhận thức chuẩn về tinh thần nhập thế của Phật giáo*. Retrieved from Phật học đời sống: <https://phathocdoisong.com/nhan-thuc-chuan-ve-tinh-than-nhap-the-cua-phat-giao.html>.
- Viện Ngôn Ngữ Học. (2004). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- Xuân Nghĩa, N. (1996). *Tôn giáo và quá trình thế tục hóa. Tạp chí Xã hội học số 53*, pp.8-14.



CHÙA SẮC TỨ LONG AN

Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

Chùa Sắc tứ Long An hay còn gọi là Long An Cổ Tự. Chùa được xây dựng vào năm 1855, tọa lạc tại ngã ba Rạch Tràm, thuộc ấp Bình Sơn, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Là một trong những ngôi chùa cổ nhất vùng do họ Trần khai lập. Năm 1924, do ảnh hưởng chiến tranh, chùa bị hư hoại, qua nhiều lần tôn tạo, hiện còn lưu giữ khá nhiều hiện vật ghi lại dấu ấn của một vị Hòa thượng đã từng làm

nên danh hiệu Sắc tứ - Hòa thượng Võ Ngộ Thông, tục gọi là Hòa thượng Sâm. Dân gian truyền tụng Võ Ngộ Thông là người rất giỏi y dược, thông hiểu phong thủy, có tài thuyết giảng, thu phục người khác. Khoảng năm 1900, sư Tâm Ngoạn già yếu, nên gọi Võ Ngộ Thông về chùa Long An để tập sự làm trụ trì.

Năm Đinh Tỵ (1917) ngài hương cả trong vùng xuất tiền trùng tu chùa Long An. Cũng trong năm này, chùa làm lễ khánh thành, chính quyền địa phương Cai Lậy báo cáo lên tỉnh Mỹ Tho, tổ chức “khai bằng” danh hiệu Hòa thượng cho sư Võ Ngộ Thông. Cũng dịp này, Hòa thượng Ngộ Thông đã thuê nhóm thợ Tài Công Xuyên ở Gò Công lên đắp bộ tượng Phật, Bồ tát, các vị Thiện thần bằng hồ vữa để thờ tại chùa. Bộ tượng được đắp thủ công không sử dụng khuôn nên còn mang đậm phong cách tượng mục đồng. Ngoài ra, nhằm tạo điều kiện cho khách hành hương đến chùa tiện lợi, Hòa thượng vận động xin đất rồi thuê nhân công đắp một con đường dài

hơn 2km từ lộ Đông Dương (tức QL 1A hiện nay) vào chùa, dân địa phương gọi là lộ Hòa thượng, hiện nay vẫn còn sử dụng.

Sau lễ khánh thành chùa Long An, vào năm Mậu Ngọ (1918), Hòa thượng Võ Ngộ Thông đến chùa Sắc tứ Trường Thọ (Gò Vấp) lay Hòa thượng Tâm Thông cầu pháp y chỉ, được pháp hiệu là Bửu Minh. Sau mấy tháng ở Kinh đô, hai thầy trò Hòa thượng trở về chùa, thiết lập đại lễ khánh hạ và đổi hiệu chùa là “Hoàng ân Sắc tứ Long An cổ tự”.

Năm 1935, thuận thế vô thường Hòa thượng viên tịch, vào lúc này cũng là thời kỳ chiến tranh đói khổ nên ngôi chùa trở thành nơi tụ hội tâm linh cho nhân dân trong vùng. Có những thời điểm, chùa không có Sư kế tự nên dân làng tự cử người thay nhau hương khói.

Vào khoảng năm 1968, có Thầy Quảng Minh, thế danh Nguyễn Văn Ngộ người địa phương xuất gia về trông coi và trụ trì. Đến khi đất nước độc lập năm 1975 Thầy trở về gia cảnh đời thường. Vào thập niên 90, Thầy Quảng Minh tái xuất gia trở lại và ở chùa chăm lo ngôi Tam Bảo cho đến năm 2008 Thầy trở về quê cát am tịnh tu.

Năm 2008, được sự cho phép của Ban Trị sự và sự đồng thuận của chính quyền các cấp, Đại đức Thích Phước Nhân được bổ nhiệm về Trụ trì chùa Sắc tứ Long An cho đến nay.

Để tạo thuận lợi cho Tăng chúng và Phật tử tu học cũng như hoạt động Phật sự của chùa, năm 2009 Đại đức trụ trì đã mở rộng thêm 5.500m² đất xung quanh chùa. Khi thủ tục hoàn thành Đại đức cho tiến hành xây dựng Tăng



xá, Giảng đường, cổng tam quan, trùng tu lại khu vườn tháp Tổ và các công trình phụ khác.

Năm 2016, được sự phát tâm của gia đình Phật tử Diệu Hồng – Phạm Thị Bích Vân (TP.HCM), Đại đức Thích Phước Nhân đã tiến hành Đại trùng tu ngôi Chánh điện chùa Sắc tứ Long An theo kiến trúc nhà 3 gian hai chái, với kết cấu 5 nóc, dài 60m, ngang 15m. Tổng cộng có 84 cây cột làm bằng gỗ căm xe; mái lợp ngói âm dương, các đầu đao trang trí hoa văn hình cá hóa long; nền chùa lát gạch tàu hình lục giác; vách tường đôi và được trang trí theo kiến trúc Pháp.

Bên trong ngôi Chánh điện bề trên cao thờ tôn tượng Đức Phật Thích Ca làm bằng gỗ thép vàng; phía trước bề dưới là các pho tượng Phật Thích Ca, Tôn giả Ca Diếp, A Nan, tượng Nam Tào, Bắc Đẩu đều là những pho tượng cổ của chùa được làm từ thời Hòa thượng Võ Ngộ Thông trước đây. Tả, hữu là ban thờ Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền; dọc hai bên là dãy ban thờ Thập bát La hán và Thập điện Diêm vương. Các khung bao lam, liễn đối, các bức Đại tự đều được làm bằng gỗ sơn son thếp vàng rất tinh xảo.

Phía sau điện Phật là Khám thờ di ảnh và long vị Hòa thượng Võ Ngộ Thông được chạm trổ rất tinh tế.

Giữa Chánh điện và Tổ đường là gian nhà trống để lấy ánh sáng. Tổ đường thờ di ảnh Tổ sư Đạt Ma, tôn tượng Lục tổ Huệ Năng và long vị, di ảnh chư Hòa thượng tiền bối. Ngôi Hậu Tổ thờ di ảnh Hòa thượng Thích Minh Trí – Bôn sư của Đại đức Trụ trì cũng là người trực tiếp nhận ngôi chùa Sắc tứ Long An và giao lại cho Đại đức Thích Phước Nhân đảm trách thừa hành Phật sự. Gian nhà Hậu Tổ còn được an trí ban thờ Gia phả Họ Trần – là những người phát tâm thành lập ngôi Chùa và Ban thờ chư hương linh bá tánh.

Ngôi Chánh điện được xây dựng trong vòng 2 năm thì hoàn thành. Lễ hoàn công vào ngày 09/12/2018 (nhằm ngày 03 tháng 11 năm Mậu Tuất) trong niềm hân hoan của tứ chúng gần xa và người dân quanh vùng.

Ngoài việc trùng hưng Tam bảo, Đại đức Thích Phước Nhân còn tham gia sinh hoạt Giáo hội và tích cực hướng dẫn Phật tử tu tập, thực hành các công tác từ thiện, an sinh xã hội, góp phần vào công cuộc phát triển chung của đất nước.

Chùa Sắc tứ Long An trong 200 năm hình thành và phát triển, ngôi chùa luôn là chỗ dựa tâm linh vững chắc cho Phật tử gần xa nương tựa tu học Phật pháp, là thắng duyên cho chư Tăng hoàng pháp độ sanh.

Quốc Khanh



LỊCH SINH HOẠT ĐẠO TRÀNG TẠI CHÙA

(Ngày âm lịch hàng tháng)

- Khoá tu niệm Phật ngày 21.
- Ngày mùng 08 – đạo tràng Pháp hoa tụng kinh Pháp hoa và Tu học.
- Chủ Nhật hàng tuần, khoá sinh hoạt thiếu nhi và dạy giáo lý.
- Chiều Chủ Nhật hàng tuần tổ chức dạy các lớp võ thiếu lâm cổ truyền cho các em thiếu nhi.

Liên lạc: Chùa Sắc tứ Long An

ĐC: Ngã ba Rạch Tràm, ấp Bình Sơn, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

ĐT. Thích Phước Nhân - ĐT: 0907840566



Pháp Phục An Nghiem

- 📍 380/4 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
- 📍 Sala Mart: 36 Trần Quý Cáp, P.11, Q. Bình Thạnh
- 📍 Zen House: 60/2 Vân Côi, P.7, Q. Tân Bình
- 📱 Facebook: An Nghiem Facshion. 🌐 Website: Annghiem.vn



Lá tía tô®

THỰC DƯỠNG SINH

www.latiato.com

Ăn Xanh - Uống Sạch - Sống khỏe
Sản Phẩm Dưỡng Sinh Cổ Truyền

TRỤ SỞ CHÍNH:

117 Hồng Hà, P.2, Q. Tân Bình, TP.HCM. ĐT: 028.3848.7708 - 0901.191.267

CHI NHÁNH 1:

3 Hoa Sứ, P.7, Q. Phú Nhuận, TP.HCM. ĐT: 028.3517.8797 - 0937.786.191

CHI NHÁNH 2:

110 Trần Văn Ký, P.14, Q. Bình Thạnh, TP.HCM. ĐT: 028.6297.8559 - 0937.681.055

CHI NHÁNH 3:

Đối diện cổng chùa Hoàng Pháp, H. Hóc Môn, TP.HCM. ĐT: 0937.039.433



VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 32.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



HOÀNG PHÁP
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoàng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoàng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp



 **TÔN HOA SEN**



**MỘT LẦN CHỌN ĐÚNG
CẢ ĐỜI AN TÂM**



HOA SEN GOLD
CHẤT LƯỢNG VÀNG

BẢO HÀNH CAM KẾT 30 NĂM



www.hoasengroup.vn